



ISSN: 1859 - 042X

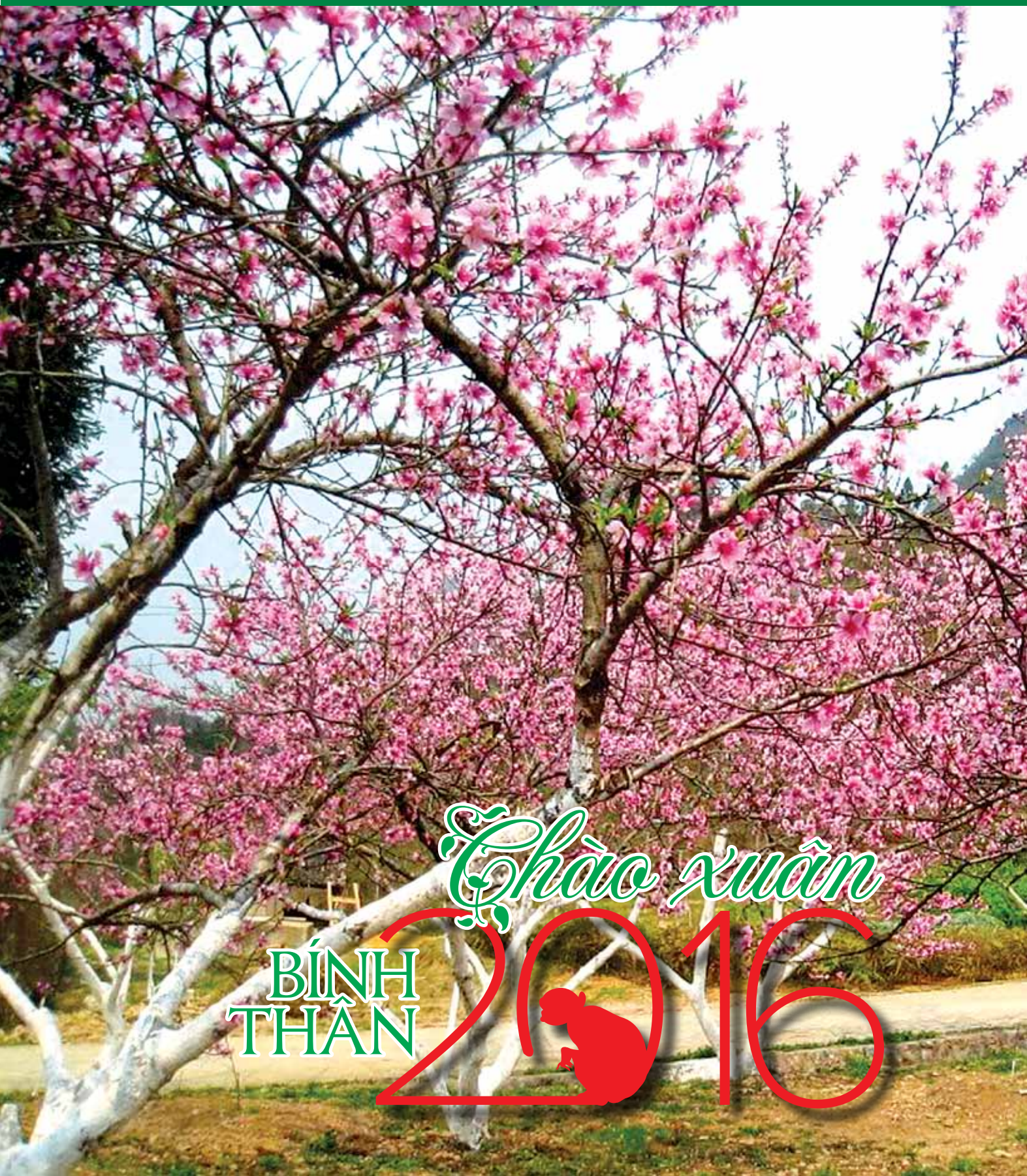
Số 1
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



Chào xuân

BÍNH
THÂN



TRONG SỐ NÀY



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [2] Bộ TN&MT: Đẩy mạnh việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý Tài nguyên và Môi trường
- [4] 10 sự kiện/hoạt động môi trường nổi bật trong nước và quốc tế năm 2015
- [9] VŨ NGỌC LÂN:
Ngày Xuân nghỉ về phát huy truyền thống văn hóa trong BVMT
- [11] HÀ HUY THÔNG:
Tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo - truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam



15



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [26] TRẦN NGỌC NGOẠN - HÀ HUY NGỌC:
Hợp tác công tư trong lĩnh vực dịch vụ môi trường đô thị: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam
- [28] NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG:
Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về BVMT tại các cơ sở y tế
- [29] NGUYỄN ĐỖ ANH TUẤN - ĐẶNG KIM KHÔI - ...:
Việt Nam tham gia TPP - Những vấn đề liên quan đến môi trường và sử dụng tài nguyên trong nông nghiệp

2



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [13] PHAN XUÂN DŨNG:
Cần tiếp tục đầu tư và huy động nguồn lực cho công tác ứng phó với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính
- [15] NGUYỄN VĂN TÀI:
Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo ra sự chuyển biến mới trong công tác bảo vệ môi trường
- [18] NGUYỄN TIẾN NHƯÔNG:
Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên lưu vực sông Cầu
- [20] PHẠM VĂN TẤN:
Việt Nam sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu
- [22] VŨ MINH LƯỢNG:
Triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường
- [24] NGUYỄN NGỌC VÕ:
Nỗ lực xử lý ô nhiễm môi trường từ hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu

26





GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [31] NGUYỄN THÚY LAN - ĐINH VĂN TÔN - ... :
Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải chứa phóng xạ
trong khai thác chế biến khoáng sản tại Việt Nam



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [33] GIA LINH:
Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang -
Điểm sáng về BVMT nơi địa đầu tổ quốc
- [34] THU HẰNG:
Công ty CP giấy An Hòa: Nỗ lực khắc phục khó khăn, từng bước cải thiện
công tác bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- [36] TRẦN XUÂN TÂM: Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé: Đẩy mạnh
công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học
- [38] MINH NGUYỆT: Hội Liên hiệp Phụ nữ Vĩnh Phúc triển khai hiệu quả
các phong trào BVMT gắn với xây dựng nông thôn mới
- [39] DUY HIỂN: Người giữ rừng
- [41] NGUYỄN VIẾT CÁCH: Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển bền
vững Vườn quốc gia Xuân Thủy



NHÌN RA THẾ GIỚI

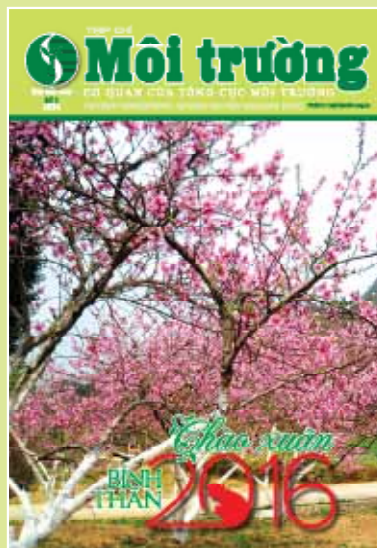
- [42] LƯU TRANG: 10 sự kiện môi trường quốc tế nổi bật năm 2015

42



MÔI TRƯỜNG VÀ XUÂN

- [46] MAI HƯƠNG: Đêm giao thừa nhớ thơ chúc Tết của Bác
- [48] NGUYỄN THANH ĐIệp - NHÂM THỊ HIỀN:
Xuân đến sớm trên đảo tiền tiêu
- [49] Trần Thắng Trung: Làng nghề truyền thống trồng mai Nhơn An
rộn ràng sắc hoa mùa xuân
- [51] ĐẶNG HUY HUỲNH: Xuân Bính Thân nói chuyện về bảo tồn
và phát triển bền vững các loài linh trưởng tại VN
- [52] HỒNG NHUNG: Đảo khi - Điểm du lịch sinh thái hấp dẫn tại Cát Bà
- [53] LÊ THÚY MAI: Phong tục đón Tết của đồng bào dân tộc Mông bản Sin Suối Hồ
- [55] PHẠM CÔNG ĐÀO: Đào nường ngày ấy nay còn mấy ai



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)

GS. TS. Bùi Cách Tuyến
TS. Nguyễn Thế Đồng
TS. Hoàng Dương Tùng
TS. Mai Thanh Dung
GS. TS. Đặng Kim Chi
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thục
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

TÒA SOẠN

Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Ban Trị sự: (04) 66569135
Ban Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tcbvmt@yahoo.com.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

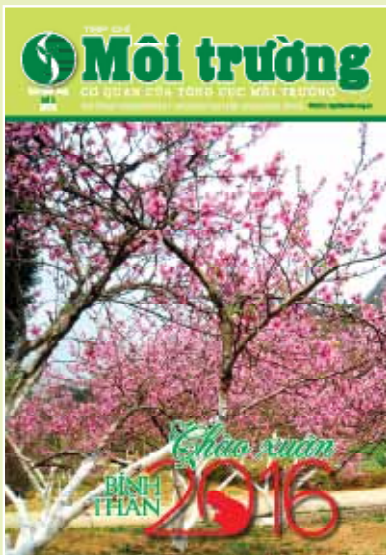
Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V

Số 1/2016

Giá: 15.000đ



EDITORIAL COUNCIL

Dr. **Nguyễn Văn Tài**
(Chairman)

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyến**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thực**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tcbvmt@yahoo.com.vn

<http://www.tapchimoitruong.vn>

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 1/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [2] MONRE boosts implementation of natural resources and environmental strategies, master plans and plans
- [4] Top ten international and domestic environmental events in 2015
- [9] **VŨ NGỌC LÂN:** New Year's thoughts on promoting cultural values in environmental protection
- [11] **HÀ HUY THÔNG:** Spirits of independence, self management and creativity- Viet Nam's Communist Party's precious tradition



LAW - POLICY

- [13] **PHAN XUÂN DŨNG:** Need for continuing investment and resource mobilization for responding to climate change and green house gas mitigation
- [15] **NGUYỄN VĂN TÀI:** Increasing effectiveness and enforcement of state management of environmental protection
- [18] **NGUYỄN TIẾN NHƯÔNG:** Enhancing inspection and supervision of comprehensive treatment of serious polluters in Cau River Basin
- [20] **PHẠM VĂN TẤN:** Viet Nam to develop plan for implementing Paris Agreement on Climate Change
- [22] **VŨ MINH LƯỢNG:** Nam Dinh Department of Natural Resources and Environment's effective environmental management
- [24] **NGUYỄN NGỌC VÕ:** Nghe An's efforts in remediation of pesticide stockpile contamination



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [26] **TRẦN NGỌC NGOẠN - HÀ HUY NGỌC:**
Public private partnership in urban environment services:
International experience and lessons for Viet Nam
- [28] **NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG:** Enhancing environmental inspection and supervision in health care facilities
- [29] **NGUYỄN ĐỖ ANH TUẤN - ĐẶNG KIM KHÔI - ...:**
Viet Nam joining TPP: Environmental and natural resource issues in agriculture



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [31] **NGUYỄN THÚY LAN - ĐINH VĂN TÔN - ... :**
Applying radioactive wastewater treatment technology
in mining and processing sector in Viet Nam



ENVIRONMENT AND BUSINESS

- [33] **GIA LINH:** Ha Giang Mechanics and Mineral Joint Stock Company:
A good example in the country forefront area
- [34] **THU HẰNG:** An Hoa Paper Joint Stock Company' effort in overcoming difficulties and step by step improving environmental protection towards sustainable development



SUSTAINABLE DEVELOPMENT

- [36] **TRẦN XUÂN TÂM:** Muong Nhe Nature Reserve strengthening forest protection and management and biodiversity conservation
- [38] **MINH NGUYỆT:** Vinh Phuc Women Union's effective movements of integrating environmental protection into new rural area development
- [39] **DUY HIỂN:** A forest protector
- [41] **NGUYỄN VIỆT CÁCH:** Harmonized conservation and sustainable development in Xuan Thuy National Park



AROUND THE WORLD

- [42] **LƯU TRANG:** Top ten international environmental events



ENVIRONMENT AND SPRING

- [46] **MAI HƯƠNG:** New Year's Eve: Missing Uncle Ho's Season Greeting Poems
- [48] **NGUYỄN THANH ĐIẾP - NHÂM THỊ HIỂN:** Early Spring in forefront islands
- [49] **TRẦN THẮNG TRUNG:** Nhon An village: booming Vietnamese Micky mouse flowers
- [51] **ĐẶNG HUY HUỠNH:** Binh Than Spring talks on conservation and sustainable development of primates in Viet Nam
- [52] **HỒNG NHUNG:** Monkey island: an attraction site in Cat Ba
- [53] **LÊ THÚY MAI:** Welcoming New Year's Customs of H'Mong ethnic group in Sin Suoi Ho hamlet
- [55] **PHẠM CÔNG ĐÀO:** Handful of traditional singers nowadays



Bộ TN&MT: Đẩy mạnh việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý tài nguyên và môi trường

Ngày 5/1/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2015 và triển khai kế hoạch năm 2016. Tham dự Hội nghị có Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải; Đại diện lãnh đạo Văn phòng Chính phủ và một số Bộ, ngành có liên quan; Lãnh đạo Sở TN&MT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Năm 2015, được sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự đoàn kết, nhất trí của tập thể Lãnh đạo Bộ và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành cũng như sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành, địa phương, ngành TN&MT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào việc giữ ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội của đất nước.

Hệ thống chính sách, pháp luật về TN&MT cơ bản được hoàn thiện. Trong năm qua, Bộ TN&MT đã trình Chính phủ ban hành 9 Nghị định; Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 7 Quyết định; Ban hành 75 Thông tư và Thông tư liên tịch; Rà soát, báo cáo Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các quy hoạch, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia... Các văn bản pháp luật, đề án đều bám sát chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), tăng cường tính công khai, minh bạch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát huy nguồn lực TN&MT cho phát triển kinh tế - xã hội, làm cơ sở cho công tác quản lý TN&MT trong giai đoạn tới, đồng thời góp phần ngăn ngừa, hạn chế tình trạng tham nhũng, đơn thư khiếu kiện trong các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường.

Bên cạnh đó, hoạt động thanh, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và các vụ việc tổn động, kéo dài tiếp tục được tăng cường. Toàn ngành đã tiến hành 2.623 cuộc thanh, kiểm tra đối với 8.860 tổ chức, cá nhân, trong đó, Bộ đã triển khai 94 cuộc đối với 1.154 tổ chức. Kết quả đã xử lý vi phạm hành chính đối với 1.456 tổ chức, thu và truy thu nộp ngân sách 1.649,6 tỷ đồng, kiến nghị thu 8.534 ha đất, 89 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Đôn đốc, kiểm tra thực hiện 849 kết luận thanh, kiểm tra; Tiếp nhận, xử lý 13.510 lượt đơn



▲ Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

thư, giải quyết 2.947/3.810 vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm được giao (đạt 77%); Thẩm tra, xác minh, giải quyết 25/29 vụ việc do Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả 17 vụ.

Xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, Bộ đã thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Rà soát, chuẩn hóa TTHC tại 4 cấp chính quyền và khu công nghiệp; Phối hợp với Bộ Tài chính triển khai cơ chế một cửa ASEAN và kết nối cơ chế một cửa quốc gia; Hiện đại hóa hệ thống tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Văn phòng một cửa; Ban hành Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC của các đơn vị trực thuộc, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2016. Kết quả chỉ số CCHC năm 2014 của Bộ đứng thứ 8/19, đạt 78,69% (tăng 6 bậc so với năm 2013).

Trong lĩnh vực môi trường, Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 5 Nghị định, 3 Quyết định và ban hành 12 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định 12 báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; Thẩm định 205 hồ sơ và phê duyệt 147 báo cáo đánh giá tác động môi trường; Phê duyệt 1 hồ sơ đề án BVMT chi tiết; Tổ chức kiểm tra các công trình, biện pháp BVMT của 91 dự án, trong đó đã cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT cho 53 dự án. Bên cạnh đó, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành biện pháp xử lý 392/439 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và 140/184 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg; Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm, cải



thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015; Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT, toàn ngành đã tiến hành hàng trăm cuộc thanh, kiểm tra đối với 3.488 cơ sở, xử phạt trên 74,25 tỷ đồng.

Tuy nhiên, công tác quản lý TN&MT vẫn tồn tại một số hạn chế, tiến độ xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật còn chậm; Một số địa phương chưa chủ động trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật theo thẩm quyền; Khiếu kiện về đất đai tuy có giảm nhưng vẫn còn là vấn đề phức tạp ở nhiều địa phương; Công tác quản lý, cấp phép trong hoạt động khai thác khoáng sản còn nhiều bất cập; Nguồn lực TN&MT chưa được phát huy đầy đủ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững; Công tác CCHC chưa đáp ứng được yêu cầu...

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải ghi nhận và biểu dương những kết quả đạt được của ngành TN&MT. Đồng thời đề nghị, thời gian tới, ngành TN&MT cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách, tăng cường quản lý nhà nước về TN&MT; Xây dựng Dự án Luật Đo đạc và bản đồ và ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Luật Khí tượng thủy văn theo đúng thời hạn và đảm bảo chất lượng; Thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai, nhằm thực hiện hiệu quả Thỏa thuận Paris; Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp, khu đô thị và kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường; Tăng cường bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo và các nguyên vật liệu thân thiện với môi trường...

Thay mặt Lãnh đạo và tập thể cán bộ ngành TN&MT, Bộ trưởng Bộ TN&MT Nguyễn Minh Quang cam kết, trong thời gian tới, toàn ngành sẽ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về quản lý TN&MT; Nâng cao hiệu quả việc thực hiện các đề án, nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; Tiếp tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ và cơ quan TN&MT tại địa phương; Thúc đẩy,



▲ Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang



▲ Thủ tướng Chu Phạm Ngọc Hiển trao tặng Cờ thi đua của Bộ TN&MT cho các Sở TN&MT có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua năm 2015

mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư, tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về TN&MT. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thanh, kiểm tra đối với các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước; Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát BĐKH; Đẩy mạnh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...

Ghi nhận những đóng góp của các tập thể, cá nhân ngành TN&MT, Phó Thủ tướng Chính phủ thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động

hạng Nhất cho Bộ trưởng Bộ TN&MT Nguyễn Minh Quang; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho các Thứ trưởng Trần Hồng Hà, Nguyễn Thái Lai; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa. Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang trao Biểu trưng ghi công cho nguyên Thứ trưởng Nguyễn Thái Lai. Các Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa, Chu Phạm Ngọc Hiển, Nguyễn Linh Ngọc trao tặng Cờ thi đua và Bằng khen của Bộ TN&MT cho các tập thể và Sở TN&MT của một số tỉnh/thành phố đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua ngành TN&MT năm 2015■



10 sự kiện/hoạt động môi trường nổi bật trong nước và quốc tế năm 2015

Năm 2015 diễn ra nhiều sự kiện lớn của đất nước và cũng là năm ngành môi trường có nhiều dấu mốc quan trọng như năm đầu tiên triển khai Luật BVMT năm 2014; tổ chức thành công Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV, Hội nghị Bộ trưởng Môi trường các nước ASEAN lần thứ 13 và các sự kiện liên quan...

Bên cạnh đó, thành công của Hội nghị COP 21 về biến đổi khí hậu (BĐKH) và Hiệp định TPP chính thức được thông qua đã thể hiện sự cam kết mạnh mẽ trong lĩnh vực môi trường, BĐKH mà Việt Nam là thành viên. Tạp chí Môi trường xin điểm lại 10 sự kiện/hoạt động môi trường nổi bật trong nước và quốc tế năm 2015.

1 TRIỂN KHAI LUẬT BVMT NĂM 2014 VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT

Luật BVMT năm 2014 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua và có hiệu lực từ ngày 1/1/2015. Sau khi Luật BVMT năm 2014 được thông qua, Bộ TN&MT (Tổng cục Môi trường) đã xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn, thi hành Luật, gồm: 5 Nghị định, 12 Thông tư và 3 Quyết định nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý cần thiết cho công tác quản lý môi trường trong giai đoạn mới.

Để Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật được thực thi hiệu quả, Bộ TN&MT đã phối hợp với một số Bộ, ngành và 20 địa phương trên cả nước tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật một cách thống nhất, đồng bộ. Nhằm cụ thể hóa một số điều, khoản của Luật BVMT năm 2014, các Bộ, ngành, địa phương cũng đã ban hành các quy định, kế hoạch hành động về BVMT bảo đảm sự thống nhất, phù hợp với quy định của Luật.



▲ Hội nghị Triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại TP. HCM ngày 17/4/2015



▲ Phiên toàn thể Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV

Sau một năm triển khai thi hành, Luật BVMT năm 2014 đã bước đầu phát huy hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường. Việc chỉ đạo tập trung từ Trung ương tới địa phương tạo tính thống nhất trong quản lý nhà nước về BVMT đem lại những kết quả tích cực, thể hiện số vụ việc vi phạm pháp luật về BVMT có xu hướng giảm, ý thức chấp hành các quy định pháp luật BVMT được nâng cao, từng bước đưa công tác BVMT đi vào nền nếp.

2 HỘI NGHỊ MÔI TRƯỜNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV

Năm 2015, Bộ TN&MT đã tổ chức thành công Hội

nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV, thu hút sự tham gia của gần 1.000 đại biểu đến từ các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp... Tại Hội nghị, các đại biểu cùng trao đổi, thảo luận về nhiều nội dung quan trọng của công tác BVMT trong 5 năm qua (2011 - 2015), cũng như giai đoạn 2016 - 2020. Hội nghị đã đưa ra các đề xuất, kiến nghị để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp BVMT trong thời gian tới. Đây là kết quả tổng hợp trí tuệ, tâm huyết, trách nhiệm của đông đảo các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, tổ chức chính



trị - xã hội và cộng đồng đối với các vấn đề đặt ra của công tác BVMT trong tình hình mới.

Bên lề Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng như: Hội thảo Quản lý nhà nước về BVMT; Hội thảo Khoa học, công nghệ trong lĩnh vực BVMT; Lễ Tuyên dương các điển hình tiên tiến về BVMT; Triển lãm quốc tế về môi trường; Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác “Vì môi trường Việt Nam xanh”.

Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV đã đạt được các mục tiêu đề ra, thể hiện tiếng nói chung của tất cả các cơ quan ban, ngành, đoàn thể và cộng đồng cùng cam kết, thống nhất hành động, chung tay BVMT vì sự phát triển bền vững đất nước.



▲ Lễ khai mạc Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN lần thứ 13 và các hội nghị liên quan

3 NÂNG TẦM QUAN HỆ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Các hoạt động hợp tác đa phương, song phương về BVMT đã được triển khai hiệu quả, chủ động và sáng tạo, góp phần tạo nên nguồn đầu tư đáng kể cho công tác BVMT tại Việt Nam. Trong năm 2015, Bộ TN&MT đã tổ chức thành công Hội nghị nhóm công tác ASEAN về thành phố bền vững môi trường lần thứ 13, Hội nghị Bộ trưởng Môi trường các nước ASEAN lần thứ 13 (AMME 13) và chuỗi các hội nghị liên quan. Trong đó, Hội nghị AMME 13 là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, góp phần thúc đẩy các hoạt động hợp tác ASEAN về môi trường, trước khi Cộng đồng ASEAN được hình thành vào ngày 31/12/2015. Tại Hội nghị AMME 13, các nước ASEAN đã thông qua Thông cáo chung với nhiều kết quả có tính chiến lược, bao gồm: Tuyên bố chung ASEAN về BĐKH chuẩn bị

cho Hội nghị COP 21; Tuyên bố ASEAN về Môi trường bền vững; Sáng kiến Chương trình nghị sự bền vững môi trường và BĐKH sau năm 2015... Trong khuôn khổ Hội nghị AMME 13 là chuỗi các hội nghị liên quan như: Hội nghị Quan chức cao cấp ASEAN về môi trường; Hội nghị Bộ trưởng Môi trường ASEAN + 3 lần thứ 14; Hội nghị Ủy ban thực hiện Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới lần thứ 11 (COM 11); Hội nghị các bên tham gia Hiệp định ô nhiễm khói mù xuyên biên giới lần thứ 11. Năm 2015, Bộ TN&MT cũng tích cực tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về môi trường trong khu vực ASEAN và châu Á; Thực hiện các cam kết trong 9 Điều ước và 3 thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia, đồng thời tham dự đầy đủ các cuộc họp thường niên của các Công ước, liên Công ước, chuẩn bị nội dung đàm phán liên quan đến môi trường trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Thương mại EU - Việt Nam... Ngoài ra, triển khai 25 dự án quốc tế trong lĩnh vực môi trường, góp phần quan trọng trong công cuộc BVMT đất nước.

4 HỘI NGHỊ COP 21 VỀ BĐKH VÀ HIỆP ĐỊNH TPP CHÍNH THỨC ĐƯỢC THÔNG QUA

Hội nghị lần thứ 21 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc (LHQ) về BĐKH (COP 21) diễn ra từ ngày 29/11 - 13/12/2015 tại Paris (Pháp), với sự tham dự của hơn 36.000 đại biểu. Sau hai tuần đàm phán, đại diện của 195 nước tham dự Hội nghị COP 21 đã chính thức thông qua Thỏa thuận Paris. Đây là thỏa thuận mang tính lịch sử, đánh dấu bước đột phá quan trọng trong nỗ lực của LHQ suốt hơn hai thập kỷ qua, nhằm thuyết phục Chính phủ các nước hợp tác để giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, hạn chế gia tăng nhiệt độ Trái đất. Thỏa thuận gồm 31 trang, 29 điều khoản, trong đó đề ra mục tiêu, mức tăng nhiệt độ của Trái đất đến năm 2100 phải thấp hơn đáng kể so với ngưỡng 2°C và tiến tới ngưỡng thấp hơn 1,5°C. Tham dự COP 21, Việt Nam cam kết nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế ứng phó với BĐKH và đóng góp 1 triệu USD vào Quỹ Khí hậu xanh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Năm 2015 còn ghi nhận sự thành công trong đàm phán Hiệp định Đối tác



▲ Lãnh đạo các quốc gia tham dự Hội nghị COP 21 tại Paris



Thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) được 12 quốc gia (trong đó có Việt Nam) thông qua. Với 30 chương, TPP là Hiệp định thương mại tự do đa phương đầu tiên đưa các nội dung về môi trường thành một chương trong các cam kết. Nội dung của các cam kết hướng tới việc thúc đẩy sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các chính sách thương mại với môi trường; Ủng hộ các quốc gia thúc đẩy hoạt động BVMT, hạn chế cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; Đẩy mạnh tự do hóa thương mại đối với các hàng hóa và dịch vụ, góp phần hỗ trợ chuyển dịch sang nền kinh tế xanh, carbon thấp.

5 CÙNG HÀNH ĐỘNG ĐỂ TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH (TTX)

Nhằm cụ thể hóa định hướng Chiến lược Phát triển bền vững và Chiến lược BĐKH trong lĩnh vực kinh tế, năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược quốc gia về TTX cho thời kỳ 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Ngày 20/3/2014, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2014 - 2020, trong đó thể hiện quan điểm mục tiêu, chiến lược và giải pháp để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Trên cơ sở Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về TTX, các Bộ (KH&ĐT, Công Thương, TN&MT, Giao thông Vận tải, NN&PTNT, Xây dựng) và các địa phương (Quảng Nam, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Nguyên, Đà Nẵng)... đã tích cực triển khai xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với từng ngành, từng địa phương.



▲ Quảng Ninh là một trong những địa phương đi đầu trong việc xây dựng Kế hoạch TTX

Ngày 23/4/2015, Bộ TN&MT đã ban hành Chương trình hành động của ngành TN&MT giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Chương trình đã đưa ra 5 nhóm nội dung, 4 nhóm giải pháp và hoạt động ưu tiên để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược. Theo đó, tập trung vào các giải pháp như: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khuyến khích hỗ trợ thực hiện TTX cho các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng; Hoàn thiện chính sách, pháp luật và tăng cường năng lực để thực hiện TTX, đặc biệt là xây dựng khung chính sách về TTX của ngành TN&MT giai đoạn 2016 - 2020; Đa dạng hóa đầu tư cho TTX; Thúc đẩy hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực và trên thế giới để phục vụ cho việc thực hiện TTX.

6 TRIỂN KHAI ĐỒNG BỘ, HIỆU QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN QUỐC GIA TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG



▲ Phiên họp lần thứ 11 của Ủy ban BVMT LVS Cầu ngày 27/11/2015 tại Bắc Giang

Để giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách, trong năm qua, nhiều chương trình, đề án quốc gia về lĩnh vực môi trường tiếp tục được đẩy mạnh. Trong đó, Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2011 - 2015 (CTMTQG) đã triển khai 6 tiểu dự án làng nghề tại 6 tỉnh/TP; 5 tiểu dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu tại 2 tỉnh/TP; triển khai 2 tiểu dự án thu gom, xử lý nước thải TP. Thái Nguyên và TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã hoàn thành giai đoạn 1 (2012 - 2015), với kết quả: 50/63 tỉnh có văn bản, hoặc có điều khoản quy định về BVMT làng nghề; 25/63 tỉnh ban hành quy chế công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống;



7 tỉnh có làng nghề được công nhận cơ bản đáp ứng điều kiện về BVMT...

Đối với công tác BVMT lưu vực sông (LVS), Bộ TN&MT đã triển khai 3 Đề án tổng thể BVMT LV sông Cầu, sông Nhuệ - sông Đáy, hệ thống sông Đồng Nai. Đến nay có 22/22 tỉnh/TP trên 3 LVS đã phê duyệt và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án; 16/16 tỉnh, TP trên LV sông Nhuệ - sông Đáy và hệ thống sông Đồng Nai thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án.

Qua 5 năm triển khai Quyết định số 1946/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu trên phạm vi cả nước, năng lực và nguồn lực cho công tác quản lý, xử lý các khu vực tồn lưu hóa chất BVTV đã được nâng lên đáng kể, đến nay, đã và đang xử lý 60 khu vực ô nhiễm hóa chất BVTV tồn lưu nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

7 ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ BVMT

Xác định thanh tra, kiểm tra là hoạt động “xương sống”, mũi nhọn trong công tác quản lý TN&MT, trong năm 2015, toàn ngành đã triển khai 2.623 cuộc thanh tra, kiểm tra về TN&MT, riêng trong lĩnh vực môi trường, đã tổ chức 7 đoàn thanh tra, kiểm tra tại 1.076 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn 29 tỉnh/TP, ban hành 1.066 kết luận thanh tra, xử phạt 426 cơ sở, với trên 50,1 tỷ đồng và tổ chức kiểm tra, thanh tra đột xuất đối với 12 cơ sở, xử phạt 2 cơ sở, buộc các cơ sở phải khắc phục hậu quả theo quy định. Công tác xử lý đơn thư, kiến nghị về môi trường cũng được quan tâm xử lý đúng trình tự pháp luật. Đã tiếp nhận và xử lý 26 hồ sơ khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực môi trường của các doanh nghiệp và địa phương.

Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (ÔNMTNT) cũng được triển khai quyết liệt, có hiệu quả. Bộ TN&MT đã phối hợp với các địa phương thực

hiện nhiều biện pháp xử lý các cơ sở gây ÔNMTNT. Đến nay, tỷ lệ các cơ sở gây ÔNMTNT theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg đã hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm là 389/413 cơ sở (đạt tỷ lệ 94,19%). Đối với 186 cơ sở gây ÔNMTNT theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg có thời hạn xử lý đến 31/12/2015 (không kể 43 cơ sở còn tồn đọng từ Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg), đã có 140 cơ sở cơ bản hoàn thành biện pháp xử lý, không còn gây ÔNMTNT (chiếm tỷ lệ 75,27%).

8 NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC (ĐDSH)

Sau 7 năm triển khai thực hiện Luật ĐDSH năm 2008, đến nay, công tác bảo tồn và phát triển ĐDSH ở Việt Nam đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Hệ thống chính sách, pháp luật về bảo tồn ĐDSH ngày càng được hoàn thiện. Việc thực hiện Chiến lược quốc gia về ĐDSH và Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH cũng được chủ động triển

khai. Đến nay, đã có 12 tỉnh/TP phê duyệt Quy hoạch bảo tồn ĐDSH của địa phương và hầu hết các tỉnh đã xây dựng Kế hoạch hành động ĐDSH cấp tỉnh. Năm 2015, Bộ TN&MT đã ban hành Danh mục các khu bảo tồn ở Việt Nam tại Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 12/5/2015; Phối hợp với Ban Thư ký Công ước Ramsar công nhận 2 khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế là Láng Sen và U Minh Thượng (khu Ramsar thứ 2.227 và 2.228 của thế giới); đề xuất nâng cấp 1 khu dự trữ thiên nhiên Núi Pịa Oắc - Pịa Đén thành Vườn quốc gia Pịa Oắc - Pịa Đén, 1 khu bảo tồn loài sinh cảnh Lung Ngọc Hoàng và 2 khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ, Cù Lao Chàm thành khu dự trữ thiên nhiên...

Bộ cũng ban hành Chương trình truyền thông nâng cao nhận thức về ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại ở Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020; Tổng kết 3 năm thực hiện Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại ở Việt Nam đến năm 2030.



▲ Khu đất ngập nước Láng Sen (Long An) được công nhận là khu Ramsar thứ 2.227 của thế giới



9 PHÁT HUY HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ BVMT

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò của các cấp, ngành, huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động BVMT, công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT đã được triển khai một cách đồng bộ. Năm 2015, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các sự kiện môi trường như: Ngày Đất ngập nước (2/2), Ngày Môi trường thế giới (5/6), Ngày Trái đất (22/4)...; Tổng kết và trao giải Cuộc thi Sáng tác ảnh về môi trường và sự kiện bên lề “Ngày hội tái chế chất thải hướng ứng Giờ Trái đất năm 2015”...

Trong khuôn khổ Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV, Bộ TN&MT đã lựa chọn 70 điển hình tiên tiến, gồm 50 tập thể, 20 cá nhân để vinh danh tại “Lễ tuyên dương các điển hình tiên tiến về BVMT giai đoạn 2011 - 2015”. Ngoài ra, trong

Ngày Môi trường thế giới 5/6, 27 tổ chức, 21 cá nhân và 2 cộng đồng trên cả nước cũng được Bộ trao tặng Giải thưởng Môi trường vì có thành tích xuất sắc cho sự nghiệp BVMT. Các tập thể và cá nhân được vinh danh sẽ tiếp tục là những tấm gương sáng, hạt nhân tiêu biểu, tạo sức lan tỏa, góp phần thúc đẩy phong trào thi đua BVMT trên cả nước.

Đồng thời, công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về BVMT trên các phương tiện truyền thông đại chúng cũng được chú trọng, triển khai với nhiều hình thức đa dạng, hướng tới nhiều nhóm đối tượng khác nhau. Xây dựng và duy trì hàng chục chuyên mục, chuyên trang, chương trình môi trường trên các kênh thông tin đại chúng với hàng nghìn tin, bài, ảnh được đăng tải, phản ánh kịp thời các sự kiện nổi bật của ngành TN&MT, cũng như công tác BVMT trên cả nước. Qua đó, tạo bước chuyển biến tích cực về nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về môi trường của cộng đồng, doanh nghiệp.

10 CÔNG BỐ BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA 2014 - MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Theo Luật BVMT, Bộ TN&MT lập Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia. Năm 2014, Bộ TN&MT xây dựng Báo cáo Môi trường quốc gia, với chủ đề “Môi trường nông thôn”. Báo cáo đưa ra một bức tranh tổng quát về hiện trạng môi trường nông thôn Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014. Đây là lần đầu tiên, vấn đề môi trường nông thôn được nêu trong Báo cáo Môi trường quốc gia, cho thấy, tầm quan trọng của công tác BVMT nông thôn trong quá trình đổi mới phát triển cũng như các khó khăn, thách thức trong giai đoạn hiện nay.

Báo cáo nhận định một số vấn đề bức xúc, nổi cộm về môi trường nông thôn bao gồm: Phát triển sản xuất chưa quan tâm đúng mức đến công tác BVMT; thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn còn hạn chế; chưa kiểm soát được chất thải là bao bì, hóa chất bảo vệ thực vật; khó khăn trong kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề; công tác quản lý môi trường nông thôn còn đơn xen, thiếu đơn vị đầu mối quản lý; tỷ lệ dân cư nông thôn được cấp nước sạch và điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn còn thấp.

Báo cáo cũng đề xuất một số kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ và các địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác BVMT nông thôn, đảm bảo mục tiêu xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Báo cáo là tài liệu hữu ích đối với các nhà quản lý, nhà khoa học, nghiên cứu, cũng như tất cả những ai quan tâm đến công tác BVMT ở Việt Nam■



▲ Lễ tuyên dương các điển hình tiên tiến về BVMT giai đoạn 2011 - 2015



Ngày Xuân nghĩ về phát huy truyền thống văn hóa trong bảo vệ môi trường

VŨ NGỌC LÂN

Hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam cũng là bằng ấy thời gian làm nên những giá trị văn hóa tốt đẹp, không bị đồng hóa bởi bất cứ kẻ thù xâm lược nào. Đứng trên góc độ nào đó, có thể nói, văn hóa là hội tụ tất cả những tinh hoa, chất lọc, bồi đắp từ thế hệ này sang thế hệ khác, làm nên sự khác biệt với các dân tộc khác, đồng thời cũng là biểu hiện của sức mạnh bất diệt của mỗi dân tộc.

Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chính sách pháp luật về BVMT và đã đạt được những thành tựu, tạo ra chuyển biến tích cực trong công tác BVMT. Tuy nhiên, môi trường ở nhiều nơi tiếp tục bị suy thoái nghiêm trọng. Có nhiều nguyên nhân góp phần gây ra tình trạng này, nhưng có lẽ một trong những nguyên nhân quan trọng là vì chúng ta chưa quan tâm đến truyền thống, giá trị văn hóa tốt đẹp trong công tác BVMT.

Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa đã khẳng định, con người Việt Nam đã xây dựng và hình thành nên một truyền thống văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên. Điều này thể hiện bởi những nét khác biệt về điều kiện, môi trường, địa lý, làm nên văn hóa của phương Tây và phương Đông. Nhiều nước ở phương Tây là xứ khô, lạnh với các thảo nguyên mênh mông, thuận lợi cho việc chăn thả gia súc; hình thành nên loại hình văn hóa gốc du mục, với những đặc trưng cơ bản như: Lối sống du cư; ít tôn trọng nơi cư trú; có ý thức chế ngự tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ con người; hình thành quan điểm lấy con người làm trung tâm của vũ trụ... Trong khi đó, ở phương Đông, chủ yếu là những vùng châu thổ, nằm trong lưu vực các con sông lớn với khí hậu nóng, ẩm. Điều kiện tự nhiên thích hợp với nghề trồng trọt, do đó nhiều nước ở phương Đông đã hình thành nên nền văn hóa nông nghiệp, lấy trồng trọt làm phương thức chủ đạo. Đặc trưng cơ bản của loại hình văn hóa này là lối sống định cư; lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên, khí hậu, thời tiết (những yếu tố đóng vai trò quyết định đối



▲ Bác Hồ tham gia Tết trồng cây tại Bát Bạt (Sơn Đà, Ba Vì, Hà Tây) năm 1969

với nghề trồng trọt, con người phụ thuộc vào tự nhiên); tôn trọng tự nhiên, hình thành nên tính cách, khát vọng sống hòa hợp với tự nhiên, phổ biến quan điểm con người chỉ là một bộ phận bình đẳng với những hiện tượng, sự vật khác của vũ trụ; mọi sinh vật, hiện tượng, sự vật đều có linh hồn, tồn tại song song với đời sống con người; sự ưu đãi về tự nhiên đã làm cho phương Đông (vốn là cái nôi của nền văn minh nhân loại) trở nên trệ trệ trong sự phát triển sau này. Xét về góc độ địa lý, văn hóa, nước Việt Nam thuộc loại

hình văn hóa gốc nông nghiệp (có nền văn minh lúa nước) nên những đặc trưng cơ bản của loại hình văn hóa này đã thấm thấu vào lối sống của người Việt, thể hiện trong văn hóa ăn, mặc, đi lại và cư trú, kiến trúc.

Chính điều kiện tự nhiên, địa lý, khởi nguồn từ “nền văn minh lúa nước” góp phần làm nên những phẩm chất nổi trội trong nhân cách của người Việt. Đó là khả năng đối phó linh hoạt với mọi tình thế và điều kiện tự nhiên, trong các tình huống khác nhau; Tinh thần đoàn kết, cố kết cộng



▲ Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên là hành động thiết thực góp phần BVMT

đồng tạo nên sức mạnh vượt qua khó khăn, thử thách; Giản dị, chất phác, đơn giản; Tấm lòng rộng mở và giàu tình cảm; Cần cù, chịu khó, giỏi chịu đựng gian khổ, hy sinh...

Từ những đặc điểm, nhân cách chung của người Việt, nếu nghiên cứu, vận dụng, để ra những giải pháp phù hợp thì trở thành sức mạnh giải quyết nhiều vấn đề trong kinh tế - xã hội và môi trường. Mặt khác, nếu các cơ quan nhà nước biết vận dụng cơ cấu tự trị của làng xã trước đây với những quy định, lệ tục bắt buộc cá nhân phải tuân theo thì sẽ có tác dụng đến ứng xử và lối sống của từng thành viên xã hội với thiên nhiên, môi trường. Thế mạnh của cộng đồng được xác lập nhờ hệ thống các thiết chế trên phương diện cơ cấu tổ chức, làng xã. Sự chặt chẽ này được nâng lên nhờ hương ước (lệ làng). Hương ước là tác nhân quan trọng tới việc hình thành lối sống của người Việt Nam và là một trong những biện pháp bảo vệ hữu hiệu đối với các vấn đề môi trường. Các luật tục của đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta là rất quý, góp phần quan trọng giữ gìn núi rừng, sông suối, cảnh quan môi trường, cần được nghiên cứu và phát huy.

Đồng thời, trong quá trình phát triển đã hình thành cơ cấu tín ngưỡng với khuynh hướng hòa đồng với các yếu tố thiên nhiên. Tín ngưỡng Việt Nam giống như các bộ phận khác của văn hóa Việt Nam đều mang những đặc trưng của văn hóa nông nghiệp. Đó là sự tôn trọng và gần

bó mật thiết với thiên nhiên, được thể hiện ở tín ngưỡng sùng bái tự nhiên như thần sông, thần núi, thần cây, thần suối, bà mây, bà mưa, mọi sinh vật, đồ dùng đều có linh hồn như con người. Do vậy, loại bỏ các yếu tố duy tâm trong việc tôn sùng các vị thánh thần cai quản những hiện tượng tự nhiên xung quanh con người, thì việc tôn sùng này cũng có giá trị giáo dục, răn đe con người không làm việc xấu, BVMT cảnh quan và cũng là một biện pháp giáo dục môi trường hữu hiệu.

Năm nay là năm kỷ niệm 250 năm ngày sinh đại thi hào Nguyễn Du. Mọi người dù không thuộc hết Truyện Kiều thì cũng phải nhớ được câu kết của tác phẩm này: "Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài". Đảng, Nhà nước ta, đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng quan niệm này trong công tác cán bộ: Lấy đức là "gốc" của người cán bộ cách mạng. Ngày 21/9/2015, Đức Pháp Vương Gyalwang

Drukpa - người đứng đầu Truyền thừa Phật giáo Drukpa thế giới đã đến thăm Việt Nam lần thứ bảy để cầu nguyện quốc thái dân an trên khắp ba miền đất nước. Ông lý giải, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường chính là sự "ô nhiễm" từ trong tâm hồn của con người và sự hiểu biết chưa đúng về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Con người luôn nói rằng có tình thương yêu đối với thiên nhiên nhưng lại đối xử với thiên nhiên không như những gì mình nói"; "Khi không có tình thương với muôn loài, con người bắt đầu phá hoại môi trường xung quanh. Người ta nói yêu chó, thích chim nhưng lại sấm chuồng, lồng để nhốt chúng lại, thậm chí ăn thịt. Vì tham lam, con người đã phá rừng mà không suy nghĩ rằng rừng cây không chỉ mang lại lợi ích cho thế hệ chúng ta mà còn mang lại an bình, sức khỏe cho cả thế hệ mai sau". Ông cho rằng, "Chìa khóa cho sự hòa hợp giữa hai bên là con người phải trân trọng, yêu thương tất cả các loài và được giáo dục về môi trường, qua đó, giúp con người giải quyết vấn đề ô nhiễm, nhưng không thể giáo dục cho người khác nếu bản thân không có sự hiểu biết. Thực tế, BVMT trên lý thuyết rất dễ, nhưng khi làm việc thiết thực để thay đổi những người xung quanh thì không phải ai cũng làm được".

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống hòa hợp với thiên nhiên và coi trọng cái Tâm. Do vậy, nếu biết cách khơi gợi, giữ gìn những truyền thống, giá trị văn hóa tinh thần quý báu đó, sẽ góp phần quan trọng làm cho môi trường sống trong lành, bền vững cho hôm nay và mai sau■



KỶ NIỆM 86 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo - truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam

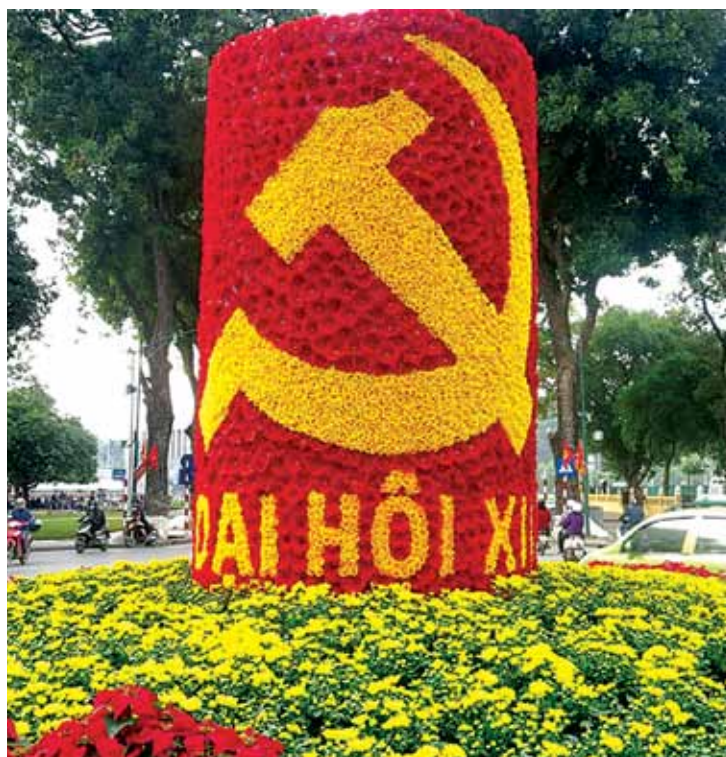
PGS. TS HÀ HUY THÔNG

Trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân náo nức chào mừng Đại hội XII của Đảng, chúng ta càng phấn khởi, tự hào nhìn lại chặng đường oanh liệt 86 năm qua của Đảng ta. Xuyên suốt chiều dài lịch sử 86 năm, với 12 kỳ Đại hội, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta lập nên những kỳ tích vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc, xây đắp nên truyền thống vô cùng oanh liệt, hào hùng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã không ngừng xây dựng, bồi đắp nên nhiều truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp của Đảng, đó là: Bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng; tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; trung thành với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, gắn bó với nhân dân; kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng; giữ gìn đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế...

Những truyền thống quý báu đó là sự kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của giai cấp nhân dân Việt Nam và giai cấp công nhân thế giới, là sức mạnh bảo đảm vai trò lãnh đạo và tính tiên phong của Đảng. Đây là kết quả của quá trình vun trồng, xây đắp bền bỉ, là sự hy sinh phấn đấu đầy quả cảm của các thế hệ đảng viên.

Trong các truyền thống quý báu ấy, thì "tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo" là truyền thống tiêu biểu, thể hiện sâu sắc tính tiên phong, vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Có thể khẳng định rằng, tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo là cơ



▲ Đại hội XII của Đảng đã xác định, BVMT, phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH là một trong các nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu của sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước

sở nền tảng, là nhân tố trọng yếu để Đảng ta để ra đường lối đúng đắn trong mọi giai đoạn cách mạng, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại, đưa cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi vĩ đại này đến thắng lợi vĩ đại khác.

Thực tiễn lịch sử 86 năm qua của Đảng cho thấy, nhờ có tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo mà Đảng ta đã nhạy bén, chủ động, nắm bắt thời cơ, kịp thời để ra chủ trương và tổ chức lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Với thắng lợi vĩ đại ấy, Nhà nước Việt

Nam Dân Chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ra đời, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử vẻ vang của Đảng ta cũng đã khẳng định, chính nhờ có tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo mà Đảng ta đã để ra đường lối kháng chiến, kiến quốc đúng đắn, nhất là chiến tranh nhân dân phát triển đến đỉnh cao. Trên cơ sở đó, Đảng đã lãnh đạo toàn quân, toàn dân anh dũng, bền bỉ chiến đấu, giành thắng lợi oanh liệt trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao



là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng Mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Đặc biệt, vào thời điểm khó khăn chống chất, vận mệnh của đất nước đứng trước những thử thách vô cùng cam go, với tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI (năm 1986), Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới đúng đắn và sáng suốt. Trên cơ sở đó, Đảng đã lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta bước vào công cuộc đổi mới, và qua 30 năm nỗ lực phấn đấu, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. 30 năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của đất nước, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng ta, nhất là về trình độ tư duy chiến lược. Tư duy của Đảng ta đã có nhiều phát triển mới không chỉ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, mà còn về lĩnh vực môi trường và BVMT. Tư duy của Đảng ta cũng không ngừng phát triển, hoàn thiện, từng bước nâng lên tầm cao mới.

Như chúng ta đã biết, Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng, vấn đề BVMT chỉ mới được đề cập là: "tích cực phòng chống thiên tai bão lụt, nhằm giảm thiểu thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân" thì đến Đại hội VIII, tư duy về BVMT của Đảng đã bước đầu có sự phát triển mới. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã nhấn mạnh: "Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, BVMT sinh thái. Áp dụng các công nghệ hiện đại trong kiểm soát, đánh giá và xử lý tác động môi trường. Ưu tiên các công nghệ sạch, ít tổn nguyên, nhiên liệu. Đề xuất các phương pháp khoa học và ứng dụng các phương tiện kỹ thuật để hạn chế hậu quả thiên tai".

Đến Đại hội Đảng lần thứ IX, sự nghiệp BVMT đã được gắn trong nhiệm vụ đổi mới các chính sách xã hội, trong đó chính sách về BVMT được xác định là: "Tăng cường công tác quản lý môi trường ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Lồng ghép kế hoạch BVMT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu BVMT với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Tăng cường đầu tư để ngăn chặn sự cố môi trường...".

Tại Đại hội X và Đại hội XI, tư duy về môi trường và BVMT của Đảng đã được nâng lên tầm cao mới. Trong Báo cáo chính trị của 2 Đại hội này, lĩnh vực môi trường và BVMT đều được xác định là một trong ba mục tiêu chiến lược của công cuộc đổi mới. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã nhấn mạnh: "Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp về BVMT... Đưa nội dung BVMT vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư. Các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới bắt buộc phải thực hiện nghiêm các quy định về BVMT..."³.

Đặc biệt, Đại hội XII của Đảng đã xác định, BVMT, phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH là một trong các nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước nhanh và bền vững. Về BVMT, Đại hội XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các chế tài đủ mạnh để BVMT, ngăn chặn, xử lý theo pháp luật nhằm chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường...". Về phòng, chống thiên tai, ứng phó với BĐKH, Đại hội XII của Đảng khẳng định: "Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai... Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng đối với vùng ven biển".

Nghị quyết Đại hội XII không chỉ là tầm cao tư duy của Đảng về BVMT, mà còn là đỉnh cao trí tuệ của Đảng trong hoạch định chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những nội dung của Nghị quyết quan trọng này đã thể hiện sâu sắc, những truyền thống quý báu của Đảng tiếp tục được phát huy mạnh mẽ, được kết tinh thành sức mạnh lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Chính vì thế, toàn Đảng, toàn dân nói chung và cán bộ, đảng viên, nhân viên ngành Môi trường nói riêng, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng là trách nhiệm và vinh dự, nhằm góp phần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng, phát huy truyền thống quý báu của 86 năm qua; đặc biệt là tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, nhất định Đảng ta sẽ lãnh đạo nhân dân ta, chủ động nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, không ngừng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên CNXH với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế thời đại. Bên cạnh đó, Đảng ta sẽ sáng suốt đề ra những chủ trương, giải pháp đúng đắn, hữu hiệu để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia, ứng phó hiệu quả với BĐKH, nhanh chóng đưa con thuyền cách mạng Việt Nam, đưa dân tộc Việt Nam tới bến bờ hạnh phúc■



Cần tiếp tục đầu tư và huy động nguồn lực cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính

Là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu (BĐKH), thời gian qua, Việt Nam đã tích cực triển khai nhiều hoạt động thiết thực để ứng phó với BĐKH. Tuy nhiên, công cuộc ứng phó với BĐKH là một việc làm lâu dài, phức tạp, cần có sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, xã hội. Đó là chia sẻ của ông Phan Xuân Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KHCN&MT) của Quốc hội với Tạp chí Môi trường trước thềm năm mới - Xuân Bính Thân 2016.



▲ Ông Phan Xuân Dũng - Chủ nhiệm Ủy ban KHCN & MT của Quốc hội

★Xin ông cho biết, một số kết quả nổi bật của Việt Nam trong công tác ứng phó với BĐKH?

Ông Phan Xuân Dũng: Nhận thức rõ những tác động nghiêm trọng của BĐKH đến sự phát triển bền vững đất nước, Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng về ứng phó với BĐKH như: Nghị quyết số 24-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH; Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về kết quả giám sát và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); Luật BVMT năm 2014 cũng có một chương riêng về BĐKH; Chiến lược quốc gia về BĐKH...

Để thực hiện những chính sách đó, các Bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực triển khai thực hiện nhiều hoạt động nhằm ứng phó với BĐKH. Cụ thể, xây dựng, cập nhật và công bố kịch bản BĐKH, nước biển dâng làm định hướng cho các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng và triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH); Đánh giá tác động của BĐKH đến từng ngành, lĩnh vực, khu vực, đề xuất các giải pháp ứng phó phù hợp và ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH cho từng Bộ, ngành và địa phương; Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến, nhận thức, ý thức và trách nhiệm của người dân về ứng phó với BĐKH được nâng lên, đặc biệt là người dân khu vực ven biển, ĐBSCL, nơi chịu tác động trực tiếp của BĐKH và nước biển dâng. Đồng thời, các cơ quan chức năng đã có nhiều hoạt động thiết thực trong công tác thích ứng với BĐKH để duy trì, phát triển sinh kế bền vững cho người dân; Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động ứng phó BĐKH đã được chú trọng. Nhiều chương trình quốc

gia được triển khai đồng bộ như Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH (CTMTQG), Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC), Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về BĐKH...;

Mặt khác, sự chủ động, tích cực của Việt Nam trong ứng phó với BĐKH toàn cầu đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao và hỗ trợ đáng kể về nguồn lực tài chính và công nghệ. Cùng với đó, nhiều chính sách liên quan đến thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) đã được xây dựng và ban hành, nhiều mô hình thí điểm thích ứng với BĐKH, dự án đầu tư ứng phó BĐKH tiếp tục được thực hiện, từng bước ổn định đời sống nhân dân, nhất là người dân ở các địa phương ven biển. Điều này thể hiện rõ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác ứng phó với BĐKH.

★Ông có thể cho biết, những khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai lồng ghép hoạt động ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển KT - XH của Việt Nam?

Ông Phan Xuân Dũng: Tác động của BĐKH đến nước ta là rất lớn, diễn biến nhanh. Khó khăn không chỉ ở việc lồng ghép hoạt động ứng phó với BĐKH vào các kế hoạch phát triển KT - XH, mà phải có giải pháp khoa học trước mắt và lâu dài, đòi hỏi nhiều nguồn lực và quyết tâm chính trị cao.

Việc triển khai lồng ghép các hoạt động ứng phó với BĐKH vào kế hoạch phát triển KT - XH trên thực tế đã phát huy tốt tác dụng ở các Bộ, ngành và địa phương, tuy nhiên, việc triển khai còn gặp một số khó khăn. Cụ thể, việc lồng ghép hoạt động ứng phó với BĐKH vào kế hoạch phát triển KT - XH còn thiếu đồng bộ, chưa có tầm nhìn dài hạn. Các hành động ứng phó với BĐKH chủ yếu tập trung vào khắc phục hậu quả, chưa chú trọng đến chủ động phòng ngừa. Điều này là do nhận thức của các cấp, ngành về BĐKH còn hạn chế, nhận diện tác động của BĐKH nhiều nơi chưa rõ; Nguồn lực cho ứng phó với BĐKH còn thấp, phân tán từ nhiều nguồn, cơ chế phân bổ vốn cho BĐKH bất cập. Việc cắt giảm hoặc



▲ Đoàn giám sát của UBTVQH khảo sát tại Tiền Giang về thực hiện chính sách, pháp luật trong ứng phó với BĐKH vào tháng 3/2014

cấp không kịp thời vốn CTMTQG đã dẫn đến tình trạng nhiều dự án đang triển khai bị dang dở, gây lãng phí và giảm hiệu quả; Các hoạt động ứng phó với BĐKH được lồng ghép vào kế hoạch phát triển KT - XH chưa tạo được khả năng liên kết vùng, ngành. Mặt khác, cán bộ phụ trách công tác ứng phó với BĐKH chưa được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực BĐKH. Ban Chỉ đạo về ứng phó BĐKH ở địa phương hoạt động còn hạn chế.

***Ông đánh giá thế nào về việc sử dụng kinh phí cho hoạt động ứng phó BĐKH tại các địa phương?**

Ông Phan Xuân Dũng: Trong thời gian qua, Nhà nước đã phân bổ nguồn lực tài chính cho công tác ứng phó với BĐKH thông qua CTMTQG giai đoạn 2012 - 2015 là 1.771 tỷ đồng, Chương trình SP-RCC có kế hoạch bố trí cho 61 dự án ưu tiên với tổng số vốn là 17.893 tỷ đồng... Ngoài ra, thông qua hợp tác quốc tế, Việt Nam cũng huy động được nguồn lực tài chính đáng kể từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế, quốc gia cho ứng phó BĐKH, với hơn 1,3 tỷ USD.

Qua giám sát các hoạt động ứng phó với BĐKH ở các tỉnh và đặc biệt là vùng ĐBSCL, chúng tôi thấy rằng, nguồn kinh phí được các địa phương sử dụng khá hiệu quả, được phân bổ cho 3 nhóm dự án gồm: Trồng, phục hồi rừng ngập mặn ven biển tạo đề mềm chắn sóng, nước biển dâng, tăng cường khả năng hấp thụ CO₂ và tạo sinh kế bền vững cho người dân; Xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất, các đoạn đê biển, đê sông kết hợp những giải pháp công trình “mềm” (trồng rừng ngập mặn) ở khu vực có ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề của BĐKH, do vậy nhu cầu đầu tư cho ứng phó với BĐKH ở Việt Nam rất lớn, nhất là những khu vực dễ bị tổn thương như ĐBSCL, duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Hồng. Vì thế, để ứng phó hiệu quả với BĐKH, chúng ta cần tiếp tục đầu tư nguồn lực xứng đáng cho vấn đề này. Cùng với nguồn lực của Trung ương, địa phương, các nhà tài trợ thì rất cần sự đóng góp tài chính từ khối tư nhân cho công tác ứng phó với BĐKH và sự đầu tư từ cộng đồng dân cư.

***Thời gian gần đây, các hiện tượng của BĐKH đã tác động mạnh đến đời sống người dân khu vực ĐBSCL nói riêng và cả nước nói chung. Theo ông, cần có giải pháp gì để nâng cao hiệu quả công tác ứng phó BĐKH trong thời gian tới?**

Ông Phan Xuân Dũng: BĐKH đang diễn biến nhanh, phức tạp hơn so với dự báo, nhất là tại vùng ĐBSCL. Vì thế, chúng ta cần tiến hành nhiều giải pháp, trong đó, rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH theo hướng đồng bộ với chiến lược tổng thể phát triển KT - XH, bảo

đảm quốc phòng, an ninh. Xác định rõ ứng phó với BĐKH và nước biển dâng là trách nhiệm của toàn xã hội để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ động, tích cực. Trong quá trình xây dựng pháp luật cần quy định những nội dung cụ thể có liên quan đến ứng phó với BĐKH.

Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách và các nguồn lực khác cho hoạt động ứng phó với BĐKH một cách hiệu quả; kiểm tra, giám sát, đánh giá kịp thời việc sử dụng các nguồn vốn trong và ngoài nước cho ứng phó với BĐKH. Ưu tiên bố trí kinh phí để triển khai thực hiện những dự án cấp thiết, đặc biệt là các dự án chống sạt lở bờ biển, bờ sông để tránh ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Chủ động, tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về ứng phó với BĐKH và BVMT; có cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư tài chính, chuyển giao công nghệ để thực hiện dự án ứng phó với BĐKH; xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy xã hội hóa trong ứng phó với BĐKH, nhất là trồng, phục hồi rừng ngập mặn ven biển.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ để cập nhật, hoàn thiện kịch bản về BĐKH, nước biển dâng; khuyến khích sản xuất, sử dụng nhiên liệu sinh học, quy hoạch đô thị, khu dân cư theo hướng thân thiện môi trường, hạn chế ngập lụt, giảm phát thải KNK, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

***Xin cảm ơn ông!**

P.LINEH (Thực hiện)



Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo ra sự chuyển biến mới trong công tác bảo vệ môi trường



TS. NGUYỄN VĂN TÀI
Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường

1 Nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi tốc độ tăng trưởng, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Tuy nhiên, song song với sự phát triển kinh tế là sự gia tăng áp lực, tác động xấu lên môi trường. Nhiều vấn đề môi trường bức xúc chưa được giải quyết triệt để trong khi lại xuất hiện thêm những vấn

đề môi trường mới. Ô nhiễm, suy thoái môi trường vẫn tiếp tục gia tăng. Nguy cơ Việt Nam trở thành bãi thải công nghệ của thế giới vẫn còn rất lớn. Việc chôn lấp chất thải không đúng quy định, yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đang hình thành nên nhiều điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nước thải sinh hoạt không được xử lý làm cho hầu hết các hồ, ao, kênh, mương, sông chảy qua các đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm, có nơi

ng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến đời sống và sức khỏe của nhân dân. Nhiều khu vực bị nhiễm độc hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, dioxin trong chiến tranh chậm được xử lý do thiếu nguồn lực đang ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm, môi trường xung quanh, tác động nhiều mặt lên sản xuất, đời sống của người dân. Biến đổi khí hậu, các vấn đề môi trường xuyên biên giới, hội nhập kinh tế quốc tế tác động nhiều mặt lên môi trường làm





▲ Kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè sau khi được cải tạo

cho các vấn đề môi trường trong nước trở nên nghiêm trọng, phức tạp hơn.

Trong bối cảnh đó, mặc dù công tác bảo vệ môi trường của nước ta đã tranh thủ được những thời cơ, thuận lợi, từng bước vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những kết quả quan trọng nhưng nhìn chung năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa theo kịp với sự phát triển nhanh, tính chất phức tạp của các vấn đề môi trường, chưa thay đổi được cơ bản nhận thức, hành vi của người dân, cộng đồng về bảo vệ môi trường. Nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường hạn chế, chỉ đáp ứng một phần rất nhỏ nhu cầu thực tế. Việc phối hợp giữa Trung ương và địa phương còn nhiều bất cập, thiếu sự điều phối hiệu quả, thống nhất trên phạm vi cả nước làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Để giải quyết cốt lõi các vấn đề nêu trên, trong năm 2016 tới đây, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cần tập trung vào 03 nhóm giải pháp cơ bản sau:

- *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của cộng đồng, người dân về quyền và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường; nâng cao chất lượng và đổi mới hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; đưa chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường vào chương trình phổ thông; xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Trung ương và địa phương trong tổ chức các sự kiện, ngày lễ lớn về môi trường.

- *Thứ hai*, tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường như: nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; đẩy mạnh hoạt động thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đấu tranh

phòng chống tội phạm về môi trường; thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường vào sử dụng; tăng cường các biện pháp kiểm soát nguồn phát sinh, việc lưu giữ, vận chuyển, xử lý và thải bỏ chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại; xây dựng và triển khai dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống các trạm quan trắc môi trường quốc gia; xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tích cực tham gia đánh giá tác động đến môi trường và đa dạng sinh học; xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hạn chế, hướng tới loại bỏ các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.



- *Thứ ba*, có cơ chế hiệu quả huy động nguồn vốn trong xã hội đầu tư cho bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường, trong đó tập trung đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung, nước thải sinh hoạt tập trung; khắc phục, cải tạo hồ, ao, kênh, mương, sông chảy qua các đô thị, khu dân cư bị ô nhiễm, khu vực bị nhiễm độc hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, dioxin trong chiến tranh. Chú trọng việc hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế, xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Quán triệt, vận dụng có hiệu quả và cụ thể hóa các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2 Bên cạnh việc tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn tại, để tăng cường một bước hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong năm 2016, ngành môi trường cần tập trung thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa sự phối hợp, kết nối giữa Trung ương và địa phương trong công tác bảo vệ môi trường. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cơ bản cần tập trung thực hiện thông qua việc triển khai tích cực các nhóm giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, nâng cao chất lượng, tính khả thi, bám sát các yêu cầu của thực tiễn của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế, trước mắt tập trung xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; rà soát, xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ môi trường; nhanh chóng triển khai trong thực tế các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường.

- *Thứ hai*, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư hiện có cho công tác bảo vệ môi trường, trong đó thực hiện tốt việc kết hợp sử dụng các nguồn lực của Trung ương và địa phương, nguồn lực từ ngân sách nhà nước và huy động từ các thành phần kinh tế và trong xã hội cho

bảo vệ môi trường; thực hiện tốt chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

- *Thứ ba*, tăng cường hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thông qua việc tăng cường phối hợp giữa Tổng cục Môi trường với các Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua tăng cường đối thoại, phối kết hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm; kết nối trong việc tổng hợp số liệu báo cáo môi trường, chia sẻ thông tin, dữ liệu số liệu về môi trường; kết nối về hệ thống quan trắc môi trường.

Bước sang năm 2016, năm có ý nghĩa bản lề, quyết định sự thành công đối với việc hoàn thành các mục tiêu đã đề ra cho giai đoạn 2016 - 2020, cần phải tiếp tục có sự chung sức, chung lòng của các cấp, các ngành, cùng nhau quyết tâm, nỗ lực và sáng tạo trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu quan trọng đã đề ra. Trong thời gian tới, Tổng cục Môi trường sẽ tham mưu cho Bộ trưởng có những kiến nghị cụ thể với Chính phủ về các giải pháp nhằm gắn kết chặt chẽ hơn vấn đề bảo vệ môi trường trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tài nguyên; phải đưa môi trường trở thành thước đo chất lượng của sự tăng trưởng, là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương dựa trên các mục tiêu và tiêu chí phát triển bền vững đã được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ■



▲ Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường



Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên lưu vực sông Cầu

Phiên họp lần thứ 11 Ủy ban (UB) BVMT lưu vực sông (LVS) Cầu đã đánh giá các kết quả đạt được cũng như những khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan LVS Cầu nhiệm kỳ III (2013 - 2015), đồng thời, đề xuất kế hoạch triển khai Đề án giai đoạn (2016 - 2020). Trong khuôn khổ phiên họp cũng đã diễn ra Lễ chuyển giao chức vụ Chủ tịch UB BVMT LVS Cầu nhiệm kỳ IV cho Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, theo quy định luân phiên. Nhân dịp này Tạp chí Môi trường đã phỏng vấn Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bắc Ninh Nguyễn Tiến Nhường về một số nhiệm vụ giải pháp, trọng tâm trong công tác BVMT LVS Cầu thời gian tới.



▲ Ông Nguyễn Tiến Nhường- Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bắc Ninh

***Xin ông cho biết một số kết quả triển khai Đề án BVMT LVS Cầu của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2013 - 2015?**

Ông Nguyễn Tiến Nhường: Trong nhiệm kỳ III, giai đoạn 2013-2015, tỉnh Bắc Ninh đã tập trung triển khai thực hiện Đề án BVMT LVS Cầu, về cơ bản đã đạt được các mục tiêu đề ra, cụ thể:

Bắc Ninh đã ban hành 16 văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm: Các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, Quyết định của UBND tỉnh tập trung chủ yếu vào việc triển khai các đề án, dự án quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ xây dựng điểm tập kết, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; Quy chế BVMT làng nghề, khu dân cư, cụm công nghiệp (CCN); Quan trắc tài nguyên môi trường, thu phí BVMT đối với nước thải và kế hoạch BVMT sông Cầu.

Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật đã được tăng cường; UBND tỉnh phối hợp với Bộ TN&MT tiến hành thanh tra, kiểm tra 6 làng nghề và gần 600 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có các nguồn phát thải lớn; thường xuyên phối hợp với các tỉnh: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội tiến hành kiểm tra, trả lời đơn thư liên quan đến vấn đề khai thác khoáng sản, ô nhiễm môi trường (ÔNMT) liên vùng, liên tỉnh.

Đồng thời, tỉnh tập trung xây dựng các công trình trọng điểm xử lý các nguồn ô nhiễm như: Xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy xử lý nước thải (XLNT) sinh hoạt TP. Bắc Ninh công suất 28.000m³/ngày đêm,

Nhà máy XLNT sinh hoạt thị xã Từ Sơn công suất 33.000 m³/ngày đêm, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, công suất 200 tấn/ngày; Đến nay, cơ bản các khu công nghiệp(KCN) có nguồn thải vào LVS Cầu có hệ thống XLNT tập trung và Trạm quan trắc nước thải tự động; Chất thải nguy hại và chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt trên 90%; Xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, hiện còn 2 cơ sở đang trong quá trình xử lý triệt để: Làng nghề tái chế giấy Phong Khê sẽ hoàn thành giai đoạn I hệ thống XLNT, công suất 5.000m³/ngày đêm vào cuối tháng 12 /2015 và bãi rác Đồng Ngo (TP. Bắc Ninh) sẽ hoàn thành vào quý II/2016; Triển khai Dự án nạo vét sông Ngũ huyện Khê, dự kiến các dự án sẽ hoàn thành trong năm 2016.

Để giải quyết cơ bản tình trạng ÔNMT tại các làng nghề, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan,

UBND các huyện, thị xã, TP lập quy hoạch 53 CCN. Đến nay, đã có 29 CCN đi vào hoạt động, thu hút hơn 700 hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư sản xuất, giải quyết việc làm cho hơn 15.000 người lao động, có thu nhập ổn định.

Ngoài ra, công tác truyền thông về BVMT LVS đến các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Năm 2015, tỉnh đã tổ chức phát sóng và đăng tin trên 30 chuyên mục, 20 phóng sự, tọa đàm về hoạt động BVMT, bảo vệ đa dạng sinh học và cộng đồng tham gia phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn. Giao Sở TN&MT tổ chức 25 khóa tập huấn, mít tinh hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới 5/6; Ngày hội Môi trường xanh hưởng ứng Chiến dịch Làm cho Thế giới sạch hơn thu hút hàng nghìn người tham gia.

***Là tỉnh nằm ở khu vực cuối nguồn của LVS Cầu, Bắc Ninh đã triển khai những hoạt động gì để ngăn chặn các nguồn thải gây ÔNMT trên LVS thưa ông?**



Ông Nguyễn Tiến Nhường: Thời gian qua, Bắc Ninh đã triển khai đồng bộ các hoạt động nhằm từng bước ngăn chặn các nguồn thải gây ô nhiễm trên LVS Cầu như:

Tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai công tác BVMT, thực hiện nhiệm vụ BVMT; tổ chức các khóa tập huấn nhằm phổ biến Luật BVMT 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Bên cạnh đó, tỉnh đẩy mạnh công tác xã hội hóa phương thức đầu tư vào các công trình xử lý môi trường trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án liên quan đến nguồn thải trực tiếp ra sông Cầu và lưu vực. Tỉnh đã giao Sở TN&MT phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các Dự án xử lý ÔNMT trên địa bàn tỉnh như: Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong. Hiện đã hoàn thành nhiệm vụ khảo sát lập Dự án và được UBND tỉnh phê duyệt phương án đầu tư xây dựng công trình; Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề bún Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, dự kiến hoàn thành vào năm 2016.

Trong quá trình xem xét lựa chọn các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trên địa bàn thuộc LVS Cầu, tỉnh ngăn chặn từ gốc các dự án có nguy cơ gây ÔNMT; thiết lập hàng rào kỹ thuật trong quá trình thẩm định, đánh giá tác động môi trường, lựa chọn những dự án sản xuất sạch, ít tác động đến môi trường sinh thái.

Mặt khác, tỉnh đã xây dựng kế hoạch, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra việc thực thi chính sách, pháp luật về BVMT của các cơ sở, kinh doanh; kiên quyết xử lý nghiêm các cơ sở gây ÔNMT trong làng nghề, CCN cố tình vi phạm pháp luật về BVMT.

★Với cương vị được phân công là Chủ tịch UB nhiệm kỳ IV, ông có đề xuất gì để nâng cao hiệu lực quản lý BVMT LVS Cầu trong thời gian tới?

Ông Nguyễn Tiến Nhường: Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của Đề án tổng thể BVMT LVS Cầu giai đoạn 2016-2018 và đến năm 2020. UB BVMT LVS Cầu cần tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Tập trung hoàn thiện Đề án tổng thể Quy hoạch BVMT LVS Cầu phù hợp với Luật



▲ Dự án cải tạo sông Ngũ huyện Khê (tỉnh Bắc Ninh) nhằm xử lý tình trạng ÔNMT dự kiến hoàn thành vào năm 2016

BVMT năm 2014; Nghiên cứu và đưa ra mô hình mới của UB BVMT LVS Cầu theo hướng chuyên trách, tăng tính quyền lực về hành chính và tài chính tạo ra sự thống nhất từ Trung ương đến địa phương, sự đồng thuận giữa các tỉnh trên LVS Cầu; Xây dựng hệ thống quan trắc làm cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm chia sẻ thông tin kịp thời giữa các tỉnh trên lưu vực; Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về công nghệ, kỹ thuật; Thu hút đầu tư, nguồn lực vào công tác BVMT, xây dựng danh mục hạn chế đầu tư vào hệ thống LVS Cầu; Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề, các khu vực ÔNMT nghiêm trọng trên LVS Cầu; Tăng cường phối hợp cùng các tỉnh trên LVS Cầu tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý triệt để các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/

QĐ-TTg và Quyết định số 1788/ QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Để việc triển khai Đề án BVMT LVS Cầu đạt hiệu quả cao, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách BVMT nói chung và LVS nói riêng, tạo điều kiện bố trí đủ nguồn lực để kiểm tra thực hiện tốt Đề án.

Bộ TN&MT với chức năng là cơ quan thường trực, cần phát huy vai trò kết nối các hoạt động của Bộ, ngành liên quan với các tỉnh trên LVS Cầu; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tạo điều kiện xây dựng cơ chế chính sách, thu hút đầu tư từ các tổ chức quốc tế cho BVMT của các tỉnh trên lưu vực...;

UBND các tỉnh chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai Đề án trong giai đoạn tới và đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện để đạt được mục tiêu của Đề án.

★Xin cảm ơn ông!

CHÂU LOAN (Thực hiện)



Việt Nam sẽ xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu



▲ Ông Phạm Văn Tấn -
Phó Cục trưởng Cục Khí tượng
Thủy văn và BĐKH

Sau 2 tuần đàm phán căng thẳng, ngày 12/12/2015, đại diện 195 nước tham dự Hội nghị lần thứ 21 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc (LHQ) về biến đổi khí hậu (COP 21) tại Pari (Pháp) đã chính thức thông qua Thỏa thuận Pari. Thỏa thuận đã đánh dấu bước đột phá quan trọng trong nỗ lực của LHQ suốt hơn 2 thập kỷ nhằm thuyết phục Chính phủ các nước hợp tác để giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, hạn chế gia tăng nhiệt độ Trái đất.

Để hiểu rõ hơn về Thỏa thuận lịch sử này, cũng như cam kết của Việt Nam trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu (BĐKH), Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Phạm Văn Tấn - Phó Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và BĐKH (Bộ TN&MT).

***Xin ông cho biết, ý nghĩa và nội dung chính của Thỏa thuận Pari?**

Ông Phạm Văn Tấn: BĐKH là vấn đề sống còn, đòi hỏi sự quyết tâm và nỗ lực của tất cả các quốc gia trên thế giới trong cuộc chiến ứng phó với BĐKH. Mỗi quốc gia có điều kiện địa lý, kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau nên có những cách thức khác nhau để ứng phó với BĐKH. Nếu không thống nhất được cách thức giải quyết thì sẽ không thể nào tạo ra sức mạnh tổng hợp. Thỏa thuận Pari chính là công cụ để tất cả các quốc gia cùng thực hiện nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Thời điểm Thỏa thuận Pari được thông qua đã trở thành thời khắc lịch sử, đánh dấu nỗ lực của toàn thế giới về ứng phó BĐKH sau 21 năm đàm phán. Với 29 điều, Thỏa thuận tập trung giải quyết toàn diện các nội dung trong Công ước khung của LHQ về BĐKH (UNFCCC). Kèm theo Thỏa thuận là một quyết định của COP 21, có hiệu lực ngay sau đó, nhằm hướng dẫn thực hiện nhiều nội dung quan trọng của Thỏa thuận, với các yêu cầu cho các quốc gia từ nay đến năm 2020.

Có thể nói, Thỏa thuận Pari đã giải quyết cơ bản sự khác biệt về trách nhiệm giữa các nước phát triển, đang phát triển và xây dựng trên nền tảng các quốc gia cùng cam kết thực hiện những nỗ lực một cách tốt nhất. Thỏa thuận tái khẳng định mục tiêu khống chế mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu dưới 2°C và kêu gọi các quốc gia nỗ lực hạn chế mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu đến 1,5°C. Các bên đã thống nhất chuyển đổi “Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định” (INDC) thành “Đóng góp do quốc gia tự quyết định” (NDC) bao gồm các nỗ lực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) và nhiều nội dung khác. Đồng

thời, các bên đã đồng thuận về báo cáo định kỳ mức phát thải, các tiến bộ đạt được trong việc thực hiện NDC và thông qua quá trình đánh giá quốc tế 5 năm một lần, với lần đầu tiên là năm 2023.

Ngoài ra, các bên phải xây dựng và thực hiện Kế hoạch thích ứng với BĐKH của quốc gia, trong đó nêu chi tiết các ưu tiên thích ứng, hỗ trợ cần thiết và kế hoạch thực hiện. Thỏa thuận đã mở rộng cơ chế Vác-sa-va về tổn thất và thiệt hại do các tác động tiêu cực của BĐKH, tuy nhiên không quy định cho bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc bồi thường thiệt hại nào do những tổn thất và thiệt hại từ BĐKH gây ra.

Về tài chính, Thỏa thuận tái khẳng định các nghĩa vụ mang tính ràng buộc pháp lý của các nước phát triển trong khuôn khổ UNFCCC đóng góp để thực hiện nỗ lực ứng phó với BĐKH tại các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển có thể tham gia đóng góp theo hình thức tự nguyện. Sau năm 2025, sẽ xem xét nghĩa vụ đóng góp từ tất cả các quốc gia, yêu cầu xem xét, điều chỉnh nguồn hỗ trợ tài chính và ODA theo hướng thúc đẩy thực hiện Thỏa thuận

Pari. Về lâm nghiệp, các bên cần hành động để bảo tồn và tăng cường bể chứa KNK, đồng thời khuyến khích, cũng như hỗ trợ các bên trong hoạt động liên quan tới công tác bảo tồn, quản lý rừng bền vững, tăng cường dự trữ các-bon từ rừng tại các quốc gia đang phát triển.

Bên cạnh đó, Thỏa thuận đã mở đường cho các bên tham gia kinh doanh tín chỉ phát thải quốc tế nhằm tránh tính toán kép các tín chỉ phát thải được tạo ra, đồng thời kêu gọi hình thành một cơ chế mới, tương tự như Cơ chế phát triển sạch (CDM) theo Nghị định thư Kyoto, cho phép mức giảm phát thải của một quốc gia có thể được tính vào NDC của quốc gia khác. Thỏa thuận cũng đề ra các cơ chế chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực cho các nước đang phát triển ứng phó với BĐKH, trong đó khuyến khích hợp tác song phương, đa phương, khu vực để thúc đẩy thực hiện các nội dung của Thỏa thuận.

***Ông có thể cho biết những đóng góp quan trọng, cũng như cam kết của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế ứng phó với BĐKH tại Hội nghị?**



▲ Đoàn đàm phán của Việt Nam tham dự COP 21

Ông Phạm Văn Tấn: Tại Hội nghị, Đoàn Việt Nam tham dự ở cấp cao và cấp kỹ thuật (chủ yếu tập trung trong hoạt động đàm phán xây dựng Thỏa thuận Pari). Tham dự Phiên họp cấp cao dành cho lãnh đạo Nhà nước và Chính phủ các quốc gia, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã khẳng định cam kết của Việt Nam tiếp tục cùng cộng đồng quốc tế chung tay ứng phó với BĐKH; nêu rõ quan điểm của Việt Nam ủng hộ, thúc đẩy tiến trình đàm phán và thông qua Thỏa thuận khí hậu toàn cầu sau năm 2020. Đồng thời, kêu gọi các quốc gia xây dựng một Thỏa thuận với sự bảo đảm đóng góp công bằng giữa các nước và có sự cân bằng trong những nội dung về giảm nhẹ, thích ứng, tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ. Thủ tướng nêu rõ, từ nay đến năm 2020, trong điều kiện khó khăn về nguồn lực, Việt Nam vẫn tích cực triển khai chiến lược, chương trình, kế hoạch ứng phó với BĐKH trên nhiều lĩnh vực, với các biện pháp thiết thực và thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ trong UNFCCC, Nghị định thư Kyoto. Việt Nam sẽ đóng góp 1 triệu USD vào Quỹ Khí hậu xanh trong giai đoạn 2016 - 2020.

Ở cấp kỹ thuật, các thành viên Ban công tác đàm phán của Việt Nam về BĐKH đã tích cực tham gia các phiên họp, nắm bắt quan điểm của mỗi nước, nhóm nước, trao đổi ý kiến với các đại biểu quốc tế và báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xin ý kiến chỉ đạo. Tại Hội nghị, Đoàn Việt Nam đã có những đóng góp cụ thể, kịp thời vào các điều khoản của Dự thảo Thỏa thuận Pari và đưa ra một số lựa chọn cho các điều khoản quan trọng có liên hệ trực tiếp tới lợi ích quốc gia và phù hợp với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đoàn đàm phán Việt Nam đã ủng hộ các

nội dung cơ bản của Dự thảo Thỏa thuận và đưa ra một số ý kiến như: Thỏa thuận cần phải tăng cường việc thực hiện và tôn trọng tất cả các nguyên tắc, điều khoản của Công ước; đồng thời, cần có một điều khoản riêng về tổn thất và thiệt hại liên quan tới tác động tiêu cực của BĐKH; Các nước phát triển cần tăng cường hỗ trợ về tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, cũng như nâng cao năng lực cho các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển sẽ đóng góp nguồn tài chính trên cơ sở tự nguyện. Những ý kiến của Đoàn đàm phán Việt Nam đã được Chủ tịch Ủy ban Pari hoan nghênh và ghi nhận.

Ngoài ra, tại Hội nghị COP 21, Đoàn đàm phán Việt Nam đã tổ chức thành công chuỗi sự kiện bên lề về Việt Nam ứng phó với BĐKH nhằm giới thiệu những thách thức và cơ hội do BĐKH mang lại; các sáng kiến, hoạt động và tiềm năng trong hợp tác song phương và đa phương nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH; chia sẻ kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ về BĐKH, tiềm năng thực hiện tăng trưởng xanh, phát thải ít các-bon...

★Để thực hiện Thỏa thuận Pari, thời gian tới, Việt Nam sẽ triển khai những hoạt động gì, thưa ông?

Ông Phạm Văn Tấn: Trước hết, chúng ta cần làm các thủ tục trong nước để ký và phê duyệt Thỏa thuận trước tháng 4/2017. Đồng thời, điều chỉnh Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SPRCC) giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH và các chương trình, dự án liên quan cho phù hợp với tình hình mới; Xây dựng Kế hoạch thích ứng quốc gia theo hướng dẫn của Ban Thư ký Công ước Khí hậu để nhận hỗ trợ quốc tế và đặc biệt là Kế hoạch triển khai Thỏa thuận Pari tại Việt Nam. Đây là vấn đề mới, cần hoàn thiện về thể chế, tổ chức, năng lực để thực hiện Thỏa thuận.

Ngoài ra, các hoạt động ứng phó với BĐKH từ nay đến năm 2020 đối với Việt Nam sẽ tiếp tục được thực hiện theo hình thức tự nguyện, đồng thời, có những bước chuẩn bị kỹ càng, tạo đà cho việc thực hiện thành công Thỏa thuận Pari tại Việt Nam từ năm 2020 trở đi.

★Xin cảm ơn ông!

G. HƯƠNG (Thực hiện)



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NAM ĐỊNH: Triển khai hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Năm 2015, được sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nam Định, Sở TN&MT tỉnh Nam Định đã tham mưu cho tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về TN&MT. Nhân dịp Xuân Bính Thân, Tạp chí Môi trường có cuộc trò chuyện với ông Vũ Minh Lượng - Giám đốc Sở TN&MT Nam Định về những đóng góp cho công tác BVMT trong năm 2015 và triển khai kế hoạch năm 2016.



▲ Ông Vũ Minh Lượng -
Giám đốc Sở TN&MT Nam Định

***Xin ông cho biết một số kết quả nổi bật trong công tác quản lý nhà nước về BVMT tỉnh Nam Định năm 2015?**

Ông Vũ Minh Lượng: Năm 2015 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và được đánh giá là năm có nhiều hoạt động quan trọng đối với ngành TN&MT. Trong đó, tập trung giải quyết nhiều vấn đề lớn, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nhà nước về nhiều lĩnh vực của ngành như đất đai, môi trường, tài nguyên khoáng sản...

Tính đến nay, Sở đã tham mưu UBND, HĐND tỉnh ban hành 7 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) (6 quyết định; 1 nghị quyết) và nhiều văn bản chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về TN&MT. Đối với lĩnh vực môi trường, Sở tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 1 Quyết định và 1 Nghị quyết về Quy định mức thu phí vệ sinh, ủy quyền tổ chức thẩm định và phê duyệt Đề án BVMT chi tiết của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Nam Định.

Nhằm nâng cao nhận thức pháp luật về BVMT, Sở TN&MT, UBND các huyện và TP đã tổ chức Hội nghị giới thiệu và triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, Sở còn phối hợp với Mặt trận tổ quốc (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh tổ chức tập huấn về công tác BVMT, triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2014 trên địa bàn.

Đồng thời, Sở tham mưu và trình UBND tỉnh phê duyệt 10 báo cáo ĐTM. Sở phê duyệt 53 báo cáo ĐTM; 9 đề án BVMT chi tiết; xác nhận thực hiện các công trình, biện pháp BVMT 17 hồ sơ; xác nhận việc thực hiện đề án BVMT chi tiết 8 hồ sơ; xác nhận kế hoạch BVMT của 6 cơ sở... Hoàn thiện báo cáo hiện

trạng môi trường cấp tỉnh 5 năm giai đoạn 2011-2015 trình UBND tỉnh phê duyệt.

***Bên cạnh những mặt thuận lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực môi trường Nam Định còn gặp những khó khăn gì, thưa ông?**

Ông Vũ Minh Lượng: Có thể nói, ô nhiễm môi trường, sự cố, suy thoái môi trường ở Việt Nam nói chung, tỉnh Nam Định nói riêng đang là thách thức lớn trong công tác quản lý môi trường. Bên cạnh những thuận lợi, kết quả đạt được, ngành môi trường tỉnh Nam Định còn gặp một số khó khăn chính trong công tác quản lý môi trường như: Ý thức BVMT của người dân chưa cao, bảo tồn đa dạng sinh học của một bộ phận quần chúng nhân dân còn hạn chế. Tình trạng ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt đặc biệt là ở TP. Nam Định chưa được xử lý, môi trường làng nghề còn diễn biến phức tạp. Việc xả rác thải bừa bãi còn diễn ra tại một số nơi, ở một số cơ sở sản xuất kinh doanh chất thải nguy hại chưa được chú ý phân loại, thu gom, xử lý... Tình trạng khai thác cát trái phép chưa được thường xuyên ngăn chặn, xử lý... Bên cạnh đó, lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về BVMT hiện nay mỏng, kinh nghiệm công tác, khả năng

làm việc độc lập còn hạn chế. Trong khi khối lượng công việc hiện nay lớn; cán bộ đầu mối phụ trách giải quyết công việc còn thiếu nên khó khăn trong quá trình giải quyết công việc.

***Thưa ông, sau một năm Luật BVMT năm 2014 đi vào cuộc sống, công tác quản lý môi trường ở địa phương đã có những thay đổi như thế nào?**

Ông Vũ Minh Lượng: Để triển khai, thực hiện Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu quả, trước hết công tác tuyên truyền phải được tăng cường. Sở đã tổ chức Hội nghị tuyên truyền ở cấp tỉnh, cấp huyện phổ biến Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, MTTQ và các tổ chức thành viên, đài PTTH, báo Nam Định, phòng Giáo dục và Đào tạo TP tổ chức triển khai Luật tới người dân.

Qua 1 năm triển khai, Sở TN&MT, phòng TN&MT các huyện/TP đã rà soát các văn bản QLPL, các văn bản có liên quan đến lĩnh vực BVMT để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của Luật BVMT năm 2014; xây dựng bộ thủ tục hành chính về công tác BVMT.

Đồng thời, rà soát và hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải làm các thủ tục hồ



sơ BVMT; Yêu cầu các cơ sở thực hiện nghiêm Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra chấp hành Luật BVMT của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo thẩm quyền; xử lý nghiêm minh các cơ sở vi phạm Luật hoặc gây ô nhiễm môi trường; Xây dựng và nhân rộng mô hình BVMT...

Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 193/204 xã thu gom rác thải, toàn tỉnh hiện có 107 bãi chôn lấp tập trung đang hoạt động, 39 xã, thị trấn đầu tư xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt nông thôn theo công nghệ mới; Hoàn thiện Dự án xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) tồn lưu tại xã Nam Phong, TP. Nam Định, xã Hoàn Sơn, huyện Giao Thủy; Hoàn thành điều tra thống kê xây dựng các nguồn thải (nước thải) trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Bên cạnh đó, Sở đã xây dựng kế hoạch điều tra đánh giá ô nhiễm đất; Xây dựng báo cáo đề xuất đầu tư xử lý triệt để ô nhiễm do hóa chất BVTV tồn lưu tại 5 điểm trên địa bàn tỉnh; Triển khai Dự án cải thiện và xử lý môi trường làng nghề Bình Yên (đã hoàn thành giai đoạn I, đang triển khai giai đoạn II). Ngoài ra, Sở đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Dự án xử lý ô nhiễm môi trường 3 làng nghề khác để đề xuất với Chính phủ, Bộ TN&MT hỗ trợ kinh phí; Trình UBND tỉnh thành lập Quỹ BVMT trong năm 2016.

★Để công tác quản lý TN&MT đạt hiệu quả cao, Sở TN&MT đã xác định những nhiệm vụ cụ thể như thế nào trong năm 2016, thưa ông?

Ông Vũ Minh Lượng: Năm 2016, toàn ngành TN&MT tỉnh Nam Định sẽ tham mưu cho UBND các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về môi trường; Đổi mới phương pháp tuyên truyền; khai thác lợi thế, hiệu quả việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, với các nội dung sau: Tiếp tục tuyên truyền Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản QPPL liên quan.

Hoàn chỉnh việc ban hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, cụ thể hóa các văn bản, quy định của Trung ương, tổ chức thực hiện và vận hành, hiệu quả các cơ chế chính sách về BVMT.

Lập kế hoạch phê duyệt và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường, kiên quyết xử lý vi phạm mới phát sinh đi đôi với xử lý dứt điểm vi phạm cũ. Thực hiện



▲ Hội nghị triển khai, phổ biến Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành do Sở TN&MT Nam Định tổ chức

tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường.

Đồng thời, hướng dẫn, đôn đốc UBND các xã, thị trấn, các tổ chức hoàn thành chỉ tiêu về môi trường năm 2016; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT. Trong đó, Sở TN&MT tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có chất thải, khí thải, nước thải gây ô nhiễm môi trường; Đôn đốc UBND các xã, thị trấn có công trình xử lý rác thải, các cơ sở sản xuất, kinh doanh lập, hoàn thiện thủ tục môi trường theo quy định. Đối với phòng TN&MT các huyện/TP, tham mưu cho UBND huyện/TP kiểm tra việc chấp hành pháp luật BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt cam kết BVMT; Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc vận hành các bãi chôn lấp rác thải tập trung, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định.

Tham mưu cho UBND tỉnh, UBND các huyện, TP huy động nguồn lực xã hội hóa để xây dựng các lò đốt rác thải sinh hoạt; kiểm tra, giám sát việc xây dựng, lắp đặt, vận

hành lò đốt rác đảm bảo quy định.

Xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện “Quy hoạch đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Nam Định”; hoàn thành việc điều tra ô nhiễm làng nghề và đề ra các giải pháp khắc phục ô nhiễm làng nghề.

Tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp theo Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ.

Năm 2016, tỉnh Nam Định phấn đấu chỉ tiêu môi trường với tỷ lệ như sau: Dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 94%; dân số đô thị sử dụng nước sạch đạt 100%; cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý theo Quyết định số 1788/2013/QĐ-TTg ngày 1/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ là 14/16 cơ sở; chất thải y tế nguy hại được xử lý đạt trên 90%; chất thải rắn đô thị được thu gom đạt trên 93%; chất thải rắn ở nông thôn được thu gom đạt trên 85%; khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 100%.

★Xin cảm ơn ông!

PHẠM TUYỀN
(Thực hiện)



Nghệ An: Nỗ lực xử lý ô nhiễm môi trường từ hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu

NGUYỄN NGỌC VÕ

Phó Giám đốc Sở TN&MT Nghệ An

Giải quyết ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) là một trong những vấn đề được quan tâm của các cấp chính quyền và người dân Nghệ An. Trong những năm qua, Nghệ An đã tập trung quyết liệt, chủ động triển khai các biện pháp cải thiện ô nhiễm môi trường.



▲ Xử lý kho thuốc BVTV tồn lưu tại Nghệ An

Một số kết quả trong công tác xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu tại Nghệ An

Để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do tồn lưu thuốc BVTV, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu trên phạm vi cả nước (Quyết định số 1946/QĐ-TTg) và Quyết định 1206/QĐ-TTg ngày 2/9/2012 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012-2015 (Quyết định số 1206/QĐ-TTg). Nghệ An là tỉnh có số lượng kho thuốc BVTV tồn lưu lớn nhất trên cả nước với 268/335 điểm tồn lưu thuốc BVTV thuộc Quyết định số 1946/QĐ-TTg chiếm 80% và 55/100 điểm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường (CTMTQG) chiếm 55%.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh đã thực hiện 22 đề án điều tra, khảo sát xác định phạm vi mức độ ô nhiễm đối với 178 điểm tồn lưu hóa chất BVTV với tổng kinh phí là 54 tỷ đồng, trong đó đã điều tra 102 điểm. Kết quả điều tra, khảo sát, xác định phạm vi, mức độ ô nhiễm là cơ sở để triển khai các dự án xử lý.

Hiện nay, tỉnh đã và đang triển khai 18 dự án (19 điểm ô nhiễm), trong đó, 7 dự án (8 điểm) thuộc CTMTQG, xử lý ô nhiễm môi trường do tồn dư thuốc BVTV với tổng kinh phí là 163 tỷ đồng. Đến nay, 5 dự án đã hoàn thành nghiệm thu và hoàn trả mặt bằng cho địa phương, 6 dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình xử lý, 7 dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện. Ngoài ra, Sở TN&MT đã phối hợp triển khai thực hiện 2 dự án trong Dự

án “Xây dựng năng lực nhằm loại bỏ hóa chất BVTV POP tồn lưu tại Việt Nam” hỗ trợ bốc xúc phần đất ô nhiễm nặng và xử lý bằng phương pháp đốt nhiệt độ cao.

Về cơ bản, các dự án đã đạt mục tiêu đề ra, xử lý ô nhiễm môi trường theo mục đích sử dụng đất tại địa phương, đem lại môi trường sống trong lành và nâng cao ý thức của nhân dân trong việc phòng chống ô nhiễm môi trường do tồn lưu thuốc BVTV.

Tuy vậy, so với khối lượng công việc cần phải thực hiện thì tình hình vẫn chưa đạt được mục tiêu chung đề ra, chủ yếu là do số lượng điểm ô nhiễm trên địa bàn tỉnh nhiều. Để thực hiện phải có kinh phí, nhân lực và thời gian hợp lý. Bên cạnh đó, hầu hết các điểm ô nhiễm do tồn lưu thuốc BVTV cho đến nay chưa có kết quả đánh giá phạm vi, mức độ ô nhiễm nên cũng cần phải có thời gian, kinh phí để lập các đề án điều tra xử lý. Ngoài ra, tỉnh chưa có phương án xử lý tập trung mà mới chỉ xử lý từng điểm nên chưa xử lý đồng thời được nhiều điểm. Trong khi đó, kinh phí xử lý toàn bộ các điểm ô nhiễm rất lớn, ngân sách địa phương lại hạn hẹp và hiện nay, chưa

có công nghệ hữu hiệu để xử lý tồn lưu thuốc BVTV (đạt yêu cầu cả về kinh phí, hiệu quả và thời gian xử lý), dẫn đến chậm tiến độ và hiệu quả xử lý hạn chế. Mặt khác, chưa có hướng dẫn cụ thể về định hướng áp dụng công nghệ xử lý phù hợp đối với từng nồng độ ô nhiễm, từng loại đất. Ngoài ra, công tác giải phóng mặt bằng cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài làm chậm tiến độ triển khai các dự án.

Đề xuất các giải pháp để xử lý ô nhiễm môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu

Để thực hiện hiệu quả Quyết định số 1946/QĐ-TTg và Quyết định 1206/QĐ-TTg về xử lý ô nhiễm môi trường do tồn lưu thuốc BVTV là vấn đề lâu dài, còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Để giải quyết vấn đề này, xin đề xuất một số giải pháp:

Thứ nhất, có chế độ ưu đãi, hỗ trợ cho các chương trình sản xuất và ứng dụng các sản phẩm hữu cơ, vi sinh vào công tác phòng trừ sinh vật gây hại. Chọn lọc các loại thuốc, dạng thuốc BVTV an toàn, phân giải nhanh trong môi trường; Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong trồng trọt, ưu tiên sử dụng, gieo trồng các giống kháng sâu



CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

bệnh, bảo vệ thiên địch khi dùng thuốc; Tăng cường giáo dục tuyên truyền, phổ biến những lợi ích cũng như tác hại do thuốc BVTV gây ra, nâng cao nhận thức của nông dân trong việc sử dụng thuốc BVTV hợp lý, đúng cách, an toàn và có hiệu quả, từ đó giảm lượng thuốc BVTV và khuyến cáo nông dân sử dụng các thuốc sinh học không gây ô nhiễm môi trường, ít ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, chú trọng việc thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng.

Thứ hai, tại các vùng ô nhiễm thuốc BVTV nặng, có kế hoạch, quy hoạch vùng tái định cư cho nhân dân; Bao vây, che chắn các kho hóa chất BVTV đã bị xuống cấp; Khuyến cáo nhân dân không trồng rau, cây ăn quả trên vùng đất có dư lượng thuốc BVTV.

Thứ ba, xây dựng lộ trình, phương án xử lý phù hợp; Cần rà soát, điều tra, đánh giá bổ sung để cập nhật danh mục các điểm ô nhiễm do tồn lưu thuốc BVTV, đưa ra chương trình, lộ trình cụ thể, hợp lý nhằm xử lý từng bước, từng điểm.

Thứ tư, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành; Sớm ban hành hướng dẫn công nghệ cơ bản về quản lý, xử lý tồn lưu thuốc BVTV, quy trình, định mức trong quản lý, triển khai các dự án...; Có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho một số tỉnh có số điểm ô nhiễm nhiều, chưa chủ động về ngân sách như: Nghệ An, Hà Tĩnh...

Thứ năm, xã hội hóa các nguồn lực, thu hút tài trợ quốc tế, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiệu quả để hỗ trợ xử lý ô nhiễm thuốc BVTV■

Ngày 5/1/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 5/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động (ATVSLĐ) giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, mục tiêu của Chương trình đến năm 2020, trung bình hàng năm, giảm 5% tần suất tai nạn lao động chết người; Trên 50% người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; Hàng năm tăng trung bình 2.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng hiệu quả một số nội dung cơ bản của hệ thống quản lý ATVSLĐ, bước đầu xây dựng văn hóa an toàn trong lao động; Trên 80% số làng nghề, 70% số hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin phù hợp về ATVSLĐ...

Để thực hiện mục tiêu trên, Chương trình đề ra một số giải pháp như: Tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng lao động, người lao động chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, cải thiện điều kiện lao động, áp dụng hệ thống quản lý ATVSLĐ tiên tiến; Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, các quốc gia tham gia và đóng góp nguồn lực, kinh nghiệm để triển khai các hoạt động cải thiện điều kiện lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động; Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt là các hoạt động kiểm định kỹ thuật, huấn luyện ATVSLĐ, quan trắc môi trường lao động...

DOANH NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC ƯU ĐÃI THUẾ

Ngày 31/12/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 212/2015/TT-BTC hướng dẫn chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động BVMT tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT năm 2014.

Theo Thông tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đối với dự án đầu tư mới như: Xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế từ 2.500m³ nước thải trở lên trong một ngày, đêm đối với khu vực đô thị từ loại IV trở lên; Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường tập trung; Xử lý, cải tạo các khu vực môi trường bị ô nhiễm tại các khu vực công cộng; Ứng cứu, xử lý sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất và sự cố môi trường khác; Xây dựng hạ tầng kỹ thuật BVMT các khu, cụm công nghiệp làng nghề...

Mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới theo quy định được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm. Trường hợp dự án đầu tư có quy mô lớn và công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% có thể kéo dài thêm nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá

30 năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chí cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời gian hoạt động đối với phần thu nhập từ thực hiện hoạt động xã hội hóa. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư...

Về thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi đối với dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất ứng dụng sáng chế BVMT được nhà nước bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tính từ năm được cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích; Dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi tính từ năm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải...



HỢP TÁC CÔNG TƯ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

TS. TRẦN NGỌC NGOẠN - Viện trưởng
HÀ HUY NGỌC
Viện Địa lí nhân văn

Trước sức ép về nhu cầu tài chính cho dịch vụ môi trường đô thị ngày càng lớn, trong khi nguồn lực của Nhà nước có hạn đòi hỏi các quốc gia tìm kiếm phương thức mới, phù hợp và hình thức Hợp tác Công - Tư (PPP) ra đời. Cung ứng dịch vụ môi trường đô thị theo hình thức PPP được triển khai ở nhiều nước trên thế giới nhằm BVMT, giảm thiểu chất thải rắn (CTR) phải xử lý và tăng tính bền vững của ngân sách Nhà nước.

1. Xu hướng phát triển và kinh nghiệm PPP trong dịch vụ môi trường đô thị trên thế giới

Nghiên cứu của UNEP cho thấy, sự khác nhau giữa quy trình quản lý chất thải rắn (CTR) ở các nước phát triển (Singapo, EU...) và các nước đang phát triển. Nếu như ở các nước phát triển, phế liệu được thu gom bởi công ty thu gom CTR tại một khu vực, thì các nước đang phát triển, loại rác này được bộ phận đồng nát thu gom và bán cho các làng nghề tái chế (Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Philipin...).

Tại các thành phố thuộc các nước phát triển, hầu hết dịch vụ thu gom CTR được thực hiện bởi công ty tư nhân thông qua các hợp đồng thu gom dài hạn. Thành phố Adelaide của Ôxtrâylia, 70% dân số được thu gom rác ở các công ty tư nhân ký hợp đồng với chính quyền địa phương và 30% do công ty nhà nước. Ở các nước đang phát triển, thu gom CTR cũng có sự tham gia của doanh nghiệp tư nhân, tuy nhiên, các doanh nghiệp nhà nước vẫn đóng vai trò chi phối. Một điểm khác nhau nữa giữa các nước phát triển và đang phát triển là tài chính cho hoạt động thu gom rác thải, nếu như các quốc gia phát triển đưa ra chính sách giá và đối tượng "xả thải" chịu trách nhiệm đóng tiền thu gom thì ở đa số nước đang phát triển, chính quyền trợ cấp hoàn toàn chi phí thu gom rác thải cho người dân.

Để nâng cao hoạt động xử lý CTR, các khu xử lý CTR trên thế giới được khuyến khích xây dựng dựa trên PPP (hợp đồng với các doanh nghiệp tư nhân thực hiện xử lý CTR dài hạn). Ngoài ra để thu hút sự tham gia của tư nhân đầu tư xây dựng các khu xử lý rác thải, chính



▲ Dự án Nhà máy xử lý chất thải công nghệ cao theo hình thức PPP tại xã Bắc Sơn (Sóc Sơn, Hà Nội) giải quyết hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải sinh hoạt

quyền các thành phố phát triển còn thực hiện nhiều công cụ kinh tế để điều tiết hành vi của các doanh nghiệp, giảm thiểu lượng rác chôn lấp. Nhiều thành phố thuộc khối EU đã liên tục tăng thuế chôn lấp CTR đối với các doanh nghiệp vận chuyển CTR tới bãi chôn lấp xử lý, và công cụ kinh tế này đã được chứng minh là hiệu quả.

Kinh nghiệm của Singapo

Công tác thu gom - vận chuyển CTR ở Singapo được Chính phủ giao cho 4 doanh nghiệp tư nhân. Các công ty này đóng vai trò là người cung cấp dịch vụ quản lý CTR cho người dân, các doanh nghiệp và chính quyền. Nhà nước sẽ ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom CTR cho 4 công ty với thời hạn hợp đồng là 7 năm tại các khu vực thu gom với hình thức đấu thầu công khai. Thêm vào đó, giá chi phí dịch vụ thu gom tại các khu thương mại sẽ là giá đấu thầu của công ty thắng thầu. Cách thức xây dựng phí của Singapo là người

dân phải trả toàn bộ chi phí để quản lý CTR đô thị, nhà nước không bao cấp và hỗ trợ.

Thị trường xử lý CTR ở Singapo có sự tham gia quản lý của Cơ quan quản lý môi trường quốc gia (NEA) trong quy hoạch địa điểm, vị trí xử lý, quy định mức phí xử lý mà các doanh nghiệp thu gom phải trả khi xử lý CTR tại các khu xử lý. Quan hệ thị trường trong phân đoạn này là mối quan hệ giữa doanh nghiệp thu gom (bên cầu) chi trả phí xử lý CTR cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (bên cung) để được đổ CTR tại khu xử lý.

Cả hai bên cung và cầu đều có tính tập trung (độc quyền) khi mua bán dịch vụ xử lý CTR. Trong khi đó, NEA chỉ đóng vai trò điều tiết giá tại các khu xử lý CTR trong phân khúc xử lý CTR, đảm bảo các khu xử lý có sự bền vững về tài chính, đồng thời điều tiết lượng CTR đi vào các khu xử lý. Hợp đồng xử lý CTR ở các khu xử lý rác đủ thời gian để khấu hao nhà máy xử lý.



Đối với phân đoạn thị trường tái chế CTR, doanh nghiệp thu gom CTR độc quyền, thu gom phế liệu trên khu vực của mình. Công ty sẽ phân tích lợi ích và chi phí khi trực tiếp phân loại và sản xuất hàng tái chế ra thị trường hay bán cho các công ty tái chế, bán nguyên liệu cho các nhà máy để thu lại nguồn lợi cho mình.

Kinh nghiệm Trung Quốc

Trước năm 2000, các hoạt động thu gom, vận chuyển CTR tại các đô thị của Trung Quốc được thực hiện bởi một cơ quan trực thuộc Nhà nước. Từ sau năm 2000, ngoài công ty nhà nước thì chính quyền các đô thị Trung Quốc đã cho phép sự tham gia của người dân và một số tổ nhóm thu gom tư nhân, hoặc các công ty tư nhân tham gia thu gom CTR đô thị. Tại Thượng Hải, ngoài khu vực nhà nước tham gia thu gom, vận chuyển CTR, có thêm 3 công ty tư nhân chính thức thu gom, vận chuyển CTR đô thị.

Mức phí thu gom CTR tại các đô thị ở mức khá thấp, ngân sách nhà nước vẫn là nguồn tài chính chủ đạo cho hoạt động quản lý CTR đô thị. Tuy nhiên, Trung Quốc đã có lộ trình tăng mức phí thu gom CTR để tăng trách nhiệm của các chủ thể phát sinh CTR.

Đối với khâu xử lý CTR đô thị, chính quyền địa phương ở các đô thị đã hợp tác với Doanh nghiệp tư nhân quy hoạch xây dựng các khu xử lý CTR. Nhìn chung, xử lý CTR ở Trung Quốc có tính độc quyền ở bên cung cấp dịch vụ. Chính quyền đang có xu hướng chuyển dịch hình thức độc quyền của doanh nghiệp nhà nước cung cấp dịch vụ sang phối hợp với các doanh nghiệp tư nhân, thông qua các hình thức PPP. Mặt khác, đang có sự chuyển dịch về dòng tiền trong công đoạn xử lý CTR ở Trung Quốc từ năm 2002. Năm 1999, các nhà máy xử

lý CTR ở Bắc Kinh và Thượng Hải không thu phí xử lý CTR. Tuy nhiên, đến năm 2012, phí xử lý CTR ở các nhà máy dao động khoảng 8 USD/tấn. So sánh mức phí này với các phí xử lý ở các nước phát triển như Mỹ (132 USD/tấn), mức chi phí thực tế để xử lý CTR ở Trung Quốc còn khá khiêm tốn.

2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Quản lý CTR luôn là vấn đề thách thức của các nước đang phát triển trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Cùng với việc tăng trưởng kinh tế nhanh và mở rộng các đô thị, thị lượng CTR đô thị của Việt Nam dự báo sẽ tăng gần gấp đôi từ 12,8 triệu tấn năm 2004 lên mức trên 20 triệu tấn năm 2015 và tăng lên 31,3 triệu tấn vào năm 2020. Tuy nhiên, lượng CTR đô thị ở Việt Nam không được thu gom một cách triệt để và hiệu quả. Báo cáo của Bộ TN&MT năm 2011 cho thấy, lượng tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt, công nghiệp và dịch vụ ở các khu đô thị, các khu công nghiệp, khu chế xuất chỉ đạt mức 73,81%. Hơn nữa, các phương thức xử lý CTR của Việt Nam còn lạc hậu, không đảm bảo vệ sinh môi trường. Hình thức xử lý

CTR chủ yếu vẫn là các bãi rác lộ thiên (49 bãi), chôn lấp (91 bãi) nhưng chỉ có 17 bãi rác hợp vệ sinh; hình thức đốt làm nhiên liệu cũng như tái chế CTR còn rất ít.

Dựa trên những phân tích về quản lý CTR đô thị tại Singapo và Trung Quốc, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc thúc đẩy PPP trong dịch vụ môi trường:

Đối với các phân đoạn thu gom - vận chuyển và xử lý nên có tính tập trung vào một số doanh nghiệp (khuyến khích sự tham gia của tư nhân), nhằm phát huy lợi thế kinh tế nhờ quy mô; tăng khả năng giám sát tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ.

Khu vực thu gom phân chia phù hợp, đủ rộng để các doanh nghiệp đấu thầu tận dụng lợi thế nhờ quy mô; thời gian thực hiện hợp đồng thu gom CTR ở các đô thị đủ lớn (như ở Singapo là 7 năm);

Các hộ gia đình sẽ chịu toàn bộ chi phí xử lý CTR mà họ phát sinh ra. Các doanh nghiệp thu gom có nguồn lợi trực tiếp từ rác phế liệu.

Thị trường xử lý CTR được hình thành với bên cầu là doanh nghiệp thu gom - vận chuyển chứ không phải là chính quyền địa phương, tức là doanh nghiệp thu gom - vận chuyển phải trả toàn phí xử lý CTR khi đổ rác tại các nhà máy xử lý CTR.

Xử lý CTR được tập trung vào số ít doanh nghiệp tại các khu xử lý được Nhà nước quy hoạch. Xây dựng các nhà máy phần lớn được thực hiện thông qua PPP thích hợp; thời hạn hợp đồng thực hiện các khu xử lý tương đối dài, công suất thường trên 1.000 tấn/ngày■



▲ Từ năm 2001, Chính phủ Singapo đã triển khai Chương trình xử lý rác thải nhằm tăng tỷ lệ tái chế



Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế

BVMT là mục tiêu ưu tiên trong phát triển bền vững của quốc gia. BVMT là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Là đơn vị đầu mối của Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành về chất thải y tế trong các cơ sở y tế, Cục Quản lý Môi trường y tế đã đạt được những thành tựu quan trọng trong năm vừa qua. Nhân dịp đầu xuân năm 2016, Tạp chí Môi trường đã có cuộc phỏng vấn bà Nguyễn Thị Liên Hương - Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế.



▲ Bà Nguyễn Thị Liên Hương -
Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế

***Xin bà cho biết, một số kết quả nổi bật của Cục Quản lý Môi trường y tế trong năm 2015?**

Bà Nguyễn Thị Liên Hương: Cục Quản lý Môi trường y tế là cơ quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ Y tế quản lý nhà nước về lĩnh vực BVMT trong hoạt động y tế. Trong năm qua, Cục đã tiến hành rà soát các văn bản chính sách liên quan đến BVMT cơ sở y tế và xây dựng kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung các văn bản chính sách phù hợp với Luật BVMT năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015. Cụ thể, Cục đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ Y tế ban hành Chỉ thị số 05/CT-BYT ngày 6/7/2015 yêu cầu tăng cường tiến hành thanh tra, kiểm tra giám sát công tác quản lý chất thải y tế. Đặc biệt, Cục chủ trì xây dựng và trình ban hành Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT giữa Bộ Y tế và Bộ TN&MT quy định về quản lý chất thải y tế (thay thế Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành quy chế quản lý chất thải y tế). Đây là Thông tư quy định quá trình quản lý chất thải y tế từ khâu phát sinh đến xử lý chất thải y tế và các mô hình xử lý chất thải y tế phù hợp. Thông tư cũng quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý chất thải y tế.

Xác định được khó khăn lớn nhất trong công tác quản lý chất thải y tế là thiếu kinh phí cho việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải y tế, trong năm 2015, Cục đã tiến hành khảo sát thực trạng về hợp tác công - tư trong xử lý chất thải y tế, làm cơ sở xây dựng cơ chế đối tác công - tư và cơ chế đặc thù trong quản lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế không có nguồn thu, không tự đảm bảo được kinh phí hoạt động.

***Để hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015**

về quản lý chất thải và phế liệu. Là đơn vị đầu mối của Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành về chất thải y tế trong các cơ sở y tế, Cục Quản lý Môi trường y tế đã triển khai thực hiện như thế nào, thưa bà?

Bà Nguyễn Thị Liên Hương: Để cụ thể hóa Luật BVMT năm 2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Cục Quản lý Môi trường y tế là cơ quan đầu mối tham mưu cho lãnh đạo Bộ Y tế - Bộ TN&MT xây dựng và ban hành Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT quy định về quản lý chất thải y tế. Đồng thời đã phối hợp với Ban Quản lý Dự án "Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện" tổ chức hội nghị phổ biến Luật BVMT năm

2014, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP, Chỉ thị số 05/CT-BYT về tăng cường quản lý chất thải y tế tại các bệnh viện và một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật khác. Bên cạnh đó, Cục đã tham mưu cho lãnh đạo Bộ thành lập 4 đoàn kiểm tra về công tác quản lý chất thải y tế tại 25 bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế và 3 đoàn kiểm tra các bệnh viện địa phương trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để hướng dẫn, đôn đốc các bệnh viện thực hiện tốt công tác quản lý chất thải y tế và đề nghị các bệnh viện khẩn trương khắc phục các tồn tại.

***Để tăng cường công tác quản lý chất thải y tế trong thời gian tới, Cục đã và sẽ triển khai các giải pháp gì, thưa bà?**



▲ Cục Quản lý Môi trường y tế phối hợp với Ban Quản lý Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tổ chức khóa đào tạo về quản lý chất thải y tế cho cán bộ quan trắc môi trường y tế



Bà Nguyễn Thị Liên Hương: Nhằm tăng cường công tác quản lý chất thải y tế trong thời gian tới, Cục Quản lý Môi trường y tế với vai trò là cơ quan tham mưu cho lãnh đạo Bộ Y tế sẽ tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật BVMT năm 2014, tập trung sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường liên quan đến quản lý chất thải y tế; Phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT quy định về quản lý chất thải y tế và các văn bản pháp lý liên quan; Huy động các nguồn lực đầu tư cho quản lý chất thải y tế thông qua xây dựng hướng dẫn và cơ chế triển khai đối tác công - tư trong xử lý chất thải y tế; Tăng cường đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức về quản lý chất thải y tế cho cán bộ y tế và các đối tượng có liên quan; Triển khai phong trào Bệnh viện Xanh - Sạch - Đẹp - Quản lý tốt chất thải y tế; Phối hợp với Bộ TN&MT, UBND tỉnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tình hình thực hiện pháp luật BVMT tại các cơ sở y tế.

***Xin trân trọng cảm ơn bà!**

NGUYỄN HẰNG
(Thực hiện)

Việt Nam tham gia TPP - Những vấn đề liên quan đến môi trường và sử dụng tài nguyên trong nông nghiệp

TS. NGUYỄN ĐỖ ANH TUẤN - Viện trưởng

Viện Chính sách chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD)

TS. ĐẶNG KIM KHÔI - Giám đốc

Trung tâm Tư vấn chính sách (CAP) - IPSARD

ThS. KIM VĂN CHINH - Cán bộ nghiên cứu CAP

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀ CÁC VẤN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

Kể từ sau đổi mới năm 1986 đến nay, Việt Nam đã tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới với việc tham gia ký kết các hiệp định thương mại song phương như Việt Nam - Mỹ, quan hệ đối tác chiến lược với Nga, hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 12 hiệp định thương mại tự do và là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Đến nay, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư chính thức với khoảng 230 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Cùng với đà hội nhập, xuất khẩu của ngành nông nghiệp đã có sự phát triển mạnh mẽ, đóng góp quan trọng trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) bình quân 3,7% mỗi năm trong giai đoạn 1986-2013. Giá trị xuất khẩu ngành nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản) tăng trung bình 13,5% mỗi năm trong giai đoạn 1995-2013 từ 2,5 tỷ lên 24,5 tỷ USD. Nông nghiệp là lĩnh vực duy nhất duy trì được thặng dư xuất khẩu trong nhiều năm qua. Hiện nay, Việt Nam đang là một trong những nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới đối với nhiều sản phẩm như gạo, thủy sản, cà phê, tiêu, điều...

Mặc dù mô hình phát triển nông nghiệp theo chiều rộng tập trung, nâng cao sản lượng và số lượng nhưng dựa trên khai thác triệt để tài nguyên tự nhiên đã dẫn bộc lộ những điểm yếu. Hầu hết, các nguồn tài nguyên tự nhiên của Việt Nam đang bị suy kiệt do việc thâm canh cao độ trong những năm vừa qua. Theo Bộ TN&MT, hiện cả nước có khoảng 2 triệu



▲ Gỗ nguyên liệu đầu vào của ngành lâm nghiệp phải đảm bảo tính hợp pháp, tính minh bạch về nguồn gốc

ha đất bị suy thoái nghiêm trọng và 9,3 triệu ha đất chiếm 20% tổng diện tích đất đai - nơi diễn ra các hoạt động sản xuất của khoảng 22 triệu người - đang bị thoái hóa.

Nông nghiệp cũng là ngành chiếm tới 80% lượng nước ngọt (nước mặt và nước ngầm) phục vụ cho hoạt động tưới tiêu. Cùng với nhu cầu phát triển, lượng nước ngọt được sử dụng hàng năm của Việt Nam đã có xu hướng tăng đáng kể (từ 12,6% năm 1997 lên 22,8% năm 2011 tổng trữ lượng). Do đó, đảm bảo an ninh nguồn nước đang là một trong những thách thức lớn cho phát triển nông nghiệp trong tương lai trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các can thiệp dòng chảy ở thượng nguồn sông Mê Công. Tình hình chặt phá rừng, khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản nội địa và gần bờ cùng với việc chuyển canh một số cây trồng chủ lực cũng gây hậu quả tiêu cực đối với đa dạng sinh học và hệ sinh thái.

Việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón hóa học đã ở mức báo động, cao hơn gấp nhiều lần so với trung bình thế giới. Điều này đã gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước và không khí tại các



khu vực nông nghiệp, cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và đặc biệt là chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm đối với người tiêu dùng. Nông nghiệp nói chung và ngành sản xuất lúa gạo nói riêng đã và đang là nguồn thải lớn gây hiệu ứng nhà kính. Số liệu thống kê của Tổ chức Nông lương Thế giới cho thấy, trong giai đoạn 50 năm (từ năm 1961 đến năm 2011), một thửa đất nông nghiệp của Việt Nam phát thải khí nhà kính cao hơn so với hầu hết các quốc gia khác.

CÁC CAM KẾT TPP CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRONG NÔNG NGHIỆP

Từ năm 2010 đến nay, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh và đưa lên một tầm cao mới với việc đàm phán thành công Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) vào tháng 10/2015. So với các hiệp định thương mại tự do trước đây tập trung nhiều vào thuế quan, thì TPP hướng đến việc thiết lập bộ quy tắc thương mại tiêu chuẩn cao hơn, bao trùm gần như toàn bộ các khía cạnh của thương mại quốc tế.

Có thể nói, việc tham gia TPP đem lại lợi ích lớn cho Việt Nam trong việc cải thiện môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững. Các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch (SPS), tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT) của TPP chặt chẽ hơn so với các quy định của WTO. Các thị trường xuất khẩu chính của nông sản Việt Nam như Mỹ, Nhật Bản đều có những quy định SPS và TBT rất chặt chẽ. Việc đáp ứng các yêu cầu khác về môi trường như truy xuất nguồn gốc, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen, các rào cản kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ... là cơ hội tạo ra sản phẩm chất lượng và đảm bảo bền vững môi trường. Đối với thị trường trong nước, Chính phủ Việt Nam đã từng bước đồng bộ hóa các tiêu chuẩn SPS và TBT của quốc tế để thực hiện đúng cam kết TPP cũng như bảo vệ các doanh nghiệp và nhà sản xuất Việt Nam trước sự cạnh tranh của các sản phẩm nhập khẩu từ các nước có nền nông nghiệp trình độ cao. Các quy định về tính minh bạch và cơ chế phân tích rủi ro dựa trên bằng chứng khoa học của TPP cũng rất chặt chẽ. Do đó, để có thể tồn tại thì các nhà sản xuất Việt Nam cũng phải tự nâng cao chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Đối với tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm cũng là một cơ chế góp phần phát triển nông nghiệp bền vững như các quy định về nguồn gốc của gỗ nguyên liệu đầu vào để chế biến các sản phẩm xuất khẩu của ngành

lâm nghiệp phải đảm bảo tính hợp pháp, tính minh bạch về nguồn gốc. Nếu không đáp ứng điều này, Việt Nam sẽ không thể xuất khẩu sang thị trường TPP. Điều này sẽ góp phần ngăn chặn việc chặt phá rừng, khai thác gỗ trái phép.

Trong Chương Môi trường của TPP nhấn mạnh việc các quốc gia sẽ hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện để đảm bảo sự công bằng giữa các bên tham gia. TPP nhấn mạnh nghĩa vụ thực thi 3 điều ước quốc tế về môi trường đó là: Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-zôn, Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển (Công ước Marpol) và Công ước quốc tế về buôn bán các loài động thực vật hoang dã đang bị đe dọa (Công ước CITES). Chương này cũng yêu cầu các quốc gia TPP phải xóa bỏ trợ cấp cho hoạt động đánh bắt được xác định là gây ra tác động xấu tới nguồn lợi hải sản đã trong tình trạng bị đánh bắt quá mức. Các cam kết ở mức cao và mang tính ràng buộc của Chương Môi trường sẽ là cơ sở cho Việt Nam trong việc tiếp tục nghiên cứu, đề xuất và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến môi trường, góp phần vào nỗ lực chung trong các hoạt động BVMT và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Việt Nam có thể sẽ nhận được sự hỗ trợ của các nước thành viên trong việc thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, cải thiện phương thức sản xuất, thúc đẩy BVMT và công bằng xã hội.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH

Việc tham gia TPP sẽ giúp Việt Nam cải thiện vấn đề môi trường và sử dụng tài nguyên tự nhiên trong nông nghiệp với nhiều quy định chặt chẽ về SPS, TBT, nguồn gốc xuất xứ và các cam kết về môi trường. Mặc dù vậy, việc hiện thực hóa những

lợi ích này là một thách thức lớn đối với nông nghiệp Việt Nam vốn đang dựa trên mô hình phát triển theo chiều rộng với quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, tập trung, khai thác triệt để các nguồn tài nguyên và đánh đổi chất lượng môi trường lấy tăng trưởng. Dưới đây là một số gợi ý chính sách nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả của các cam kết TPP liên quan đến môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững.

Cần phổ biến các thông tin và các kiến thức về các cam kết SPS, TBT, nguồn gốc xuất xứ, các cam kết về môi trường đối với các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người nông dân. Đây là những chủ thể chính trong quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam. Sự hiểu biết về các cam kết sẽ giúp cho các đối tượng này có vị thế chủ động trong việc đối phó với những thách thức và tận dụng cơ hội do TPP mang lại trong ngành nông nghiệp.

Từng bước tiến hành chuẩn hóa các tiêu chuẩn SPS và TBT của Việt Nam theo các quy định của quốc tế. Ưu tiên rà soát và lựa chọn những ngành hàng nông sản xuất khẩu có tác động nghiêm trọng đối với môi trường và tài nguyên tự nhiên, gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Đề án Tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo tinh thần Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng. Việc thực hiện tốt Đề án này sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các nông sản Việt Nam và đảm bảo tính bền vững về môi trường sinh thái. Vì vậy, cần phải có những cơ chế, cách thức để lồng ghép các cam kết của TPP nói chung và TPP đối với môi trường và sử dụng tài nguyên nói riêng vào việc triển khai Đề án này■



Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải chứa phóng xạ trong khai thác chế biến khoáng sản ở Việt Nam

TS. NGUYỄN THÚY LAN, KS. ĐÌNH VĂN TÔN, CN. NGUYỄN TIẾN DẪN

Viện Khoa học và Công nghệ Mô - Luyện kim (Bộ Công Thương)

Hiện nay, vấn đề ô nhiễm phóng xạ trong ngành khai thác, chế biến khoáng sản mới được nghiên cứu trong khai thác, chế biến quặng titan-zircon. Đối với các khoáng sản mới phát triển như đất hiếm và urani đang được đầu tư nghiên cứu sản xuất ở quy mô thử nghiệm. Dự kiến trong thời gian tới, nhiều dự án khai thác, chế biến đất hiếm và urani sẽ được triển khai. Do vậy, nhu cầu xử lý các loại chất thải này sẽ càng trở nên cấp thiết.

Công nghệ chế biến khoáng sản có phát sinh chất thải phóng xạ

Công nghệ chế biến khoáng sản có phát sinh chất thải phóng xạ đặc trưng được đề cập trong bài viết là công nghệ chế biến đất hiếm và urani (U) do chất thải dạng lỏng sinh ra từ quá trình chế biến các loại khoáng sản này có chứa hàm lượng cao các nguyên tố phóng xạ và kim loại nặng độc hại cần phải xử lý.

Công nghệ chế biến đất hiếm và đặc tính dòng thải lỏng: Quá trình chế biến đất hiếm có sử dụng rất nhiều công nghệ khác nhau tùy thuộc vào từng điều kiện cụ thể. Công nghệ chế biến đất hiếm phổ biến, bao gồm: Thủy luyện tinh quặng đất hiếm và chiết phân chia - tinh chế.

Công nghệ thủy luyện (CNTL): Thủy luyện tinh quặng đất hiếm để thu được tổng ôxit đất hiếm (TREO). CNTL dùng tác nhân phân hủy là axit sulfuric (H_2SO_4) gọi là "công nghệ axit sulfuric". CNTL dùng tác nhân phân hủy là NaOH được gọi là "công nghệ kiềm". Tuy nhiên, do khó khăn về xử lý chất thải nên công nghệ này ít được triển khai trên quy mô lớn.

CNTL tinh quặng được áp dụng cho mỏ đất hiếm Yên Phú (Văn Yên, Yên Bái) là phương pháp phân hủy tinh quặng đất hiếm bằng axit sulfuric. Sản phẩm phân hủy sau đó được hòa tách với nước ở nhiệt độ thấp. Quá trình thủy luyện tinh quặng qua nhiều công đoạn để thu nhận tổng ôxit đất hiếm, bao gồm các công đoạn: Trung hòa axit để tách loại các tạp chất chủ yếu là sắt, U và thori (Th); khi đó tạp chất và các bã thải không tan sẽ ở dạng chất thải rắn (bùn thải), sản phẩm đất hiếm ở dạng sulfat tan nằm trong dung dịch; dung dịch chứa sulfat đất hiếm được kết tủa oxalat để thu nhận oxalat đất hiếm và đồng thời, các tạp chất tan trong axit được tiếp tục loại bỏ trong giai đoạn kết tủa oxalat. Giai đoạn tiếp theo là nung oxalat đất



▲ Mỏ đất hiếm Đông Pao - Lai Châu

hiếm để thu nhận tổng ôxit đất hiếm sản phẩm. Do vậy, trong thành phần nước thải của chế biến quặng đất hiếm có các loại chất thải có tính độc hại cao như: Chất thải chứa H_2SO_4 , chất thải có chứa hạt nhân phóng xạ U, Th và các nguyên tố đất hiếm...

Công nghệ chiết phân chia - tinh chế: Quy trình công nghệ chiết phân chia - tinh chế gồm các bước: Hòa trộn hỗn hợp REE bằng axit HCl để có HREE (các nguyên tố đất hiếm nhóm nặng); trích ly HREE bằng hóa chất để thu LREE (các nguyên tố đất hiếm nhóm nhẹ); tách từ loại REE, La, Ce, Pr/Nd bằng các quá trình trích ly bằng dung môi riêng biệt; chuyển các REE thu được dưới dạng dung dịch thành dạng ôxit; thu hồi Th, U và các tạp chất; tái sử dụng dung dịch.

Nguồn phát sinh nước thải từ công đoạn tinh chế chủ yếu từ quá trình xử lý khí thải, công đoạn trung hòa chất thải lỏng, trung hòa dung môi, quá trình xử lý HCl và công đoạn chiết, kết tủa oxalat đất hiếm riêng rẽ. Nước thải từ các công đoạn này thường có tính axit nhẹ (axit clohydric, axit oxalic) và chứa một hàm lượng nhỏ đất hiếm, các chất dung môi, muối NaCl, một số ôxit kim loại nặng (Fe, Cu, Mn...) và đặc biệt, có thể có Th và U dưới dạng các ôxit. Tổng lượng nước thải từ các quá trình sản xuất nêu trên thường khá lớn, có thể lên tới hơn trăm nghìn tấn/năm. Phần lớn, nước thải sản xuất sẽ được tuần hoàn tái sử dụng, tuy nhiên, cũng có một lượng nước thải sản xuất được thải ra môi trường cần phải xử lý, đặc biệt đối với các thông số



về pH, kim loại nặng và tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .

Công nghệ chế biến urani và đặc tính dòng thải lỏng

Công nghệ xử lý quặng uranium gồm nhiều công đoạn, trong đó công đoạn chính là chuẩn bị quặng (tuyển, đập, nghiền, nghiền chọn lọc và phân loại); hòa tách quặng đã nghiền; phân chia các pha rắn lỏng; tách chọn lọc urani từ dung dịch hòa tách dưới dạng hợp chất này hay hợp chất khác, với độ sạch kỹ thuật cần thiết (để tách U từ dung dịch hòa tách có thể sử dụng nhiều phương pháp, hoặc kết hợp giữa các phương pháp như trao đổi ion trong dung dịch, trao đổi ion trong bùn quặng; chiết dung môi, kết tủa trực tiếp từ dung dịch hòa tách)... Tùy từng loại quặng cụ thể mà có thể trải qua toàn bộ hay một số công đoạn trên.

Trong quá trình thủy luyện quặng để thu hồi U theo phương pháp hòa tách đồng tạo ra chất thải rắn và lỏng có hoạt độ phóng xạ thấp và lượng thải lớn. Khi hòa tách quặng U bằng cacbonat, lượng thải lỏng có thể lên tới 1 tấn/1 tấn quặng. Thải lỏng từ thủy luyện quặng U rất độc hại, do chứa các chất phóng xạ như ^{226}Ra ; ^{230}Th ; ^{210}Po , ^{227}Ac , Pb, Fe... Về mặt phóng xạ, trong chất thải rắn và lỏng của quá trình thủy luyện quặng U đều có chứa một lượng đồng vị phóng xạ cao hơn tiêu chuẩn an toàn bức xạ. Ngoài thành phần phóng xạ, trong thành phần thải lỏng còn chứa một số chất với nồng độ lớn như H_2SO_4 , sulphat, F, Cl, cacbonat, nitrat của các kim loại, muối amoni, Ca, Na... Có thể còn chứa các cation như Fe, Cu, V, Mo, As, Pb, một số hợp chất của U. Độ độc hại càng lớn khi thải lỏng có chứa dung dịch thải sau quá trình chiết, trong đó có thể chứa alkylamin, TBP, amin, kerosen, rượu. Khi hòa tách quặng bằng H_2SO_4 , khoảng 99,3 - 99,6% Ra và khoảng 20% Th không hòa tan và nằm lại trong bã hòa tách. Khi hòa tách bằng cacbonat, khoảng 1,5 - 2,2% Ra trong quặng đầu bị hòa tan. Trong trường hợp này tạo ra nồng độ phóng xạ của ^{226}Ra trong nước thải lên tới $3,5 \cdot 10^{-8}$ pCi/L và ^{230}Th là $22 \cdot 10^{-6}$ pCi/L.

Nghiên cứu xử lý nước thải chứa phóng xạ

Để xử lý chất thải phóng xạ dạng lỏng, một số phương pháp xử lý thường được áp dụng bao gồm: Trao đổi ion/hấp phụ, kết tủa, bay hơi, thẩm thấu ngược, siêu lọc, vi lọc, keo tụ,

tách chiết bằng dung môi... Trong đó, công nghệ hấp phụ/trao đổi ion đã được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi. Ngoài sử dụng nhựa trao đổi ion, một số nghiên cứu trong nước và trên thế giới đã tập trung nghiên cứu loại vật liệu và nâng cao hiệu suất trao đổi ion của các vật liệu có nguồn gốc từ vật liệu khoáng tự nhiên.

Các hợp chất khoáng tự nhiên như bentonit, kaolin, illinit, zeolit, laterit và apatit... đều có tính hấp phụ, do vậy, chúng thường được lựa chọn làm vật liệu hấp phụ/trao đổi ion. Trong đó, khoáng bentonit và zeolit tự nhiên được sử dụng khá rộng rãi. Gần đây, khoáng laterit và apatit tự nhiên cũng được một số nước trên thế giới nghiên cứu, áp dụng và cũng cho kết quả khả quan trong xử lý chất phóng xạ. Đối với từng loại khoáng tự nhiên, tùy cấu trúc của chúng mà khả năng hấp phụ các nguyên tố phóng xạ và kim loại nặng sẽ khác nhau.

Như vậy có thể thấy, việc nghiên cứu sử dụng vật liệu khoáng tự nhiên để chế tạo vật liệu ứng dụng trong xử lý các chất ô nhiễm nói chung và các chất phóng xạ nói riêng với giá thành hợp lý là hướng đi cần được ưu tiên, phát triển. Ở Việt Nam, các nguồn khoáng tự nhiên nói trên đều rất phong phú. Hiện nay, đã phát hiện được trên 20 mỏ và điểm mỏ bentonit tại Bình Thuận, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Thừa Thiên-Huế. Nguồn nguyên liệu khoáng apatit trong nước cũng dồi dào với trữ lượng khoảng trên 800 triệu tấn, phân bố chủ yếu ở Lào Cai. Khoáng laterit sắt hay laterit đá ong

cũng rất phổ biến từ khu vực phía Nam (vùng Tây Nguyên) tới khu vực phía Bắc (Hà Nội, Phú Thọ, Thái Nguyên, Hà Giang...). Với nguồn nguyên liệu khoáng tự nhiên dồi dào, việc lựa chọn các khoáng phù hợp làm chất hấp phụ các nguyên tố phóng xạ và kim loại nặng sẽ góp phần sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, thúc đẩy phát triển kinh tế và BVMT ngành khai thác và chế biến khoáng sản của đất nước.

Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim đã hợp tác cùng Viện Công nghệ Xa hiếm (Bộ Khoa học và Công nghệ) đang triển khai nghiên cứu, chế tạo vật liệu hấp phụ có nguồn gốc từ 4 loại khoáng tự nhiên (apatit, laterit, zeolit và bentonit) để xử lý các nguyên tố phóng xạ như Th, U, Ra và các kim loại nặng có trong chất thải lỏng từ quá trình khai thác, chế biến quặng phóng xạ. Nghiên cứu này nằm trong khuôn khổ Chương trình của “Đề án Phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 2009.

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy, các khoáng tự nhiên như apatit, laterit, zeolit và bentonit đều có khả năng hấp phụ các nguyên tố phóng xạ U, Th và một số kim loại nặng. Trong số 4 loại vật liệu khoáng tự nhiên được lựa chọn nghiên cứu thì khoáng bentonit có khả năng hấp phụ các chất phóng xạ và kim loại nặng tốt nhất. Do vậy, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn khoáng bentonit làm vật liệu nền để tiếp tục gia công, nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp phụ chất phóng xạ ■



Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang - Điểm sáng về bảo vệ môi trường nơi địa đầu tổ quốc

Công ty CP cơ khí và khoáng sản Hà Giang được sát nhập từ Xí nghiệp cơ khí Hà Giang và Công ty khai thác và chế biến khoáng sản Hà Giang, hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có thể khai thác và sản xuất sản phẩm antimon ở quy mô công nghiệp. Sản phẩm kim loại antimon nhãn hiệu A-H của Công ty có hàm lượng antimon trên 99,95%, đạt tiêu chuẩn quốc tế, chủ yếu được xuất khẩu sang Nhật Bản và các nước châu Âu. Sau 20 năm hình thành và phát triển, Công ty đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực khai thác và cung cấp antimon kim loại, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước cũng như trên thế giới. Đặc biệt, Công ty đã tham gia Hội chợ Triển lãm Thương mại quốc tế EXPO và đạt Huy chương vàng sản phẩm kim loại antimon; Giải thưởng Chất lượng vàng Việt Nam cùng nhiều giải thưởng khác.

Trên địa bàn xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, Công ty đang trực tiếp quản lý, khai thác mỏ antimon Mậu Duệ và vận hành Nhà máy luyện antimon kim loại, công suất 1.000 tấn/năm, trong đó mỏ antimon Mậu Duệ gồm 3 thân quặng, khai thác dưới hình thức lộ thiên. Hiện Công ty đang khai thác thân quặng II, trữ lượng khoảng 372.000 tấn quặng, hàm lượng antimon trong quặng đạt

trên 10%, với quy mô khai thác công nghiệp, sử dụng máy móc, thiết bị khai thác và các phương tiện vận chuyển hiện đại. Sản lượng khai thác, chế biến trong những năm qua đạt trung bình từ 500 đến 700 tấn antimon kim loại/năm. Ngoài ra, trữ lượng của thân quặng I và III được ước tính xấp xỉ thân quặng II, là nguồn nguyên liệu dồi dào, đủ sức đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất trong tương lai. Năm 2014, sản lượng sản xuất kim loại antimon đạt tiêu chuẩn chất lượng nhập kho của Công ty là 710,938 tấn, đạt 88,86% so với kế hoạch đề ra; Khối lượng kim loại luyện từ xỉ sô đa là 74,4 tấn kim loại thô, đạt 148,8%, chiếm 10,46% sản lượng sản xuất trong năm, giúp tận dụng hàm lượng antimon bị ngậm trong xỉ sô đa; Sản lượng quặng khai thác là 8.404,01 tấn, đạt 89,88%, bằng 85,58% so với cùng kỳ năm 2013. Doanh thu bán

kim loại năm 2014 đạt 115,44 tỷ đồng, đạt 76,34% so với kế hoạch.

Cùng với việc mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về an toàn lao động, quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Đối với công tác BVMT, ngay từ khi có ý tưởng đầu tư xây dựng Nhà máy luyện antimon, Công ty đã khảo sát, lựa chọn công nghệ đảm bảo về môi trường, nước thải, khí thải, chất thải rắn...; Đầu tư trên 15 tỷ đồng xây dựng bãi thải số 1 có sức chứa trên 1 triệu m³, hệ thống kênh mương và hồ điều hòa ở khu vực mỏ khai thác; Định kỳ 2 lần/năm tổ chức quan trắc môi trường; Tăng cường kiểm tra, giám sát các diễn biến về cơ lý tính của khu vực khai thác để kịp thời có biện pháp khắc phục những sự cố về môi trường; Tổ chức các lớp tập huấn về an toàn và vệ sinh lao động cho cán bộ, công nhân viên; Phối hợp với chính quyền địa phương và người dân thực hiện nhiều biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản. Nhằm giảm thiểu tối đa lượng bụi phát sinh từ việc bốc xúc, vận tải, Công ty đã đầu tư xe phun nước và thực hiện phun tưới nước thường xuyên. Đối với chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại, Công ty xây dựng kho lưu trữ, có thùng phân loại chất thải riêng biệt và ký hợp đồng với đơn vị có



▲ Công ty thực hiện nghiêm công tác hoàn thổ, hoàn nguyên để bảo vệ cảnh quan môi trường



chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định. Ngoài ra, Công ty thực hiện nghiêm túc công tác hoàn thổ trong quá trình khai thác và hoàn nguyên sau khi kết thúc khai thác; Hỗ trợ kinh phí cho địa phương xây dựng Hộ lan xanh trên tỉnh lộ 176 địa phận đi qua khu vực mỏ Mậu Duệ và trồng 4 ha cỏ chống xói mòn và trên 20 ha cây xanh nhằm nâng độ phủ xanh, đảm bảo an toàn giao thông và bảo vệ cảnh quan môi trường; Xây dựng hồ chứa nước phục vụ sản xuất, nuôi trồng thủy sản...

Ông Nguyễn Văn Biên - Phó Giám đốc Công ty cho biết, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn những công nghệ, kỹ thuật đảm bảo các chỉ tiêu, tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp giá thành, BVMT, đảm bảo hài hòa 3 lợi ích: Nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước; Lợi ích của người lao động và lợi ích của các cổ đông, đồng thời tích lũy tái đầu tư phát triển bền vững. Trong dây chuyền sản xuất, Công ty đầu tư hệ thống thu bụi túi vải tự động, đảm bảo thu được từ 98 - 100% khói, bụi phát sinh trong quá trình thiêu luyện quặng. Ngoài ra, Công ty không ngừng cải tiến, đầu tư, bổ sung công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, cải thiện môi trường sản xuất cũng như điều kiện làm việc của công nhân. Để đổi mới công nghệ, Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống nghiền sàng tự động thay thế việc nghiền thủ công; Hệ thống trạm khí hóa than thay việc đốt than trực tiếp; Hệ thống đúc rót kim loại tự động thay việc rót thủ công. Đối với bộ phận khai thác, Công ty thực hiện đầu tư xây dựng kho chứa vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy định, quy trình công tác an toàn phòng, chống cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện công tác an sinh xã hội với nhiều hoạt động thiết thực như: Năm 2014, tặng 20 con bò giống giá trị 220 triệu đồng cho các hộ gia đình nghèo các xã Thắng Mổ, Mậu Duệ; Hỗ trợ 260 triệu đồng để mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị học tập, xây bể nước và hệ thống cấp nước cho các trường học trên địa bàn thành phố Hà Giang, huyện Yên Minh; Xây dựng nhà văn hóa thôn Cốc Cai (huyện Yên Minh)...

Với sự quyết tâm, nỗ lực cùng tầm nhìn và quyết sách đúng đắn, bám sát tình hình thực tiễn của Ban Lãnh đạo, trong thời gian tới, Công ty CP cơ khí và khoáng sản Hà Giang sẽ tập trung xây dựng các dự án đầu tư chiến lược mang tính đột phá, tiến đến đầu tư xây dựng lò luyện bô xít antimon cao cấp nhằm ổn định thị trường tiêu thụ, giữ vững vị trí là doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam cũng như khu vực trong lĩnh vực sản xuất kim loại antimon.

THU HẰNG

CÔNG TY CP GIẤY AN HÒA:

Nỗ lực khắc phục khó khăn, từng bước cải thiện công tác bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững

Công ty CP giấy An Hòa được thành lập năm 2002, đóng trên địa bàn xã Vinh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với tổng diện tích 223 ha. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bột giấy, các sản phẩm giấy in viết chất lượng cao và trồng rừng nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Tháng 8/2011, Nhà máy bột giấy tẩy trắng An Hòa bắt đầu đi vào vận hành với công suất 130.000 tấn/năm, áp dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị nhập khẩu từ Thụy Điển và Phần Lan. Quy trình sản xuất bột giấy được thực hiện hoàn toàn khép kín, sử dụng hệ thống nồi nấu liên tục và hệ thống tẩy trắng không có Clo nguyên tố. Sản phẩm bột giấy sợi ngắn tẩy trắng An Hòa được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm giấy in, giấy viết, giấy tissue cao cấp. Sau gần 5 năm đi vào thị trường, sản phẩm bột giấy của Công ty đã chiếm lĩnh trên 60% sản lượng bột giấy sợi ngắn sử dụng trong nước, không chỉ được các đơn vị sản xuất giấy lớn tại Việt Nam như Tổng Công ty giấy Việt Nam, Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai, Công ty CP giấy Việt Trì, Công ty CP giấy và bao bì Việt Thắng... tin dùng, đồng thời xuất khẩu sang các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh... Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2015, dây chuyền sản xuất bột giấy đã đạt trên 57.300 tấn, giá trị sản lượng đạt trên 580 tỷ đồng (bằng 48% kế hoạch năm 2015).

Tiếp theo dây chuyền sản xuất bột giấy tẩy trắng, Công ty xây dựng Nhà máy sản xuất giấy cao cấp, công suất 140.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư khoảng 250 triệu USD. Sau hơn 4 năm thi công lắp đặt, dây chuyền được đưa vào hoạt động từ tháng 9/2014 với các sản phẩm giấy in, giấy viết, giấy photocopy chất lượng cao. Được trang bị công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại vào bậc nhất tại Việt Nam, Công ty CP giấy An Hòa tự tin khẳng định cho ra những dòng sản phẩm giấy cao cấp, đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm giấy hiện đang được nhập khẩu.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, Công ty đã có nhiều đóng góp cho các hoạt động xã hội vì cộng đồng như cung cấp hàng triệu giống cây trồng và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cho bà con nông dân, góp phần phủ xanh đồi núi, cải thiện môi trường sống, đồng thời tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; Thực hiện Chương trình "Thắp sáng ước mơ đến trường", xây dựng trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang; Hỗ trợ vật tư cho các vùng nông thôn trong công tác xây dựng nông thôn mới; Ủng hộ 300 triệu đồng cho Chương trình an sinh xã hội chung tay cùng đồng bào Tây Bắc...



▲ Toàn cảnh Công ty CP giấy An Hòa

Với những kết quả đạt được, Công ty đã vinh dự được nhận Giải thưởng Thương hiệu mạnh, Bằng khen dành cho doanh nghiệp góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang, Bằng khen trong công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh Tuyên Quang... Đặc biệt, tháng 10/2015, Công ty được trao tặng Giải thưởng “Thương hiệu sản phẩm, dịch vụ tin cậy vì chất lượng cuộc sống Việt” lần thứ nhất do Tạp chí Công nghiệp và Tiêu dùng phối hợp với Viện Nghiên cứu Thương mại (Bộ Công Thương) tổ chức, khẳng định năng lực lãnh đạo, chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty được khách hàng tin tưởng, đánh giá cao, xứng đáng là cánh chim đầu đàn trong ngành giấy và bột giấy Việt Nam.

Thực hiện công tác BVMT, Công ty đã đầu tư xây dựng 2 hệ thống xử lý nước thải (XLNT) với công suất 12.000 m³/ngày, đêm/hệ thống. Theo đó, toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được đưa vào hệ thống XLNT và xử lý qua các bước lý - hóa - sinh. Đối với chất thải rắn, sau khi được thu gom, chất thải được lưu giữ tạm thời tại kho chứa, có biển cảnh báo và thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, quy định mã số theo từng loại rồi ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo đúng quy định. Về khí thải, Công ty đã thực hiện các biện pháp kiểm soát nguồn ô nhiễm khí thải từ hoạt động đốt nhiên liệu. Ngoài ra, Công ty còn trồng cây xanh trên tất cả các diện tích trống, vừa tận dụng làm nguyên liệu, vừa tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp; Lồng ghép, tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm về BVMT cho cán bộ, công nhân viên trong các buổi giao ban của Công ty.

Theo kết quả kiểm tra công tác BVMT của Nhà máy sản xuất giấy An Hòa do Sở TN&MT tỉnh Tuyên Quang tiến hành ngày 28/10/2015 cho thấy: Năm 2015, Công ty đã có sự đầu tư cho công tác BVMT như lắp đặt 2 hệ thống tháp làm mát nước thải trước khi đưa vào bể xử lý vi sinh với kinh phí

907.422.900 đồng, đảm bảo nhiệt độ nước thải trước khi đưa vào xử lý đạt dưới 40°C; Thay thế mới hệ thống cấp khí khu vực xử lý vi sinh với kinh phí 1.912.580.000 đồng; Đầu tư hệ thống lọc dịch (khu nấu tẩy) với chi phí 4.568.400.000 đồng; Lắp đặt thiết bị quan trắc tự động pH và nhiệt độ; Điều chỉnh, tăng cường các thông số công nghệ (hóa chất trợ lắng, hóa chất điều chỉnh pH) và bổ sung vi sinh tại quá trình xử lý trong hệ thống. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc với Công ty Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ môi trường về việc tư vấn công nghệ xử lý và cải tạo hệ thống XLNT sản xuất bột giấy, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột B2 của QCVN 12-MT: 2015/BTNMT. Đồng thời, chỉ đạo các phân xưởng giám sát các chỉ tiêu trong các công đoạn sản xuất nhằm giảm thiểu các chất ô nhiễm ngay từ khâu sản xuất theo quy định của Quyết định số 06/QĐ-AHP ngày 28/01/2015 của Tổng Giám đốc Công ty về việc kiểm soát nước thải tại các khu vực. Kết quả quan trắc phân tích chất lượng môi trường quý I, quý II năm 2015 của Công ty cũng cho thấy, các chỉ số ô nhiễm khí thải, nước mặt, không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, tại cửa xả

ra sông Lô vẫn còn 3 chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải (COD, BOD₅, TSS) vượt ngưỡng cho phép so với quy chuẩn QCVN 12-MT:2015/BTNMT(cột A). Để khắc phục những tồn tại nêu trên, Sở TN&MT yêu cầu Công ty đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động các chỉ tiêu COD, cặn lơ lửng, Amoni, độ màu xong trước quý I năm 2016; Có giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý ô nhiễm của hồ sinh học; Khắc phục xử lý nước thải của nhà máy sản xuất bột giấy đúng theo nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường QCVN 12-MT:2015/BTNMT(cột A)).

Trao đổi với chúng tôi về vấn đề này, ông Nguyễn Văn Bằng - Phó Tổng Giám đốc Công ty cho biết, hiện toàn bộ lượng nước thải của Công ty đã được thu gom, xử lý tại hệ thống XLNT trước khi đưa về hồ sinh học. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành hệ thống XLNT, một số thiết bị chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý, do vậy hệ thống vẫn còn một số tồn tại cần tiếp tục đầu tư nâng cấp... Hiện Công ty đang tích cực phối hợp với các Bộ, ban, ngành tháo gỡ những tồn tại, hạn chế trong sản xuất, từng bước khắc phục các điểm còn tồn tại trong hệ thống xử lý nước thải, đáp ứng đúng các quy định của pháp luật về BVMT. Đồng thời tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đề ra, góp phần BVMT, vì sự phát triển bền vững của đất nước.

GIA LINH



KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN MƯỜNG NHÉ:

Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

TRẦN XUÂN TÂM

Giám đốc Ban quản lý KBTTN Mường Nhé



▲ Ban quản lý KBTTN Mường Nhé thường xuyên thực hiện công tác tuần tra bảo vệ rừng

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Mường Nhé nằm trên địa phận huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, cách trung tâm Hà Nội 700 km theo hướng Tây Bắc, có tổng diện tích khoảng 310.262 ha, bao gồm 10 xã biên giới huyện Mường Nhé. Với hệ sinh thái (HST) rừng phong phú, nằm tiếp giáp giữa ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc, KBT Mường Nhé được đánh giá là nơi có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao vào loại nhất, nhì vùng Tây Bắc và là địa điểm du lịch hấp dẫn của tỉnh Điện Biên. Vì vậy, việc bảo tồn KBT có ý nghĩa rất quan trọng cả về HST lẫn rừng phòng hộ sông Đà.

Hiện KBT có gần 118.000 ha đất rừng tự nhiên với nhiều cánh rừng nguyên sinh, độ che phủ lên tới 43%, từ trên cao nhìn xuống, phong cảnh núi rừng Mường Nhé như một bức tranh sống động. Pha lẫn trong màu xanh của cây rừng, màu vàng rực của hoa cúc quỳ, màu vàng đỏ của những đoạn đường đất là những nếp nhà sàn, nhà lá nằm rải rác hai bên đường, ven suối và trong cả những tán cây rậm rạp. Thấp thoáng phía xa là những ngọn núi nhấp nhô, lượn sóng, nối tiếp nhau cùng chạy đua dưới ánh nắng mặt trời. Hệ thực vật rừng trong KBT khá đa dạng với khoảng 308 loài, trong đó có khoảng 31 loài nguy cấp, quý, hiếm, vừa

có giá trị sử dụng, vừa là đối tượng nghiên cứu khoa học, tiêu biểu như các loài chò đãi, dổi xương, chò nước, lát hoa, chò chỉ, pơ mu, trầm hương... Về động vật, Mường Nhé là nơi cư trú của 66 loài động vật quý, hiếm, trong đó phải kể đến rùa đá, voi, bò tót, gấu chó, hổ, báo, sói đỏ, tê tê, cây hương, mèo rừng và 3 loài bướm thuộc bộ côn trùng, họ bướm phượng mới được bổ sung cùng một số loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam. Ngoài ra, nhiều tài liệu nghiên cứu còn cho thấy, vào đầu những năm 80 của thế kỷ 20, KBTTN Mường Nhé còn có khoảng 200 con voi, 300 con bò tót, 35 loài bò sát, 59 loài thú khác và 270 loài chim.

Những năm qua, được sự quan tâm và chỉ đạo của UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành, đặc biệt là Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên, Huyện ủy, HĐND, UBND

huyện Mường Nhé, Ban quản lý KBTTN Mường Nhé đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong công tác quản lý, bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng và bảo tồn ĐDSH. Cụ thể, Ban quản lý KBT đã đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát tại những khu vực trọng điểm về tình trạng phá rừng khai thác lâm sản và săn bắt động vật hoang dã; Xử lý nghiêm các vụ vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng trên địa phận được giao quản lý. Qua công tác tuần tra, kiểm soát, lực lượng cán bộ kiểm lâm đã phát hiện, ngăn chặn được nhiều vụ khai thác gỗ và phát rừng làm nương, rẫy trái phép; Phối kết hợp với UBND 5 xã vùng đệm và các lực lượng đóng chân trên địa bàn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn ĐDSH cho 3.673 người dân; Mở lớp tập huấn nâng cao năng lực thực thi pháp luật



môi trường tại 5 xã Chung Chải, Mường Nhé, Nậm Kè, Sín Thầu, Leng Su Sìn, thu hút sự tham gia của 400 học viên là thành viên các nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, các trạm quản lý, bảo vệ rừng đặc dụng (QLBVRĐD) đã chủ động tham mưu cho UBND các xã vùng đệm kiện toàn 5 Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCCR) cấp xã với 86 thành viên và 26 tổ, đội PCCCCR cấp thôn, bản với 298 thành viên, thực hiện trực cháy 24/24 giờ. Trong năm 2015, KBTTN Mường Nhé đã xây ra 12 điểm cháy rừng và Kiểm lâm địa bàn các trạm QLBVRĐD đã phối hợp với UBND các xã, lực lượng đứng chân trên địa bàn kiểm tra, xác minh được 12/12 điểm cháy. Công tác quản lý lâm sản cũng được quan tâm thực hiện, đầu năm 2015, cán bộ kiểm lâm KBT đã phát hiện 1 vụ vi phạm về hành vi xây dựng lán, trại trái phép tại Tiểu khu 84 và đã tiến hành tháo dỡ, di dời ra khỏi vùng lõi KBT. Tháng 8/2015, lực lượng Kiểm lâm xã Leng Su Sìn đã phát hiện, ngăn chặn, trục xuất ra khỏi KBT 9 đối tượng vào rừng lấy măng...

Bên cạnh đó, thực hiện nhiệm vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng, Ban quản lý KBTTN thực hiện ký kết hợp đồng khoán bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường theo giai đoạn 5 năm, từ 2014 - 2018 với tổng diện tích đáp ứng được yêu cầu chi trả là 30.984,51 ha/45.132,13 ha đất lâm nghiệp được giao.

Tuy nhiên, công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH tại KBTTN Mường Nhé cũng còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn như: Cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng chưa đáp ứng được nhu cầu; Đời sống nhân dân trong vùng đệm còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, phong tục tập quán canh tác lạc hậu nên hiệu quả tuyên truyền chưa cao; Tình hình dân di cư tự do vào rừng để phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản và săn bắt động vật rừng trái phép ở một số xã vùng đệm vẫn đang diễn ra thường xuyên...

Trong thời gian tới, Ban quản lý KBT sẽ đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH cho người dân sống trong vùng đệm KBT; Ứng dụng công nghệ thông tin và GIS vào công tác điều tra, giám sát ĐDSH; Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng đứng chân trên địa bàn thực hiện hiệu quả hoạt động tuần tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Đồng thời, có chính sách phù hợp thu



▲ KBTTN Mường Nhé có giá trị đa dạng sinh học phong phú

hút sự đầu tư, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong nước cũng như quốc tế trong việc thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học tại KBT, đặc biệt là các đề tài, dự án bảo tồn các loài động, thực vật quý, hiếm có giá trị bảo tồn cao; Tập huấn nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông, môi trường và cán bộ làm công tác bảo tồn; Tăng cường các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đầu tư cho công tác nghiên cứu khoa học, bảo tồn ĐDSH, kiểm soát và bảo vệ các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm...

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra, yếu tố tiên quyết là phải sắp xếp ổn định dân cư các xã vùng đệm, vùng lân cận, sớm dịch chuyển các hộ gia đình, cá nhân hiện đang sinh sống, sản xuất và chăn thả gia súc trong vùng lõi KBT ra ngoài vùng đệm. Mặt khác, cần bổ sung đủ biên chế và tăng cường nguồn kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo vệ, PCCCCR, nghiên cứu khoa học và bảo tồn ĐDSH. Do vậy, Ban quản lý KBT

kiến nghị Quỹ Bảo tồn thiên nhiên Việt Nam (VCF) sớm đưa KBTTN Mường Nhé vào danh sách các KBTTN, vườn quốc gia được nhận tài trợ thực hiện các dự án nhỏ; Cục Kiểm lâm (Tổng cục Lâm nghiệp), Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên tạo điều kiện cho cán bộ công chức Hạt kiểm lâm KBT được tham dự các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH; UBND tỉnh Điện Biên và các Sở, ngành có liên quan bố trí nguồn kinh phí để thực hiện dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng cơ sở hạ tầng KBTTN Mường Nhé; UBND huyện Mường Nhé sớm di dời 13 hộ dân ở điểm Nậm Kè nội, bản Huổi Thanh 1, nằm trong vùng lõi KBT theo diện để án sắp xếp ổn định dân cư theo đề án 79 ở xã Nậm Kè ra ngoài vùng đệm... nhằm phát triển bền vững để bảo tồn HST rừng thiên nhiên quốc gia, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển du lịch sinh thái và phục vụ nghiên cứu khoa học theo định hướng của tỉnh và Trung ương■



Hội Liên hiệp Phụ nữ Vĩnh Phúc triển khai hiệu quả các phong trào bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới

Trong những năm qua, Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN) tỉnh Vĩnh Phúc đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động các cán bộ, hội viên phụ nữ tích cực tham gia các phong trào BVMT gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Xác định việc xây dựng thói quen cho người dân, nhất là người phụ nữ trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường là việc làm hết sức cần thiết, Hội LHPN tỉnh chỉ đạo Hội LHPN các huyện, thành, thị phối hợp với phòng TN&MT trên địa bàn cùng các cấp hướng dẫn cơ sở hội thực hiện có hiệu quả các hoạt động BVMT. Trong đó, chú trọng tuyên truyền đến 100% cán bộ, hội viên, phụ nữ và nhân dân trong việc thực hiện các cam kết BVMT. Đồng thời, Hội đã xây dựng 26 Tổ phụ nữ tự quản thu gom rác thải tại địa phương, thu hút trên 2.000 hội viên tham gia. Các tổ được trang bị dụng cụ như xe chở, thùng đựng rác, cuốc, xẻng, quần áo, găng tay, ủng... Hàng ngày, các tổ phân công từng hội viên đến từng nhà thu gom rác. Cuối tuần, vào các sáng thứ bảy, từng tổ tự quản cùng nhân dân tổng vệ sinh và duy trì liên tục việc này thành nền nếp, tạo thành thói quen, nâng cao nhận thức nhân dân đối với việc BVMT. Kết quả, đến nay các tổ tự quản đã thu gom được 430,9 tấn rác thải; khơi thông 25,895 km cống rãnh tiêu thoát nước; vệ sinh 85,7 km đường làng, ngõ xóm, trồng 35.645 cây các loại từ đó làm thay đổi nhận thức, hành vi, phong tục, tập quán lạc hậu ảnh hưởng xấu đến môi trường sống; nâng cao ý thức sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên....

Với phong trào vận động phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni lông, từ năm 2010, Hội LHPN tỉnh chọn xã Đạo Tú, huyện Tam Dương làm mô hình điểm Câu lạc bộ (CLB) “Phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni lông”. Tính đến nay, Hội LHPN các cấp trong tỉnh đã nhân rộng được 25 CLB, với trên 1.000 hội viên. Hàng ngày, mỗi gia đình đi chợ đều phải sử dụng ít nhất 4 - 5 túi ni lông dùng đựng thức ăn, quà bánh... Hầu hết các túi ni lông đều sử dụng 1 lần rồi bỏ đi. Túi ni lông rất khó phân hủy, nhiều gia đình thiếu ý



▲ Các hội viên tham gia tổng vệ sinh, góp phần giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp

thức, vứt bừa bãi ra đường, ao hồ, cống rãnh gây ách tắc, mất vệ sinh, ô nhiễm môi trường. Khi CLB được thành lập, các thành viên được phát làn đi chợ và trở thành tuyên truyền viên tích cực về việc hạn chế sử dụng túi ni lông. Các hội viên được tìm hiểu về tác hại của túi ni lông, kinh nghiệm sử dụng các vật dụng thay thế túi ni lông như làn nhựa, hộp nhựa mỗi khi đi chợ. Qua đó, nhận thức của chị em được nâng lên. Dù chưa thực sự triệt để không dùng túi ni lông nhưng đã hạn chế được rất nhiều. Đến nay, tình trạng vứt túi ni lông ra môi trường gần như không còn, đường làng, ngõ xóm sạch, đẹp hơn.

Hưởng ứng phong trào “Vĩnh Phúc chung tay BVMT gắn với xây dựng nông thôn mới”, Hội phụ nữ các cấp đã triển khai rộng khắp, thu hút đông đảo hội viên tham gia. Có 138/138 cơ sở Hội đã tổ chức tuyên truyền nội dung của tiêu chí thứ 17 về môi trường và vận động cán bộ, hội viên phụ nữ đăng ký thực

hiện. Hội LHPN tỉnh đã in 190.000 phiếu đánh giá các tiêu chí và 200 poster các nội dung thực hiện cuộc vận động. Hàng tuần, Hội LHPN tỉnh phân công hội viên xuống các xã, phường phổ biến cho các hộ dân mô hình sản xuất rau sạch, bước đầu mang lại hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức về kỹ thuật trồng rau, thay đổi thói quen canh tác độc canh theo phương pháp truyền thống sang phương pháp hữu cơ. Hơn thế, việc triển khai mô hình đã có tác dụng cải thiện môi trường, hạn chế việc sử dụng hóa chất trong sản xuất; cung cấp sản phẩm sạch cho người tiêu dùng, nâng cao sức khỏe của người dân.

Bên cạnh đó, Hội còn phối hợp với Hội Nông dân tỉnh tổ chức các buổi tập huấn về công tác BVMT, vận động các hội viên, đoàn viên, thanh niên cùng gia đình và nhân dân đóng góp, tham gia tu sửa đường làng, ngõ xóm, nâng cấp, sửa chữa, làm mới các tuyến đường giao thông liên thôn, liên



xóm, ra quân làm thủy lợi, nạo vét kênh mương nội đồng; Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho phụ nữ về công tác bảo vệ nước sạch vệ sinh môi trường; Tuyên truyền các hội viên tổ chức tốt việc đồn điền đổi thửa, xây dựng hệ thống đường điện chiếu sáng tại các thôn, xã nghèo trên địa bàn, góp phần thay đổi diện mạo các vùng quê trong tỉnh. Nhờ đó, sau hơn 4 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều đổi thay, cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp; đời sống vật chất được nâng lên. Thu nhập bình quân đầu người của khu vực nông thôn tăng từ 17,28 triệu đồng/người/năm (năm 2011) lên 27,5 triệu đồng/người/năm (năm 2014). Hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng, tu sửa, nâng cấp và xây mới. Đến nay, 100% đường giao thông liên xã, hơn 86% đường trục xã, 40% đường giao thông nội đồng đạt chuẩn; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85%; Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định... Năm 2014, Vĩnh Phúc đã có 40 xã đạt chuẩn nông thôn mới (35,7%), bình quân đạt 14,16 tiêu chí/xã.

Ngoài ra, Hội LHPN tỉnh thường xuyên phối hợp với Sở TN&MT, Quỹ BVMT tổ chức nhiều hoạt động tại cơ sở như Hội thi “Phụ nữ với công tác BVMT”; Tiếp tục thực hiện các mô hình: Tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải, BVMT, không nhiên liệu, không tiếng ồn; Đoạn đường phụ nữ tự quản; Xây dựng mô hình biogas, mô hình hợp tác xã BVMT... Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, hội viên, phụ nữ và nhân dân trong việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên.

Trong thời gian tới, để góp phần BVMT bền vững, Hội LHPN tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục triển khai các biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; Khuyến khích nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia BVMT; Giám sát và xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm các quy định của Luật BVMT, đồng thời rút kinh nghiệm tìm ra các giải pháp, biện pháp hữu hiệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác BVMT của các cấp Hội Phụ nữ trên địa bàn■

MINH NGUYỆT

Người giữ rừng



▲ Cán bộ kiểm lâm huyện Bù Đốp phát đường tuyến để bảo vệ rừng

Ở huyện biên giới Bù Đốp, tỉnh Bình Phước không ai không biết đến anh Nguyễn Văn Ách, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp, không chỉ vì anh là một cán bộ kiểm lâm hết mình vì công việc, mà anh còn là một người bạn, một đồng nghiệp hòa đồng, nhiệt huyết và tấm lòng vị tha.

Trong suốt chặng đường 12 năm qua, Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp đã trải qua không ít khó khăn, phức tạp trong việc đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng. Tình trạng chống người thi hành công vụ của đồng bào dân tộc diễn ra liên tục, lâm tặc còn mang quan tài để trước cổng Hạt kiểm lâm nhằm uy hiếp, “khủng bố” tinh thần lực lượng kiểm lâm. “Trước những tình huống đó, tôi động viên anh em không dao động mà phải vững vàng ý chí, bản lĩnh của người kiểm lâm Việt Nam để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”, anh Ách bộc bạch.

Nạn phá rừng làm rẫy, lấn chiếm đất lâm nghiệp ngày

càng nghiêm trọng, làm cho tài nguyên rừng bị cạn kiệt, anh Ách đã chỉ đạo đơn vị tổ chức triển khai nhiều biện pháp thực hiện nghiêm quy định của pháp luật; song song với đó là tuyên truyền, vận động nhằm hạn chế các vụ vi phạm. Kết quả từ năm 2008 đến nay, trên địa bàn huyện Bù Đốp không để xảy ra tình trạng phá rừng làm rẫy và lấn chiếm đất lâm nghiệp, góp phần ổn định kinh tế, an ninh, chính trị của vùng biên giới.

Đơn vị đầu ngành Kiểm lâm tỉnh truy quét tội phạm

Được biết, người đứng đầu Hạt kiểm lâm Bù Đốp là một võ sư. Những khi được “tranh thủ” về nhà, anh lại ra vườn dạy võ cho lớp trẻ. Một Bí thư Chi bộ trường Trung học cơ sở Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh ở gần nhà anh cho chúng tôi biết, từ “lò võ” của anh Ách sẽ là “nguồn” bảo vệ rừng được giới thiệu, tuyển chọn sau này. Người Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp nung nấu ý nghĩ này từ trước. Bởi hiện nay và lâu dài, lực lượng bảo vệ kiểm lâm còn mỏng, ít người được huấn



▲ Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp (Bình Phước) trồng thí điểm thành công 30 ha rừng

luyện võ thuật để chống lại lâm tặc ngày một ngang ngược hoành hành.

Huyện Bù Đốp với tổng diện tích rừng hiện nay là 6.870,852 ha. Việc quản lý bảo vệ rừng là một nhiệm vụ khó khăn, do địa hình rộng, nhiều ngõ ngách qua lại trên tuyến đường biên giới. Để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, anh Ách đã chỉ đạo Hạt kiểm lâm duy trì tổ chức truy quét trên bộ cũng như tuyến sông. Qua 12 năm thực hiện, Hạt kiểm lâm Bù Đốp phối hợp cùng các ngành chức năng đã phát hiện trên 1.500 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, thu hồi trên 2.000 m³ gỗ các loại, xử lý tịch thu 67 xe ô tô, 92 xe mô tô 2 bánh, 30 xe đạp thồ, 10 ghe gỗ và nhiều máy móc, công cụ phục vụ cho các hành vi vi phạm; xử lý phạt và bán tài sản tịch thu xung công quỹ Nhà nước trên 10 tỷ đồng. Với chức năng là cơ quan giám sát, Hạt kiểm lâm đã thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị chủ rừng và các chủ dự án trên địa bàn huyện, không để xảy ra vi phạm, nhất là diện tích rừng khoanh nuôi còn lại trong các dự án. Anh Ách đã cùng Hạt kiểm lâm nghiên cứu và đưa ra giải pháp xây dựng kế hoạch tổ chức tuần tra quản lý, bảo vệ các tiểu khu rừng phòng hộ dọc sông và các khu vực xung yếu. Tính từ đầu năm 2012 đến nay, Hạt kiểm lâm đã hoàn thành phát tuyến được trên 100 km, tạo thuận lợi cho các tổ đi kiểm tra, bảo vệ rừng; đồng thời tiết kiệm được kinh phí nhiên liệu phục vụ các phương tiện đi lại kiểm tra, quản lý bảo vệ rừng và đảm bảo được tính bí mật. Với giải pháp này đã hạn chế nhiều tình trạng vi phạm khai thác lâm sản trái phép các tiểu khu rừng phòng hộ giáp tuyến sông.

Thực tiễn và hiệu quả từ công tác phòng chống, chữa cháy rừng

Trước yêu cầu thực tế trong công tác phòng chống, chữa cháy rừng, Hạt kiểm lâm đã cải tiến

một số dụng cụ phục vụ công tác chữa cháy thiết thực, hiệu quả như: Dùng xe đạp thồ trang bị dụng cụ chữa cháy để có thể tiếp cận trực tiếp vào những địa hình phức tạp khi có cháy rừng xảy ra, lắp đặt hệ thống bơm nước trực tiếp từ xe máy cày để chữa cháy, dùng mô tô nước chữa cháy các tiểu khu rừng dọc sông. Với cách thức này, Hạt kiểm lâm đã đưa vào sử dụng chữa cháy rừng trong những năm qua và trong các đợt diễn tập phòng cháy, chữa cháy hàng năm được đánh giá là hiệu quả. Hạt kiểm lâm đã được Chi cục Kiểm lâm tỉnh chọn làm điểm về công tác phòng chống, chữa cháy rừng để các đơn vị khác học tập. Cùng với đó, Hạt kiểm lâm đã xây dựng 8 hồ nước nhân tạo ở những khu vực rừng sung yếu có nguy cơ cháy rừng cao, với sức chứa bình quân mỗi hồ trên 20 m³ nước, đây là giải pháp hữu hiệu và kịp thời để chủ động về nguồn nước khi có cháy rừng xảy ra vào thời điểm nắng nóng, khô hạn. Do vậy, trong những năm qua, Hạt kiểm lâm không để xảy ra vụ cháy nào nghiêm trọng.

Huyện Bù Đốp nằm trên tuyến biên giới, có trên 17,9% đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh. Để

thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, anh đã cùng Hạt kiểm lâm đề ra những giải pháp vận động, tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương trong từng giai đoạn, bảo vệ những diện tích rừng hiện còn.

Nhằm phục hồi một số diện tích rừng do công trình thủy điện tích nước làm thiệt hại, anh Ách cùng Hạt kiểm lâm đã nghiên cứu, đưa vào thử nghiệm trồng một số loài cây tại các vùng bán ngập của lòng hồ. Cụ thể, đã trồng thí điểm 30 ha rừng trên đất bán ngập của lòng hồ thủy điện Cần Đơn với 2 loại cây là gáo nước và tràm nước. Từ những thành tựu này, năm 2014, UBND tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo tiến hành khảo sát, xây dựng phương án trồng rừng trên toàn diện tích bán ngập lòng hồ thủy điện Cần Đơn, hiện nay, đã khảo sát trên 300 ha để thực hiện Dự án này.

Có thể nói, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm Bù Đốp Nguyễn Văn Ách là tấm gương sáng trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn. Với anh không có gì cao quý bằng sự sống, sức khỏe con người, môi trường thiên nhiên, giữ màu xanh cho quê hương đất nước■

DUY HIỂN



Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Xuân Thủy

NGUYỄN VIỆT CÁCH - Giám đốc
Vườn quốc gia Xuân Thủy

Giai quyết những tồn tại của công tác quản lý bảo tồn tại Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu - nơi đã được ghi danh là vùng chim quan trọng (IBA) của quốc gia, đồng thời cũng là nơi tập trung trọng điểm của nghề nuôi trồng nhuyễn thể của miền Bắc Việt Nam từ lâu đã là mối quan tâm trăn trở của Ban quản lý Vườn quốc gia (VQG) Xuân Thủy và cộng đồng địa phương. Năm 2006, từ bài học xây dựng cơ chế đồng quản lý sử dụng khôn khéo và bền vững nguồn lợi ngao giống tự nhiên ở vùng cửa sông Hồng, VQG Xuân Thủy đã đề xuất triển khai mô hình đồng quản lý, chia sẻ lợi ích khu nuôi ngao quảng canh bền vững tại Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu thuộc VQG Xuân Thủy.

Ngày 2/2/2012 tại Quyết định số 126/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính Phủ đã cho phép VQG Xuân Thủy thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ lợi ích, trong đó có mô hình nuôi ngao quảng canh ở Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu đối với cộng đồng địa phương. Từ đó, VQG cũng đã nhận được sự ủng hộ từ Dự án Khắc phục trở ngại tăng cường hiệu quả quản lý các Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam (Dự án PA), do Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) tài trợ thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và được Bộ TN&MT phê duyệt tại Quyết định số 2328/QĐ-BTNMT để thực hiện Dự án hợp phần: “Xây dựng và tổ chức thực thi Đề án thí điểm đồng quản lý chia sẻ lợi ích nuôi ngao quảng canh bền vững đối với cộng đồng địa phương”. Thông qua đó thí điểm xây dựng cơ chế tài chính mới cho VQG Xuân Thủy và cộng đồng khu vực, từ việc thu tiền chi trả dịch vụ môi trường trong sử dụng đất nuôi ngao quảng canh ở khu vực để lập tài khoản môi trường, sau đó chi trả nguồn thu trên cho các đối tượng được thụ hưởng theo quyết định của UBND tỉnh Nam Định.

Trải qua thời gian xây dựng Đề án và tổ chức nhiều hội nghị tham vấn các bên liên quan, ngày 23/1/2015, UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Quyết định số 119/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án thí điểm đồng quản lý khu nuôi ngao quảng canh tại Phân khu phục



▲ Mô hình nuôi ngao quảng canh bền vững đối với cộng đồng địa phương tại VQG Xuân Thủy

hồi sinh thái Cồn Lu thuộc VQG Xuân Thủy.

Trong nội dung của Đề án thí điểm đã xác lập cơ chế đồng quản lý giữa VQG Xuân Thủy với chính quyền và cộng đồng địa phương khi triển khai mô hình nuôi ngao quảng canh tại Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu. Với cơ chế đồng quản lý này, quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia thực hiện Đề án đã được thể chế rõ ràng. Cũng trong Đề án, UBND huyện Giao Thủy đã được UBND tỉnh Nam Định giao nhiệm vụ giúp VQG triển khai ký hợp đồng chia sẻ lợi ích thông qua việc cho phép các đối tượng cộng đồng sử dụng đất mặt nước để nuôi ngao quảng canh ở khu vực. Đồng thời, thu tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo thỏa thuận, nộp vào quỹ môi trường của VQG Xuân Thủy. Quỹ môi trường này sẽ tiến hành chi trả cho các đối

tượng được thụ hưởng theo quy định của UBND tỉnh.

Tuy nhiên, sau Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh, khi tổ chức thực thi Đề án trên thực tế, vẫn có những khó khăn trở ngại phát sinh, đặc biệt là vấn đề thu phí để thực hiện cơ chế tài chính mới cho VQG Xuân Thủy và cộng đồng địa phương, vì đã có chính sách mới từ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ liên quan đến việc miễn thu các khoản phí để hỗ trợ phát triển nghề thủy sản trong tình hình mới. Mặc dù, tại Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 2/1/2003, Thủ tướng Chính phủ đã giao toàn bộ diện tích 7.100 ha trên vùng bãi triều thuộc cửa sông Hồng cho VQG Xuân Thủy thực hiện mục tiêu quản lý bảo tồn thiên nhiên, trong đó có diện tích nuôi ngao quảng canh ở Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu mà cộng đồng địa phương đã và đang canh tác.



Để tiếp tục giải quyết vấn đề trên, ngày 5/10/2015, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 7991 /VPCP-KTN về việc thí điểm chia sẻ lợi ích trong quản lý bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, trong đó cho phép VQG Xuân Thủy và các VQG thực hiện thí điểm cơ chế Chia sẻ lợi ích trong quản lý bảo tồn rừng đặc dụng tiếp tục được thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích theo Quyết định số 126/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ.

Theo đó, ngày 7/10/2015, Ban quản lý VQG cùng với UBND huyện Giao Thủy tổ chức hội nghị tham vấn cộng đồng về việc thỏa thuận mức thu nộp chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các chủ hộ nuôi trồng thủy sản ở khu vực. Hội nghị đã đạt được sự đồng thuận để Ban quản lý lập Tờ trình trình UBND tỉnh Nam Định phê duyệt Phương án thu chi thực hiện Đề án thí điểm. Ngày 23/10/2015, tại Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND, UBND tỉnh Nam Định đã cho phép VQG triển khai phương án thu chi thực hiện Đề án thí điểm đồng quản lý nuôi ngao quảng canh tại Phân khu phục hồi sinh thái Cồn Lu. Đây là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý lâu dài, giúp VQG cùng với cộng đồng địa phương thực hiện cơ chế đồng quản lý, chia sẻ lợi ích và thí điểm cơ chế tài chính mới cho khu vực một cách bền vững.

Hiện tại, UBND huyện Giao Thủy cùng các bên liên quan đang nỗ lực hoàn thành các công việc còn lại của Đề án. Như vậy, một rào cản cũ tồn tại nhiều năm ở VQG Xuân Thủy đã được dỡ bỏ. Đây cũng là minh chứng về hiệu quả của những chính sách thích ứng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cuộc sống, kết hợp hài hòa giữa yêu cầu bảo tồn và phát triển ở khu vực VQG Xuân Thủy.

Hy vọng, mô hình đồng quản lý chia sẻ lợi ích và thí điểm cơ chế tài chính mới cho VQG Xuân Thủy sẽ là chìa khóa giúp VQG tiếp tục hoàn thiện các cơ chế quản lý thích hợp, đáp ứng yêu cầu kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển ở khu vực. Đồng thời cũng giúp cho Chính phủ hiện thực hóa cam kết quốc tế ở VQG - Khu Ramsar quốc tế Xuân Thủy và Khu Dự trữ sinh quyển thế giới đất ngập nước liên tỉnh ven biển đồng bằng châu thổ sông Hồng. Bài học về cơ chế quản lý mới ở Xuân Thủy sẽ góp phần cho cơ quan quản lý Trung ương xây dựng chính sách bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước của quốc gia hiệu quả và khả thi hơn trong tương lai■

10 sự kiện môi trường quốc tế nổi bật năm 2015

Năm 2015 đánh dấu sự chung tay của tất cả các quốc gia trên thế giới trong nỗ lực chung nhằm chống lại biến đổi khí hậu (BĐKH), cùng sự hợp tác của các quốc gia lớn trong việc bảo tồn các loài hoang dã, bảo vệ rừng, hay sự tương trợ của các quốc gia trong các thảm họa môi trường. Tuy nhiên, đây cũng là một năm mà thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức về tình trạng ô nhiễm môi trường tồi tệ nhất trong những năm đầu thế kỷ 21 như ô nhiễm khói mù do cháy rừng, ô nhiễm không khí, ô nhiễm kim loại độc hại... Đó là những mối đe dọa không chỉ trong nội bộ từng nước mà là thách thức chung cho cả khu vực và thế giới, đòi hỏi các quốc gia phải cùng liên kết đưa ra giải pháp BVMT toàn diện hơn trong thời gian tới. Dưới đây là 10 sự kiện môi trường quốc tế nổi bật năm 2015 được Tạp chí Môi trường tổng hợp từ trang tin Mongabay.com.

1 HỘI NGHỊ COP 21 THÀNH CÔNG

Tháng 12/2015, tại Paris (Pháp), gần 200 quốc gia đã đồng ý thông qua một thỏa thuận chung - Thỏa thuận

Paris nhằm chống BĐKH toàn cầu tại Hội nghị lần thứ 21 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP 21). Thỏa thuận được xem là

Với hơn một triệu lượt người truy cập mỗi tháng, Mongabay.com là một trong các trang tin về khoa học môi trường và bảo tồn động vật phổ biến nhất trên thế giới, với các tin tức được cập nhật liên tục thuộc các lĩnh vực như rừng nhiệt đới, bảo tồn động vật hoang dã, BVMT... Mục tiêu của trang tin nhằm thu hút sự quan tâm của cộng đồng đối với các loài hoang dã và các vùng đất hoang, đồng thời thúc đẩy nhận thức của con người đối với các vấn đề môi trường, thông qua hơn 30 ngôn ngữ khác nhau. Mongabay.com cũng xuất bản Tạp chí Khoa học bảo tồn rừng nhiệt đới, đăng tải các nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới, đặc biệt là từ các nước đang phát triển.

Mongabay.com cũng là trang tin yêu thích được bầu chọn trên Tạp chí Time, Tạp chí Phố Wall, một số ấn phẩm địa phương, quốc gia và quốc tế khác.



một bước ngoặt lịch sử, mang tính ràng buộc pháp lý đối với tất cả các quốc gia, yêu cầu các nước phải cam kết hạn chế lượng khí thải và đặt ra mục tiêu dài hạn về việc xóa bỏ khí nhà kính do con người gây ra. Ngoài ra, Thỏa thuận cũng khuyến khích các nước thực hiện biện pháp ngăn chặn khí thải, đồng thời cung cấp thêm khoản viện trợ cho các nước nghèo xây dựng nền kinh tế thân thiện với môi trường. Đây là lần đầu tiên tất cả các nước tham gia vào Thỏa thuận, cùng hợp tác, chia sẻ trách nhiệm chung, vì mục tiêu đi đến thỏa ước quốc tế về khí hậu, nhằm giới hạn nhiệt độ Trái đất nóng lên không quá 2°C thông qua việc sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm tình trạng phá rừng, hạn chế suy thoái tài nguyên rừng và ít sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

2 NĂM 2015 ĐƯỢC GHI NHẬN LÀ NĂM NÓNG NHẤT TRONG LỊCH SỬ NHÂN LOẠI

Theo kết quả khảo sát của Tổ chức khí tượng thủy văn quốc tế (WMO), năm 2015 đã được ghi nhận là năm nóng nhất trong lịch sử nhân loại. Cùng với kết quả này, giai đoạn 2011 - 2015 cũng được WMO đánh giá là giai đoạn 5 năm nóng nhất trong lịch sử loài người. Nguyên nhân là do hiện tượng El Nino diễn ra theo chiều hướng khó lường, thêm vào đó, đây cũng chính là hệ quả tất yếu của việc con người không ngừng phát triển nền công nghiệp trên toàn thế giới.

3 CHÁY RỪNG TẠI INĐÔNÊXIA

Trong danh sách những thảm họa môi trường do con người gây ra, tờ báo Jakarta Globe (Indônêxia) cho rằng, cháy rừng liên tục trong hơn 1 tháng (từ tháng 9 - 10/2015)



▲ Malaixia điều thủy phi cơ giúp Indônêxia dập tắt cháy rừng, ngăn chặn tình trạng khói mù độc hại phát tán trên phạm vi rộng



▲ Ban điều hành COP 21 vui mừng khi Thỏa thuận Pari được thông qua



▲ Biểu đồ nhiệt độ trung bình Trái đất năm 2015 so với giai đoạn 1961 - 1990

ở Indônêxia là thảm họa nghiêm trọng nhất thế kỷ 21. Nạn cháy rừng xảy ra ở quốc gia này hàng năm, nhưng thời tiết khô khiến tình trạng năm nay đặc biệt nghiêm trọng, gây ra tình trạng khói mù tồi tệ nhất trong lịch sử nước này, thiệt hại lớn về kinh tế (20 tỷ USD theo Ngân hàng thế giới), sức khỏe con người (19 người chết và nửa triệu dân mắc bệnh đường hô hấp), hệ động thực vật... Các đám cháy rừng cũng phát thải khoảng 600 triệu tấn các-bon vào khí quyển, góp phần vào sự ấm lên toàn cầu và đe dọa các cánh rừng còn lại. Không

những thế, các quốc gia Đông Nam Á khác như Singapo, Malaixia, Brunêy, Thái Lan và Philippin cũng bị thiệt hại lớn do tình trạng “khủng hoảng” khói mù phát tán từ Indônêxia.

4 TÌNH TRẠNG PHÁ RỪNG Ở AMAZON TIẾP TỤC GIẢM

Tỷ lệ phá rừng ở Braxin giảm mạnh trong thập kỷ qua, giúp duy trì sự sống cho 1.700 cá thể mỗi năm, đây là tin đáng mừng cho các loài động vật hoang dã, cộng đồng sinh vật sống phụ thuộc vào rừng và khí hậu Trái đất.



▲ Tình trạng phá rừng Amazon có chiều hướng giảm mạnh trong giai đoạn 2007 - 2015

Mặc dù, nạn phá rừng ở Amazon thuộc địa phận Braxin trong năm 2015 đạt mức cao nhất trong vòng 7 năm qua, tuy nhiên, nhìn chung, nạn phá rừng đang có xu hướng giảm trên các cánh rừng nhiệt đới Amazon, cả trong và ngoài khu vực Braxin (như Bolivia, Côlômbia, Êcuado, Guyana, Pêru, Xu-ri-nam)

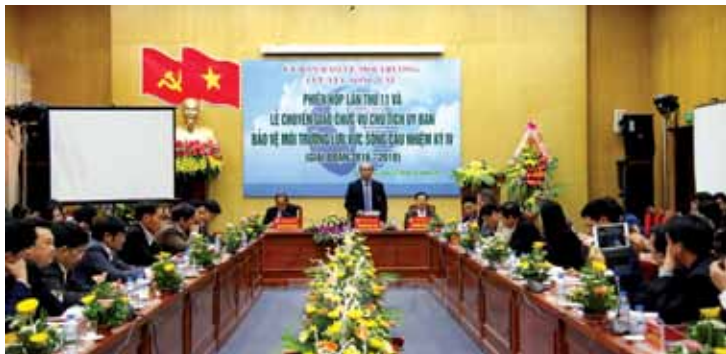
5 TRÁI ĐẤT ĐANG PHẢI ĐỐI MẶT VỚI CUỘC ĐẠI TUYỆT CHỦNG LẦN THỨ 6 CỦA NHIỀU LOÀI



▲ Éch vàng Panama được Sách đỏ liệt kê là loài đã "tuyệt chủng trong tự nhiên"

Các nhà khoa học đang lo ngại rằng, với tốc độ biến mất của các loài như hiện nay, thế giới đang đối mặt với cuộc đại tuyệt chủng lần thứ 6, có thể diễn ra vào năm 2200. Hiện, khoảng 41% các loài động vật lưỡng cư, 26% những loài động vật có vú, 13% loài vật không xương sống... đang phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng. Sự suy giảm môi trường sống do hoạt động của con người là nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi này.

Các nhà nghiên cứu cho biết, con người có thể đảo ngược xu hướng bằng cách tăng cường các nỗ lực bảo tồn các loài bị đe dọa và làm giảm áp lực lên các quần thể động vật hoang dã, đặc biệt, hạn chế làm mất môi trường sống của các loài, khai thác quá mức vì lợi ích kinh tế và tránh làm nghiêm trọng thêm tình trạng BĐKH toàn cầu.



▲ Một mỏ dầu của Chevron - Công ty năng lượng lớn thứ 5 trên thế giới đặt tại cánh đồng Duri, quần đảo Riau, tỉnh Sumatra, Indônêxia

6 ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁ DẦU THẾ GIỚI TỚI HOẠT ĐỘNG BVMT

Giá dầu thế giới tiếp tục giảm trong năm 2015, hai lần xuống mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua. Ngoài nguyên nhân chính là tình trạng nguồn cung dầu dư thừa quá mức, khoa học công nghệ phát triển khiến các thiết bị và các nhà máy tiêu thụ ít năng lượng hơn, sự phát triển của các nguồn năng lượng mới... cũng khiến cho giá dầu thế giới giảm mạnh.

Các chuyên gia đánh giá, giá dầu giảm kéo theo giá hàng hóa giảm, làm giảm các khoản chi của Chính phủ trong các chương trình bảo

tồn, tình trạng xe cộ tăng cao, gây áp lực lên việc chuyển đổi đất nông nghiệp và đất rừng phục vụ cho phát triển kinh tế... Tuy nhiên, giá dầu giảm cũng tạo ra môi trường thuận lợi cho sự cải cách, chuyển đổi mô hình kinh tế của một số quốc gia (như Trung Quốc), tạo cơ hội cho phát triển năng lượng sạch, thay thế than đá và các nguồn năng lượng gây ô nhiễm khác.

7 BÁO ĐỘNG "CÁI CHẾT XANH" CỦA NHỮNG NHÀ HOẠT ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG

Theo Tổ chức Nhân chứng toàn cầu (Global



▲ Các nhà hoạt động môi trường cần được bảo vệ để tiếp tục sứ mệnh cao cả của mình



Witness), tình trạng bạo lực với các nhà hoạt động vì môi trường đang ở mức báo động trên thế giới, nghiêm trọng nhất là tại Mỹ La tinh và châu Á Thái Bình Dương. Nhiều người đã đề cập đến thuật ngữ “cái chết xanh” để nói về cái chết của những nhà hoạt động vì môi trường, với 908 nhà hoạt động vì môi trường đã bị sát hại tại 35 quốc gia trên toàn thế giới trong hơn 10 năm qua. Braxin được xem là quốc gia nguy hiểm nhất cho các nhà hoạt động vì màu xanh, Côlômbia đứng vị trí thứ hai. Ngoài ra, nhóm người bản xứ cũng là đối tượng bị ảnh hưởng nặng nề của bạo lực, với 40% tổng số nạn nhân bị sát hại vì BVMT.

Trước tình trạng báo động trên, các nhà hoạt động nhân quyền trên toàn thế giới phải lên tiếng kêu gọi người tiêu dùng có trách nhiệm với các sản phẩm để trở thành người tiêu dùng thông minh, sẵn sàng “tẩy chay” sản phẩm phá hủy môi trường. Đồng thời, Chính phủ các nước cần có giải pháp mạnh mẽ trong cuộc chiến bảo vệ những nhà hoạt động môi trường.

8 THẢM HỌA VỠ ĐẬP BÙN ĐỎ TẠI BRAXIN



▲ Bùn độc hại nhấn chìm làng Bento Rodrigues, TP. Mariana, Braxin

Vào ngày 5/11/2015, đập chứa bùn thải của một công ty khai thác quặng sắt ở Braxin vỡ bờ bao, tạo ra “cơn lũ” bùn đỏ độc hại (62 triệu lít bùn đỏ) khiến ít nhất 17 người thiệt mạng, để lại hậu quả nghiêm trọng, với khoảng 804 km dọc theo chiều dài con sông Rio Doce ra đến cửa biển Đại Tây Dương bị nhiễm độc thạch tín và thủy ngân trầm trọng. Đặc biệt, hệ sinh thái dọc theo sông và bờ biển đã bị hủy hoại, hàng trăm người phải rời bỏ nhà và nguồn nước cung cấp cho hơn 250.000 người bị nhiễm kim loại nặng độ cao. Đây là thảm họa ô nhiễm môi trường

lớn nhất của Braxin từ trước tới nay, được giới chuyên gia cảnh báo sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng lâu dài tới nhiều thế hệ sống xung quanh khu vực sông Rio Doce.

9 CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ TẠI BẮC KINH, TRUNG QUỐC TIẾP TỤC GIẢM SÚT

Tình trạng ô nhiễm không khí ở thủ đô Bắc Kinh từ những năm gần đây đã được xếp vào nhóm báo động vàng và được nâng lên mức cao nhất - báo động đỏ (đầu tháng 12/2015) sau khi làn khói mù mang theo mùi khó chịu quay trở lại TP. Theo các số liệu đo lường, mức ô nhiễm khói bụi ở Bắc Kinh cao gấp 25 lần so với mức an toàn, với nồng độ bụi siêu nhỏ (PM 2.5) ở nhiều thời điểm tăng gần gấp đôi mức rất nguy hiểm. Số liệu thống kê cũng cho thấy, ngoài thủ đô Bắc Kinh, gần 75% TP lớn của Trung Quốc đều không đạt tiêu chuẩn về chất lượng không khí. Hầu hết các khí thải gây hiệu ứng nhà kính xuất phát từ việc đốt than vào mùa đông để sưởi ấm và hoạt động của các nhà máy nhiệt điện.

Để đối phó với tình trạng này, Chính phủ đã ra lệnh đóng cửa 2.100 doanh nghiệp gây ô nhiễm không khí nặng, trẻ em cũng được phép nghỉ học vào những thời điểm khói bụi quá nhiều, người dân được khuyến cáo ở trong nhà nếu không cần thiết phải đi ra ngoài.

10 TRUNG QUỐC VÀ MỸ CAM KẾT SẼ CHẤM DỨT VIỆC BUÔN BÁN NGÀ VOI

Trung Quốc và Mỹ là hai thị trường lớn nhất toàn cầu trong hoạt động buôn bán trái phép ngà voi. Chính phủ hai nước đã ban hành một tuyên bố chung, cam kết chấm dứt hoạt động buôn bán ngà voi trong nước, cũng như tiếp tục hợp tác để ngăn chặn tệ nạn buôn bán động vật hoang dã đe dọa nhiều loài động thực vật trên khắp hành tinh.

Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành của Hiệp hội bảo tồn động vật hoang dã Cristián Samper cho biết, tuyên bố này sẽ cứu mạng sống của hàng chục nghìn con voi, cũng như các loài động vật hoang dã khác tại châu Phi■

LUU TRANG

(Tổng hợp từ mongabay.com)



▲ Bắc Kinh chìm trong khói mù ô nhiễm vào ngày 7/12/2015

Đêm giao thừa nhớ thơ chúc Tết của Bác

Trước đây, cứ mỗi độ Tết đến, đặc biệt là thời khắc giao thừa, mọi người, mọi nhà từ các cụ già râu tóc bạc phơ đến bầy em nhỏ đều háo hức quây quần bên chiếc đài bán dẫn (radio) để chờ nghe Bác Hồ đọc thư và thơ chúc Tết. Tết năm 1969 - Xuân Kỷ Dậu là cái Tết đáng nhớ nhất trong cuộc đời mỗi người dân nước Việt. Bởi đó là Tết cuối cùng chúng ta được nghe giọng nói của Người với bài thơ chúc Tết không thể nào quên.

“Đồng bào và các chiến sĩ yêu quý!

...Nhân dịp năm mới 1969, thay mặt nhân dân cả nước ta, tôi nhiệt liệt chúc mừng và cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đã hết lòng giúp đỡ và ủng hộ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Tôi thân ái chúc đồng bào, chiến sĩ, cán bộ và bà con Hoa Kiều cả hai miền Nam Bắc và kiều bào ta ở nước ngoài, năm mới đoàn kết, chiến đấu và thắng lợi!

Và có mấy lời mừng Xuân như sau:

Năm qua thắng lợi vẻ vang

Năm nay tiến tuyến chắc càng thắng to

Vì độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào

Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn”.

Thơ Xuân là một phần rất đặc biệt trong thơ của Bác Hồ. Đặc biệt, bởi lối viết nôm na, kêu gọi nhưng mỗi câu, mỗi bài đều chan chứa ý thơ, tràn đầy sắc xuân, vừa độc đáo, hào hùng vừa ấm áp, thương yêu. Không chỉ ở Việt Nam mà ngay cả trên thế giới, có lẽ Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị nguyên thủ duy nhất chúc Tết đồng bào của mình bằng những vần thơ. Sau 30 năm đi tìm đường cứu nước, đến năm 1941, Bác Hồ trở về nước và ở tại hang Pác Pó, tỉnh Cao Bằng để lãnh đạo Cách mạng Việt Nam. Mùa xuân năm 1942, Bác có bài thơ chúc Tết đầu tiên mừng Xuân Nhâm Ngọ 1942. Bài thơ được in trên báo Việt Nam độc lập, tờ báo của Đảng số 114. Kể từ bài thơ chúc Tết đầu tiên cho đến lúc ra đi, Người đã viết hơn 20 bài thơ chúc Tết.

Dễ nhớ, dễ thuộc là điều dễ nhận thấy trong các bài thơ chúc Tết của Người, những điều khiến cho mỗi bài thơ Tết của Bác trở nên đặc



▲ Thơ chúc Tết của Bác năm 1969

biệt hơn là bởi đó không chỉ là “Mấy lời thân ái nôm na/ Vừa là kêu gọi, vừa là mừng Xuân” (Thơ chúc tết Xuân Nhâm Thìn - 1952) mà còn là tấm lòng của Người với nhân dân, đất nước, lời hiệu triệu, cổ vũ, động viên và cả sự tiên đoán thần kỳ tiền đồ tươi sáng của Cách mạng nước nhà. Mỗi bài thơ không chỉ tổng kết thành quả năm cũ đồng thời còn chỉ dẫn cho những chặng đường tiếp theo của Cách mạng.

Thơ chúc Tết Xuân Kỷ Dậu 1969 là một trong ba bài thơ chúc Tết của Bác được viết bằng thể lục bát truyền thống, số còn lại viết theo thể thơ tự do, trừ bài lục bát biến thể. Với bố cục chặt chẽ, bài thơ vừa tổng kết được tình hình quá khứ, dự đoán cho tương lai, khẳng định lại mục đích chiến đấu vì độc lập, vì tự do và thống nhất đất nước của nhân dân ta, cùng việc vạch ra chiến lược đánh địch... Về văn, Hồ Chủ tịch sử dụng văn tuyệt đối trong toàn bài: “càng” vần với “vang”, “cho” vần với “do” và ba chữ “nhào”, “bào”, “nào” vần với nhau. Về

điệu, tất cả các chữ thứ hai trong câu bát đều thanh bằng, các chữ thứ tư trong câu lục bát đều thanh trắc.

Dễ nhận thấy, trong cách sử dụng ngôn ngữ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lối nói, viết, dễ hiểu thường bộc lộ ra ngoài: mở đầu bài thơ Xuân 69 là câu thơ bình dị, cách dùng từ ngữ với lối nói thường ngày “Năm qua thắng lợi vẻ vang/ Năm nay, tiến tuyến chắc các thắng to”. Quá khứ đối lập hiện tại, qua cách viết dễ hiểu “hôm qua” - “hôm nay”, “năm qua” - “năm nay”. “Năm qua thắng lợi vẻ vang” là Bác nhắc tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân Mậu Thân năm 1968, quân và dân ta đã đánh vào các dinh lũy kiên cố nhất của địch ở các thành phố lớn miền Nam và tòa Đại sứ Mỹ giữa Sài Gòn, làm cho đế quốc Mỹ và tay sai vô cùng hoang mang, khiếp sợ. Với cuộc thử sức và đã thắng lợi đó, Bác tin tưởng lại “chắc càng thắng to”. Và đúng như vậy, từ năm 1969 trở đi, phong trào đấu tranh giải phóng miền Nam



của quân và dân ta mỗi năm một phát triển mạnh. Đến mùa Xuân năm 1975, bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta đã thắng lợi hoàn toàn.

Trong bài thơ, Bác nhắc lại mục đích chiến đấu hết sức thiêng liêng của dân tộc ta là “Vì độc lập, vì tự do”. Người luôn cho rằng, với đất nước, con người, độc lập, tự do là cái quý nhất. Trong bài thơ chúc Tết này, Bác còn chỉ ra đánh cho “Mỹ cút” trước để “ngụy nhào” sau. Đó là chiến lược quan trọng của cách mạng miền Nam. Và thực tế quân, dân ta đã làm đúng điều Bác Hồ dạy. Sau những thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam và nhất là thảm bại trong chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” khi đánh phá bằng không quân ở miền Bắc và Thủ đô Hà Nội, đế quốc Mỹ và tay sai phải ký Hiệp định Paris, quân Mỹ buộc phải rút về nước. Nhiệm vụ “đánh cho Mỹ cút” của quân và dân ta đã hoàn thành.

“Tiến lên chiến sỹ đồng bào!” là mệnh lệnh xuất phát từ trái tim chứ không chỉ là lý trí đơn thuần, trái tim của một cuộc đời tận tụy lo cho dân, cho nước. Những dấu cảm(!) kèm theo trong nội dung câu chữ đã nói lên điều đó. Gây chú ý trong bài thơ Xuân 69 là hai tiếng “đồng bào” chứa đựng ý hàm xúc, gợi nhớ cội nguồn dân tộc với truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu cơ... Trong nhiều bài viết của mình, Bác Hồ kính yêu của chúng ta thường hay dùng từ “đồng bào”. Khi đọc Tuyên ngôn độc lập 1945. Bác dừng lại hỏi “Đồng bào nghe tôi nói rõ không?”. Hay trong Di chúc, Hồ Chủ tịch viết “Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam - Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ, chiến sỹ anh hùng”. Hai tiếng “đồng bào” chứa đựng tình cảm thiêng liêng cao quý, sự thống nhất đoàn kết, cái hàm súc tinh tế của ngôn ngữ đã được Bác sử dụng đúng chỗ, đúng lúc.

“Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”. Niềm vui lớn lao không gì so sánh được, đó là niềm vui thống nhất đất nước, dân tộc độc lập, đây là ước nguyện tinh cảm sâu sắc và chân thành trong con người Bác.

Trong bài thơ chúc Tết Xuân Kỷ Dậu - 1969 của Bác, chúng ta nghe như đã có nhạc và trong nhạc như có tiếng kèn xung trận. Bài thơ đã được nhạc sĩ Huy Thực phổ nhạc rất thành công với tựa đề bài hát “Tiến lên chiến sỹ đồng bào”.

Ngày 28/2/1969, tiếp đoàn đại biểu Mặt



▲ 9h45 ngày 6/2/1969, trong phòng khách nhỏ ở Phủ Chủ tịch, Bác Hồ đọc lời chúc mừng năm mới. Đài Tiếng nói Việt Nam đến thu thanh

trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, Người nói:

“Thưa các cụ, các cô, các chú, trong thơ chúc Tết năm nay, tôi có nói là:

Tiến lên! Chiến sỹ, đồng bào

Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!

Trong lúc viết thì như thế, tôi cũng không chắc là câu thơ đó được thực hiện sớm trong năm nay. Hôm nay, bác sĩ Phùng Văn Cung cùng phái đoàn ra đây, đồng bào miền Bắc rất sung sướng. Để hoan nghênh phái đoàn miền Nam ruột thịt, thì nói mấy trăm câu, mấy nghìn câu, mấy vạn câu cũng không thể hết được. Tôi xin phép chỉ nói một câu thôi:

Bao giờ Nam Bắc một nhà, Việt Nam đại thắng chúng ta vui mừng”.

Mặc dù đã biết trước ngày vui ấy nhất định sẽ đến, nhưng khi giờ phút thiêng liêng đến thì Bác của chúng ta đã đi xa. Lời chúc Tết cuối cùng trước khi người ra đi đã thành hiện thực. Ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất

đất nước, và “Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn”. Bài thơ chúc Tết mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1969 đã trở thành bài thơ chúc Tết cuối cùng của Bác Hồ. Bác đã động viên toàn Đảng, toàn dân ta anh dũng đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, tiến lên giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Đã gần 50 năm kể từ khi Bác đi xa chúng ta không còn được nghe thơ chúc Tết của Người. Nhưng cứ mỗi độ Tết đến xuân về, trong thời khắc chuyển giao của đêm giao thừa, phút giây chờ mong nghe thơ chúc Tết của Bác đã trở thành kỷ ức không thể phai nhạt trong tâm khảm người dân Việt Nam.

Chào đón năm mới Bính Thân, trong thời khắc giao thừa thiêng liêng, lời Bác Hồ chúc tết năm xưa như còn vang vọng mãi. Chúng con xin hứa với Bác sẽ hăng say, cố gắng cống hiến tuổi thanh xuân, góp phần chung tay xây dựng đất nước ngày càng to đẹp hơn, đàng hoàng hơn như lời Người mong muốn.

MAI HƯƠNG



Xuân đến sớm trên đảo tiền tiêu

Thượng tá, ThS. NGUYỄN THANH ĐIỆP

Học viện Hải quân

NHÂM THỊ HIỀN

Tổng cục Du lịch

Trong thời khắc thiêng liêng giao hòa giữa đất trời chuyển từ năm Ất Mùi sang năm mới Bính Thân, chiến sĩ nơi hải đảo tiền tiêu Lý Sơn phải xa tổ ấm gia đình bất chấp nắng mưa, gió rét vẫn chắc tay súng canh giữ biển trời cho đất nước đón Tết, vui Xuân.



▲ Tỉnh Quảng Ngãi chuẩn bị quà Tết tặng cán bộ, chiến sĩ đảo Lý Sơn

Những ngày cuối năm âm lịch, khi những đợt không khí lạnh liên tục tràn về, cùng với đó là hương xuân theo những cánh sóng bay về tràn ngập khắp các ngả đường trên đảo. Cũng như mọi năm, trước thềm năm mới Bính Thân, cán bộ lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi và Bộ Tư lệnh vùng 3 Hải quân chuẩn bị nhiều phần quà Tết tặng cán bộ, chiến sĩ trên đảo. Đến thăm cán bộ, chiến sĩ trạm ra đa 550 thuộc Trung đoàn 351, vùng 3 Hải quân đóng quân ngay trên đỉnh núi Thới Lới cao nhất đảo, với nhiều kỷ niệm khó quên. Đường lên trạm dốc như dựng đứng, chênh vênh giữa một bên là thung lũng, một bên là biển. Tới đây, chúng tôi đã cảm nhận được không khí chuẩn bị đón tết rộn ràng của cán bộ, chiến sĩ trên đảo. Những chậu mai vàng, sứ hồng, giấy tím, những loài hoa không hương nhưng đầy sắc màu báo hiệu xuân của đất trời đã về trước thềm doanh trại.

Để mang hương vị mùa Xuân từ đất liền ra nơi đảo xa và xua tan nỗi nhớ nhà, nhớ người thân; từ nhiều ngày nay, hàng chục cành đào, cành mai được các chàng lính trẻ tất bật hoàn thiện. Tại khu chăn nuôi, các sản phẩm bò, heo, gà... do đơn vị tăng gia được chuẩn bị cho bộ đội đón Xuân. Nhằm kịp thời động viên cán bộ chiến sĩ an tâm công tác và hoàn thành nhiệm vụ được giao, ngoài nguồn hậu cần hiện có, Ban Chỉ huy đơn vị cũng chuẩn bị một lượng hàng hóa như bánh kẹo, mứt tết, hột dưa... để phục vụ cán bộ, chiến sĩ trong những ngày tết. Bên cạnh đó là những món quà ấm áp tình quân dân của các cấp chính quyền, nhân dân trên đảo Lý Sơn gửi tặng đơn vị. Thông thường, bữa tất niên của những người lính ở Trạm đều có sự góp mặt của đồng đảo thanh niên và học sinh trên đảo.

Tâm sự với chúng tôi, trung tá Hồ Bá Trung, trạm trưởng quê Diễn Châu, Nghệ An, anh cho biết: “Năm nào đơn vị cũng ăn Tết sớm, Tết với mọi người là dịp vui chơi, sum họp gia đình

nhưng với những người lính đảo chúng tôi đây là những ngày phải tập trung nhiều nhất cho công việc, đâu có khó khăn đến mấy và trong bất kỳ hoàn cảnh nào thì cán bộ, chiến sĩ trên đảo cũng quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tết này, đơn vị chúng tôi thực hiện tư tưởng đón Tết vui tươi, lành mạnh, an toàn, tiết kiệm và sẵn sàng chiến đấu cao”. Tuy đã mấy năm liên tục ăn tết trên đảo, nhưng trung úy chuyên nghiệp Nguyễn Công, nhân viên quân y vẫn vui vẻ khi tết năm nay lại cùng với đơn vị đón tết, Công tâm sự: “Em và đồng đội thực sự vui khi được đất liền quan tâm. Cứ vào dịp gần cuối năm, được đón nhiều đoàn cán bộ, nhân dân ở trong đất liền ra thăm, chúc Tết, tặng quà làm chúng em thật cảm động. Đơn vị không chỉ tạo điều kiện đầy đủ về vật chất mà còn nhiều niềm vui về tinh thần”.

Chia sẻ về cảm xúc trước thềm xuân mới, Thượng úy Lê Phú Quý, chính trị viên của Trạm, người đã 4 năm nay ăn tết tại đảo xúc động nói: “Cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị phần lớn là anh em quê ngoài bắc ra công tác tại đảo. Ngoài các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; để cán bộ, chiến sĩ cảm nhận được hương vị tết quê nhà, đơn vị cũng đã tổ chức gói bánh chưng, cùng dưa hành, câu đối đỏ... Đến nay công tác đón tết đang được triển khai để cán bộ

chiến sĩ trong đơn vị ăn Tết sớm, yên tâm làm nhiệm vụ”.

Mùa Xuân mới đang dần gõ cửa từng nhà và khắp các con đường, ngõ xóm trên huyện đảo Lý Sơn người dân đang tấp nập đi mua sắm. Ở âu thuyền An Hải, những đoàn tàu hàng trăm mã lực đang lần lượt cập bến sau những chuyến đi biển trở về bội thu. Trên khuôn mặt rám nắng của các ngư dân là niềm vui sau một năm vất vả, nhưng bù lại là những khoang tàu đầy ắp cá tôm. Hình ảnh những con tàu sau khi bán xong chuyến cá cuối cùng trong năm trở về đảo mang theo những chậu hoa cúc, vạn thọ... càng làm cho mùa Xuân mới như đến sớm hơn.

Chia tay Lý Sơn khi màn đêm buông xuống, tạm biệt cán bộ, chiến sĩ Trạm ra đa 550 và họ đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng thật sâu đậm. Tuy khó khăn khi phải sống xa nhà, ngay cả cái Tết không phải năm nào cũng được sum họp gia đình, nhưng mỗi cán bộ, chiến sĩ nơi đây đều nhận thấy đó là một vinh dự, tự hào và cũng là trách nhiệm cao cả của những người lính biển. Dù trong bất cứ điều kiện, hoàn cảnh nào các cán bộ, chiến sĩ cũng luôn lạc quan, yêu đời và mang trong mình một niềm tin sắt đá, chắc chắn tay súng bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc để một mùa Xuân bình yên và hạnh phúc về với mọi nhà■



Làng nghề truyền thống trồng mai Nhơn An rộn ràng sắc hoa mùa Xuân

Những ngày đầu năm, làng nghề truyền thống trồng mai tết của xã Nhơn An lại rộn ràng không khí đón xuân. Toàn xã có 6 thôn thì có 5 thôn (Tân Dương, Thuận Thái, Thanh Liêm, Trung Định và Háo Đức) đã được tỉnh Bình Định công nhận là làng nghề truyền thống trồng mai cảnh, với hơn 2.200 hộ (chiếm 80% dân số) tham gia trồng mai.

Trên các nẻo đường của làng nghề đã xuất hiện nhiều chuyến xe khắp nơi đổ về đây, nườm nượp nối đuôi nhau “ăn hàng”. Hàng loạt các chậu mai đã được bê ra khoảng đất trống đầu làng, người trồng mai vừa tất bật với công việc chăm sóc vừa giao dịch với các thương lái. Dọc các con đường, nhiều chậu mai đã được cắt tỉa, tạo dáng, thể đẹp được trưng bày trong bãi tập kết, rộn ràng khoe sắc.

Các hộ trồng mai ở Nhơn An cho biết, đầu năm nay có rất nhiều thương lái từ các tỉnh phía Nam đã về làng mai này để mua mai đưa đi các tỉnh như: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai... Đây cũng là thị trường tiêu thụ mai lớn nhất, chiếm 60 - 70% lượng mai của vùng. Đặc biệt, so với năm ngoái, giá mai năm nay tiếp tục tăng tùy theo dáng, năm tuổi, độ nở hoa, màu sắc. Năm nay, mai vàng có độ tuổi từ 4 - 5 năm tuổi bán với giá từ 600.000 - 700.000 đồng/chậu, tăng từ 150.000 - 200.000 đồng/chậu, cũng có những chậu mai giá đến hàng trăm triệu đồng dành cho khách chịu chơi. Nhờ vậy mà mỗi năm, người dân toàn xã Nhơn An có doanh thu hàng chục tỷ đồng nhờ vào nghề trồng mai bán dịp Tết.

Trong muôn vàn sắc hoa, cây mai quyến rũ con người bởi sự tương phản hiếm có: Thân gầy guộc, hoa mỏng manh, hương thơm dịu dàng, thanh khiết nhưng ẩn chứa trong mình sự kiêu dũng, khí phách. Mai được tôn phong là “bách hoa khôi”, đứng đầu các loài hoa. Các nhà nho xưa thường dùng hình ảnh hoa mai để ví với cốt cách thanh tao và chí khí của người quân tử. “Nhất sinh đề thủ bách mai hoa”, ngay cả chí sĩ Cao Bá Quát, một hình mẫu cho cái sự “ngông” kiểu “dọc ngang nào biết trên đầu có ai” cũng chỉ cúi đầu trước vẻ đẹp thanh cao, tinh khiết của loài hoa này.



▲ Loài mai vàng được người dân ưu chuộng trưng bày trong dịp Tết

Cây mai là loài cây đa niên, có thể sống trên một trăm năm, gốc to, rễ lồi lõm, thân xù xì, cành nhánh nhiều, lá mọc xen, phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới, đặc biệt với khí hậu miền Nam. Ngoài thiên nhiên, cây mai tự rụng lá vào mùa Đông và ra hoa vào mùa Xuân do đó, người dân thường tỉa hết lá vào tháng chạp âm lịch, để kích thích cho cây mai ra hoa rộ vào dịp tết Nguyên đán. Khi cây mai ra hoa thường mọc ra từ nách lá, mới đầu là một hoa to, gọi là hoa cái, có vỏ lụa (vỏ trấu) bọc bên ngoài. Khi vỏ lụa bung ra, thì xuất hiện một chùm hoa con, từ một đến mười nụ, tăng trưởng nhanh, khoảng 7 ngày sau là nở. Trong chùm hoa này, hoa to nở trước hoa nhỏ nở sau, đến vài ba ngày mới nở hết. Mỗi hoa bên ngoài có 5 đài màu xanh, bên trong có 5 cánh màu vàng, ở giữa là một chùm nhụy mang phần màu xậm hơn. Thường hoa nở 3

ngày thì tàn. Hoa nào đậu thì bầu noãn phình to lên và kết hạt. Hạt non màu xanh, hạt già màu đen, hạt chín rụng xuống đất, mọc lên cây con. Cây con vài ba năm sau mới ra hoa bói lần đầu tiên và cứ thế tiếp tục ra hoa mỗi năm. Hiện nay nhờ kỹ thuật lai tạo giống, các nghệ nhân đã tạo ra được các giống mai có nhiều cánh, cánh xếp nhiều tầng như mai Huỳnh Tỷ, mai Giảo, mai Cúc, mai Cừu Long, Bạch mai, Miến Điện, mai Bến Tre, mai Tứ Quý.

Trong các loài mai, mai vàng được trồng phổ biến nhất, do không kén chọn đất, màu hoa vàng theo truyền thống của người Việt Nam là màu phú quý nên được người dân ưu chuộng trưng bày trong dịp Tết. Hình ảnh hoa mai vàng khoe sắc, đậm chồi nảy lộc với hàm ý mong một năm mới nhiều tài lộc và thịnh vượng.

Trong những năm gần đây, nghề trồng mai đã đem



▲ Người dân làng Nhơn An đang chăm sóc những chậu mai để bán vào dịp Tết

lại cuộc sống sung túc cho nhiều gia đình. Đời sống của người dân ngày càng nâng cao thì nhu cầu chơi mai, thưởng mai ngày càng lớn. Để phục vụ thị hiếu của người chơi mai, người dân trong làng thường trồng mai kiểng, tạo dáng rồng bay thành các hình chân thú long, lân, quy, phụng đẹp mắt. Các chậu mai có gốc to, gốc càng già càng quý. Kỹ thuật trồng mai kiểng phải theo đúng quy trình, người trồng phải mất nhiều công chăm sóc. Có thể nhân giống mai bằng triết cành, giâm cành hoặc ghép cành và trồng trên nhiều nhiều loại đất khác nhau như đất thịt, cát pha, sét pha, phù sa, đỏ bazan, thậm chí đất có lẫn đá sỏi.... Tuy nhiên, mai kỵ đất bị úng thủy, thường xuyên ngập lụt. Rễ mai dài bởi vậy nước ngập lâu dài sẽ khiến cây bị héo úa và chết dần. Trong rễ mai, rễ bàng (mọc quanh đoạn cổ rễ) có sức sống mạnh nhất. Vì vậy, bộ rễ bàng đóng vai trò quan trọng với việc sinh

trưởng và phát triển của cây mai. Loài mai tuy chịu được nắng hạn, nhưng cần phải tưới nước mỗi ngày hoặc cách ngày tưới nước một lần mới tốt. Tưới thẳng vào gốc và xịt nước với tia nhỏ lên khắp tán lá lại tốt hơn. Nên tưới vào lúc sáng sớm hoặc tưới vào lúc chiều mát. Ngoài ra, điều quan trọng nhất với mai kiểng là dáng cây và việc ra hoa đúng kỳ. Cành lá quá tốt sẽ gây ra ức chế với việc trổ hoa. Cây còi cọc quá thì hoa ít, không đẹp. Mai kiểng được trồng trong chậu với lượng đất giới hạn, nên việc bón phân, chăm sóc cho mai hết sức cần thiết. Sau đó, người trồng chỉ cần để ý đến thời gian ra nụ của cây để căn chỉnh sao cho đến Tết cây ra nụ, hoa đẹp nhất.

Năm nay thời tiết ấm hơn mọi năm, nhiều chậu mai còn xanh lá nhưng nụ đã nở, các hộ dân làng nghề Nhơn An đang tất bật chăm sóc những chậu mai, hy vọng mùa vụ bội thu để có cái Tết Bính Thân no ấm.

TRẦN THẮNG TRUNG

Tên thế giới, bộ linh trưởng có 11 họ, 52 giống với trên 180 loài. Ở Việt Nam, bộ linh trưởng có 3 họ, 6 giống và 25 loài. Ba họ linh trưởng ở Việt Nam gồm có họ cu li, họ khỉ và họ vượn.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC LOÀI LINH TRƯỞNG

Thú linh trưởng Việt Nam nằm trong bộ linh trưởng (Primates), là những động vật bậc cao, với trí tuệ tinh anh hàng đầu so với các loài động vật khác. Tất cả các loài linh trưởng đều có tay chân gần giống người và cử động rất linh hoạt giúp chúng có thể cầm nắm dễ dàng, chi có móng thay vì vuốt như các loài thú khác. Thú linh trưởng có hai mắt nằm trước trán hướng về phía trước chứ không nằm hai bên như nhiều động vật.

Linh trưởng là một loài động vật đặc biệt, có đặc tính giống với con người nhất. Não linh trưởng được tiến hóa và phát triển rất cao, xét về tỷ trọng so với trọng lượng cơ thể thì loài linh trưởng có não lớn nhất so với các loài động vật. Cấu tạo này đem lại khả năng phát triển cao hơn của loài này so với các loài khác. Lý giải về điều này, các nhà nhân chủng học tự nhiên cho rằng, trí thông minh cao tương đối của các loài linh trưởng hình thành do chọn lọc tự nhiên trong quá trình tạo ra công cụ lao động.

Qua nghiên cứu cho thấy, rất nhiều loài linh trưởng có những biểu hiện cảm xúc rất đa dạng và giống với những cảm xúc mà con người có. Đặc biệt với các loài như dã nhân (Gorilla), tinh tinh (Chimpanzee)... có những tình cảm giống với con người. Các loài linh trưởng là những loài thông minh và có khả năng thích nghi rất cao với các điều kiện môi trường khác nhau. Trong chu trình tiến hóa của các loài linh trưởng, có sự giảm theo trình tự kích thước mũi và trung khu khứu giác trên não. Phần lớn, các loài khỉ hầu và vượn người tiến hóa với mũi nhỏ, trong khi các loài vượn cáo có mõm dài giống như các loài cáo và gấu trúc Mỹ.

Tổ chức xã hội của các loài linh trưởng rất phức tạp. Các loài linh trưởng được xem là những loài có tổ chức xã hội chặt chẽ và rất đa dạng về hình thức xã hội (đời sống) như: Đơn lẻ như các loài cu li, các loài khỉ mắt trắng...; Một vợ, một chồng như các loài vượn; Một đực - nhiều cái như nhiều loài khỉ ăn lá; Nhiều đực - nhiều cái, một cái - nhiều đực như một số loài khỉ sóc ở Nam Mỹ.



Xuân Bính Thân nói chuyện về bảo tồn và phát triển bền vững các loài linh trưởng tại Việt Nam

GS.TSKH ĐẶNG HUY HUỠNH

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC LOÀI LINH TRƯỞNG

Việt Nam là một trong những quốc gia có mức độ đa dạng sinh học cao trên thế giới với nhiều loài động - thực vật hoang dã quý hiếm, đặc biệt là các loài linh trưởng. Với điều kiện về địa lý và khí hậu, Việt Nam là nơi cư trú bản địa của 25 loài và phân loài linh trưởng trong tổng số 612 loài và phân loài được Tổ chức Bảo tồn thiên quốc tế (IUCN) công nhận. Trong đó, có 5 loài và phân loài đặc hữu của Việt Nam gồm voọc mũi hếch, voọc mông trắng, voọc Cát Bà, chà vá chân xám và khỉ đuôi dài Côn Đảo.

Cũng như nhiều loài động vật hoang dã khác, linh trưởng đang có nguy cơ đe dọa tuyệt chủng do nạn săn bắn bất hợp pháp, buôn bán trái phép, sinh cảnh sống bị thu hẹp. Hiện nay, độ che phủ rừng ở Việt Nam đã giảm đáng kể, xuống còn khoảng 40% năm 2015, trong đó diện tích dành cho sinh cảnh sống của các loài linh trưởng rất hạn chế. Công tác bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân như việc chuyển đổi sử dụng diện tích đất rừng sang mục đích khác, các khu bảo tồn có diện tích nhỏ và bị cô

lập ảnh hưởng đến môi trường sống và sự hoạt động của các loài thú linh trưởng. Mặt khác, công tác quản lý của các cơ quan chức năng còn hạn chế về nguồn lực, nguồn tài chính và nhân lực, đồng thời việc thực thi luật pháp không nghiêm và lực lượng kiểm lâm còn mỏng.

Trong hơn 50 năm qua, Việt Nam đã xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và thiết lập 164 khu rừng đặc dụng với diện tích trên 2,2 triệu ha, trong đó có 32 Vườn quốc gia, 58 khu bảo tồn thiên nhiên và 12 khu bảo tồn loài và sinh cảnh và các khu bảo vệ cảnh quan... nhằm bảo tồn và phát triển bền vững các loài linh trưởng Việt Nam. Trong thời gian qua, Chính phủ Việt Nam ngày càng quan tâm, xây dựng và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng nhằm bảo tồn sự đa dạng sinh học trong đó có các loài linh trưởng.

Bên cạnh việc bảo tồn nguyên vị thì việc nỗ lực bảo tồn chuyển vị các loài linh trưởng ở Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận thông qua việc thành lập Trung tâm cứu hộ các loài linh trưởng tại Vườn quốc gia Cúc Phương vào năm 1993. Trung tâm này đã cứu hộ hơn 260 cá thể, cho sinh sản thành công 240 cá thể của 12 loài, thả trên 50 cá thể về sinh cảnh tự nhiên. Hiện tại, Trung tâm đang cứu hộ, chăm sóc trên 150 cá thể. Đến nay, đã có thêm nhiều Trung tâm cứu hộ linh trưởng được thành lập và đi vào hoạt động tại Củ Chi (TP. Hồ Chí Minh), Vườn quốc gia Cát Tiên (Đồng Nai) và tại đảo Hòn Me (Kiên Giang). Bảo tồn và phát triển bền vững các loài linh trưởng đòi hỏi nỗ lực cao của mỗi quốc gia và sự hợp tác có tâm huyết của cộng đồng quốc tế ■



▲ Voọc mũi hếch, một trong những loài linh trưởng phân bố ở Việt Nam đang có nguy cơ tuyệt chủng



Đảo khỉ - Điểm du lịch sinh thái hấp dẫn tại Cát Bà

Nhắc đến du lịch Hạ Long, không thể không nói tới quần đảo Cát Bà - một quần thể gồm 367 đảo, trong đó có đảo Cát Bà ở phía Nam vịnh Hạ Long, ngoài khơi TP. Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh, cách trung tâm TP. Hải Phòng khoảng 30 km, cách TP. Hạ Long khoảng 25 km. Về mặt hành chính, quần đảo Cát Bà thuộc huyện đảo Cát Hải, TP. Hải Phòng - nơi đây đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới.

Cát Bà hay còn gọi là đảo Ngọc, là một ví dụ tiêu biểu và xuất sắc cho các hệ sinh thái nhiệt đới và cận nhiệt đới ở châu Á, chính bởi sự tồn tại mức độ đa dạng cao của các hệ sinh thái tại khu rừng mưa nhiệt đới nguyên sinh trên đảo, rừng sú vẹt, bãi triều, hồ hải dương và rạn san hô. Các hệ sinh thái này đại diện cho quá trình sinh học đang tiếp diễn trong sự phát triển và tiến hóa của các hệ sinh thái đảo và biển, bởi sự đa dạng của các quần thể động, thực vật trên đảo và dưới biển và 21 loài động, thực vật đặc hữu. Qua thời kỳ phát triển, sự đa dạng này vẫn tiếp tục giữ được sự nguyên sơ và duy trì.

Đặc biệt, khi đi du lịch Cát Bà mà không đến đảo Cát Dứa thì coi như chưa khám phá hết vẻ đẹp và sự kỳ thú của đảo Ngọc. Với phong cảnh thiên nhiên hoang sơ tuyệt đẹp, đảo Cát Dứa hay còn gọi là đảo khỉ đã trở thành một điểm hấp dẫn của du lịch Cát Bà (Hải Phòng). Đây cũng là điểm dừng chân đầu tiên của tuyến du lịch trên vịnh Lan Hạ.

Đảo khỉ là một hòn đảo nhỏ nằm cách thị trấn Cát Bà 2 km, có chu vi khoảng 3 km. Đây là một hòn đảo cấu tạo dạng núi có bãi cát được bồi đắp qua hàng triệu năm, với các đá, vỏ sinh vật biển như vỏ ốc, vỏ sò, tôm, cua dạt vào chân núi tạo thành bãi cát trải dài hàng km. Đảo có tên là Cát Dứa, vì trên đảo có nhiều cây dứa dại um tùm. Từ khi khỉ được đưa lên sinh sống, đảo có tên là đảo khỉ. Khỉ được đưa về đây sống trong tự nhiên nhưng cũng gần gũi với con người, chúng thích đùa giỡn với khách du lịch, tạo cho du khách những bất ngờ thú vị. Mỗi năm có hàng nghìn du khách đến đảo khỉ tắm và ngắm lũ khỉ làm trò. Khỉ ở đây hầu hết là khỉ đuôi dài.



▲ Đảo khỉ, Cát Bà



▲ Khỉ trên đảo Cát Dứa

Đảo khỉ có 2 bãi tắm dạng vòng cung là bãi Cát Dứa 1 và bãi tắm Cát Dứa 2, trong đó bãi tắm Cát Dứa 1 dài hơn. Đây là một điểm tắm biển lý tưởng cho du khách mỗi khi đi du lịch Cát Bà vì nước biển ở đây trong và xanh. Bãi tắm Cát Dứa 2 nằm khuất sau núi hình con hổ và có một khu vườn rộng với các loại cây như dứa dại, phong ba, si, táo trắng... và nhiều loại chim khác nhau cư trú. Vì thế, khách du lịch sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp thiên nhiên tại bãi tắm này.

Với bãi tắm còn hoang sơ nên khách du lịch thường xuyên ra đây nghỉ ngơi, thăm quan và tắm biển. Hàng năm, đảo khỉ đón nhiều lượt khách du lịch đến tham quan. Nhiều khách du lịch nước ngoài đến

đây cho rằng, phong cảnh tại đảo khỉ ít nơi nào có được, phù hợp với phát triển du lịch sinh thái. Lũ khỉ trên đảo cũng góp phần làm nên thành công trong phát triển du lịch của Cát Dứa, vì đến đây, khách du lịch còn được chụp ảnh hay vui đùa với những chú khỉ vắt vẻo trên cây. Ngoài ra, khi đến đảo khỉ, du khách có thể trèo lên đỉnh núi để ngắm bao quát toàn cảnh vịnh Lan Hạ với hàng trăm hòn đảo lớn nhỏ trên làn nước trong xanh.

Quả thật, đảo khỉ đã trở thành một điểm sáng của du lịch Cát Bà với những gì thiên nhiên ban tặng. Hy vọng, đảo sẽ trở thành khu du lịch sinh thái đầy lý thú với du khách trong và ngoài nước■

HỒNG NHUNG



Độc đáo phong tục đón Tết của đồng bào dân tộc Mông bản Sin Suối Hồ

LÊ THÚY MAI

Sở NN&PTNT Lai Châu

Cứ mỗi độ Tết đến Xuân về bản Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Lai Châu lại tràn ngập các sắc hoa vàng của hoa địa lan và cúc quỳ. Sin Suối Hồ theo tiếng bản địa có nghĩa là "Suối có vàng", bản nằm trên đỉnh núi ở độ cao 1.400 m, mang vẻ đẹp thiên nhiên thuần khiết, hoang sơ với bầu không khí trong lành mát mẻ quanh năm.

ĐIỂM ĐẾN CỦA LỮ KHÁCH

Bản Sin Suối Hồ có 103 hộ gia đình người Mông sinh sống ổn định nhờ phát triển kinh tế dựa vào hoạt động du lịch cộng đồng, với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp; văn hóa truyền thống độc đáo; con người thân thiện, hiếu khách và các sản phẩm đặc trưng, hấp dẫn. Du khách có thể đến Sin Suối Hồ bằng ba cung đường khác nhau: từ Mường So đi qua Nậm Xe, qua những cánh rừng nguyên sinh thăm thẳm đầy trải nghiệm; hoặc từ TP. Lai Châu qua Thên Sin với con đường trải nhựa mềm mại uốn quanh dòng suối, được tô điểm bằng những thửa ruộng bậc thang nhuộm một màu xanh của lúa.

Các hoạt động du lịch chủ yếu: Thăm bản, tìm hiểu kiến trúc nhà ở và phong tục tập quán đồng bào dân tộc Mông; hành trình chinh phục thác Trái Tim, thăm khu rừng nguyên sinh; xem biểu diễn văn nghệ, thể dục thể thao (như kéo co, đẩy gậy, bắn nỏ...) thường thức ẩm thực, sinh hoạt cùng với người dân; tham quan chợ phiên (sáng thứ bảy); leo núi chinh phục đỉnh Bạch Mộc Nương Từ cách Trung tâm xã Sin Suối Hồ khoảng 20 km về phía Đông Bắc (đây là đỉnh núi cao thứ 3 Việt Nam và Đông Nam Á); khách du lịch học chăm sóc thảo quả, hoa địa lan và trồng lúa ở ruộng bậc thang; các tour du lịch từ thiện, mạo hiểm...

TRUYỀN THỐNG ĐÓN TẾT CỦA NGƯỜI MÔNG

Người Mông trong bản Sin Suối Hồ có truyền thống đón tết vào đầu tháng 12 âm lịch (trước tết Nguyên đán cổ truyền 1 tháng). Hàng năm, vào ngày 30 tết, họ đóng 1 tập giấy bản



▲ Hoa địa lan ở bản Sin Suối Hồ

vào vách, khi mổ gà cúng, lấy lông gà chấm vào tiết dính lên trên tập giấy đó. Người Mông quan niệm thần nhà là biểu tượng cho sự đầy đủ, giàu sang nên ngày tất niên, họ trang trọng làm lễ cúng thần nhà, để tỏ rõ sự biết ơn và cầu xin thần nhà phù hộ cho một năm mới tốt đẹp.

Đặc sản của người Mông trong ngày tết là rượu lá, rượu được chưng cất theo phương pháp truyền thống, hương men thơm nồng, làm xua tan cái rét cắt da cắt thịt nơi đây. Vị ngọt của rượu dễ uống nên người Mông có tập tục uống rượu bằng bát, càng uống càng say, khi say có thể ngủ li bì đến ba bốn ngày mới tỉnh.

Trang phục truyền

thống mặc trong ngày tết của người con gái Mông là váy xòe, váy được dệt thủ công, sau đó thêu chỉ màu với các hình họa tiết khác nhau, màu sắc càng sắc sảo càng hấp dẫn bạn tình và điều đó cho thấy người con gái ấy sẽ là người vợ giỏi dang.

Trong những ngày Tết, cộng đồng người Mông thường tổ chức đua ngựa, đánh quay, đẩy gậy, bắn nỏ, hội Gầu tào, ném pao... Thanh niên nam nữ ăn mặc đẹp, rủ nhau đi chơi, thổi kèn lá, kèn môi, ném pao, hát đúm. Ngày tết còn có ý nghĩa là ngày hội giao duyên của các đôi trai gái.

Theo truyền thống người Mông, "tục bắt vợ" là cách để chàng trai người Mông lấy vợ. Nếu



ứng người con gái nào, chàng trai bắt cô gái ấy về nhà mình. Sau đó, cha mẹ cô gái sẽ làm lễ gắn kết duyên vợ chồng cho đôi lứa.

NGUỒN THU TỪ HOA ĐỊA LAN VÀ CÁC SẢN VẬT ĐỊA PHƯƠNG

Đặc biệt, những năm gần đây, nghề trồng hoa địa lan được người dân trong bản trồng nhiều vì nhu cầu của khách du lịch tăng cao. Mùa Xuân, bản là điểm hẹn cho những người yêu hoa lan. Trong làn sương trắng dày đặc, đi dọc con đường vào bản, bạn sẽ được chiêm ngưỡng những chậu địa lan ở khắp sân vườn, hai bên lối đi, dưới những gốc cây cổ thụ vỏ xù xì. Những chậu địa lan mấy người khiêng, từng cành hoa vươn ra mạnh mẽ, tinh tế đua nhau khoe sắc. Màu vàng của hoa hòa vào những vật rừng xanh thẫm, lẫn với màu trời xanh vơi vợi, khiến bạn như lạc vào thế giới của loài hoa rừng quyến rũ này.

Chị Nguyễn Thị Thanh Huyền, cán bộ Trung tâm xúc tiến Du lịch tỉnh Lai Châu cho biết, hoa địa lan là một loài hoa hoang dã, mọc tự nhiên trên rừng, dân bản lên rừng làm dẫy, thấy hoa rừng đẹp nên mang về nhà trồng. Hoa dễ trồng, thời gian khoảng 3-5 tháng là nở hoa và hoa rất bền, có thể chơi quanh năm, nên được khách du lịch ưa chuộng mua với giá cao, thời điểm này, giá bán 190.000 đồng/ bông, mỗi chậu địa lan ở đây có giá vài triệu đến chục triệu đồng, nhà ít trồng vài chậu, nhà nhiều vài trăm chậu. Hoa địa lan vừa có giá trị kinh tế mà như một thú chơi độc đáo ở bản vùng cao lại thu hút, hấp dẫn lũ khách.



▲ Ngày Tết của đồng bào dân tộc Tây Bắc

Ngoài chiêm ngưỡng sắc hoa địa lan, dịp cuối năm, Sin Suối Hồ đặc quánh hương thơm ngào ngạt của thảo quả. Hương thảo quả theo gió lan khắp bản Mông, dục lòng du khách ở lại đây để thưởng thức, chiêm ngưỡng bản Mông đang từng ngày đổi mới.

Sin Suối Hồ còn quyến rũ bởi phiên chợ vùng cao trong những ngày giáp tết. Đất làm chợ là do Trường bản Vàng A Chinh hiến tặng. Các phiên chợ, người dân mang đến những sản vật của mình, từ gà đen, nấm mèo, hoa địa lan cùng những món đồ thổ cẩm

của người Mông. Bạn sẽ bắt gặp những cô gái Mông hiền lành, e ấp với váy áo hoa văn sắc sảo, những tiếng kèn lá, đàn môi diu dặt lẫn trong tiếng suối xa vọng về.

Tết Nguyên đán Bính Thân đang đến gần, hòa chung với không khí tấp nập, nhộn nhịp đón Tết, với những tiềm năng, lợi thế, du lịch quý giá, Sin Suối Hồ trở thành một điểm đến hấp dẫn mọi du khách. Du lịch cộng đồng sẽ mang đến một sức sống mới mẻ, một làn gió mới tốt lành đến với mảnh đất biên giới vùng cao đầy thơ mộng này■



▲ Phiên chợ Tết vùng cao Tây Bắc



Đào nương ngày ấy nay còn mấy ai

PHẠM CÔNG ĐÀO

Cục Thông tin đối ngoại,

Bộ Thông tin và Truyền Thông

Ca trù là một loại hình nghệ ra đời rất sớm và có đời sống tinh thần phong phú nó gắn liền với hội hè, đình đám cùng với sinh hoạt văn hóa đời sống trong mọi tầng lớp xã hội. Tuy nhiên ca trù được phát triển rực rỡ dưới chế độ phong kiến, nhất là các tầng lớp quan lại phong kiến kể cả trí thức thời đó rất yêu loại hình nghệ thuật này và nó phát triển mạnh ở những nơi phồn hoa, đô hội, những trấn kinh kỳ, kẻ chợ, thị, thành... Tuy nhiên mỗi miền, vùng ca trù lại có sức sống riêng đồng thời mỗi địa phương nhìn nhận, nuôi dưỡng phát triển ca trù một cách khác nhau. Theo các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian thì tại mảnh đất Phú Thọ nơi cội nguồn tộc ca trù ở đây được phát triển khá sớm và có những giai đoạn được phát triển sâu rộng, người Phú Thọ đã từng thường thức ca trù rất tao nhã, lịch thiệp. Đặc biệt họ rất ưu ái và trân trọng loại hình nghệ thuật này, cùng với dân ca xoan, ghẹo có từ thời Hùng Vương dựng nước. Đặc biệt hiện nay Phú Thọ đã và đang tích cực phục hưng, phát triển và làm sống lại loại hình nghệ thuật đặc sắc độc đáo.

Trở lại thôn Trinh Nữ, xã Bình Bộ, huyện Phù Ninh- Phú Thọ chúng tôi gặp được đào nương Phạm Thị Bang năm nay đã ngoài 90 tuổi. Sinh ra trong một gia đình truyền thống có nghề ca hát, cụ Bang đã dong ruổi theo cha đi hát từ thuở nhỏ và được người cha truyền dạy nghệ từ rất sớm. Cha cụ Bang là Phạm Văn Bản một người có tiếng đàn đáy và trống trầu giỏi nhất vùng ngày ấy. Còn mẹ là Lưu Thị Hoan cũng là một ca nương tiếng tăm một thuở. Ngoài cụ Bang ra thì cụ Bản còn sinh thêm 3 người con gái nữa và tất cả đều mang vẻ đẹp “sắc nước hương trời” và cũng theo nghiệp cha mẹ làm nghề ca hát. Theo trí nhớ của cụ Bang thì cụ chính thức đi hát từ năm 13 tuổi và cuộc đời cũng thăng trầm theo câu hát. Năm

25 tuổi đào nương Phạm Thị Bang kết duyên với một trai làng, tưởng cuộc đời một cô hát sẽ hạnh phúc khi bước về nhà chồng nhưng với định kiến xã hội, cùng sự khắt khe của lễ giáo phong kiến và cả sự khắc nghiệt của nhà chồng cuộc đời ca hát của cụ chấm dứt từ đây. Lăn theo ký ức thời gian, cụ Bang kể cho chúng tôi nghe về một thời xuân sắc, một thời mà cụ đi hát khắp các vùng trong tỉnh và các tỉnh phía Bắc, về cả Hà Nội, Hải Phòng, hát ở những nơi cung to, phủ lớn của các quan lại triều đình, mỗi khi có tiệc, có khao, cưới hỏi, lễ hội, đình đám... Tiếng hát của cụ đã làm say đắm biết bao, tao nhân, mặc khách, bao bậc hiền nhân, quân tử và cũng từ những buổi hát ấy đã nảy sinh bao mối lương duyên. Nhưng dường như duyên phận may mắn lại không đến với cụ để rồi từ một đào nương đoan trang hiền dịu, sắc nước hương trời phải về làm lẽ cho một gia đình quyền quý, rồi sau đó phải bỏ

hát, để mà “thèm câu hát ngay trong những giấc mơ”. Nhiều lúc cụ nhớ hát đến nao lòng, nhưng vẫn phải kìm nén nhất là khi đã có con rồi cụ vẫn không thể ru con bằng những bài hát quen thuộc mà một thời mình đã từng hát. Hiện nay cụ Bang có 9 người con gái, 5 con của chồng và 4 con do chính cụ sinh ra, nhưng cụ không truyền dạy ca hát cho ai vì theo cụ cuộc đời của cụ đã quá long đong chìm nổi trong từng câu hát, mà đã trót mang cái nghiệp ca hát vào thân thì nó lênh đênh, chìm nổi, đa đoan đoan trường và bạc bẽo lắm “Một là duyên hai là nợ ba nữa là tình. Có làm sao con chim nó lẩn quất mãi bên mình suốt cả năm canh, ả phiến là bạn, mấy ả phiến...”. Nghe câu hát ngọt ngào mượt mà day dứt lắm. Chúng tôi biết cụ đang hồi tưởng lại một thời xuân sắc mà trong đó có cả niềm vui và bao nỗi đoạn trường. Chôn chặt đáy lòng câu hát trên 60 năm với



▲ Ca trù là một loại hình nghệ ra đời rất sớm và gắn với văn hóa, đời sống của người Việt



▲ Ca trù góp phần thu hút khách thập phương mỗi khi trở về nguồn cội

gần một đời người, biết bao thăng trầm, khổ đau, cay đắng, tiếng hát của đào nương Phạm Thị Bang năm xưa lại cất lên làm chúng tôi phải ngỡ ngàng. Ngỡ ngàng cho cả người dân nơi đây và cả con cháu gia đình bởi vì xưa nay có mấy ai biết cụ là đào nương tiếng tăm một thuở. Càng ngỡ ngàng khi cụ hát cho chúng tôi nghe lại các bài hát Muối và hát Nói như: Hồng hồng tuyết tuyết, Hồ mã bắc phương, Tri kỷ như ai... giọng hát của cụ vẫn còn mượt mà và trong trẻo lắm, nghe cụ hát không ai có thể nghĩ là giọng hát của một cụ bà ở độ tuổi 90, đã có nhiều người ví cụ như cụ Quách Thị Hồ của Phú Thọ. Không chỉ được nghe cụ hát mà chúng tôi còn được cụ giảng giải cho phân tích cho nghe từng điệu hát, nhịp phách, tiếng đàn, ví như để hát được hay thì phải đẩy hơi, nhả chữ như thế nào và nghệ thuật hát ca trù là loại hình khó hát, tiết tấu không đơn giản. Khó ở ca trù là cách đánh phách, nhịp (tom, chát), rơi ngoài trọng âm hơn là cái “E”, cái chát của hát dân ca, cái “vang, rền, nền, nảy”. Theo như chúng tôi được biết thì hiện nay lớp người như cụ Bang hát được ca trù không còn ai nữa. Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Nguyễn Khắc Xương thì đã có một thời vắng chính trên quê hương Phú Thọ đã vắng bóng tiếng ca trù, bởi nhiều nguyên nhân khách quan nhất là một thời nhiều người coi các ả đào là thứ xướng ca vô loài và gán ghép cho ca trù cũng như xung quanh nó nhiều tiếng xấu không mấy thiện cảm. Do đó nhiều đào

nương tiếng tăm một thuở không còn mặn mà với tiếng đàn, nhịp phách cùng với loại hình nghệ thuật đặc sắc này. Ông cũng khẳng định Phú Thọ là đất phát tích của dân tộc, nơi còn gìn giữ được nhiều vốn văn hóa truyền thống độc đáo, do vậy cùng với dân ca xoan, ghẹo thì Phú Thọ cần sớm khôi phục loại hình nghệ thuật ca trù là hết sức cần thiết, bởi bản thân ca trù kết tinh giá trị nghệ thuật rất tinh tế, có sức truyền cảm và lan tỏa, đồng thời qua đó còn thu hút du khách thập phương mỗi khi trở về nguồn cội. Qua đó còn làm giàu thêm giá văn hóa cổ truyền và bản sắc văn hóa vùng miền. Hiện nay cụ Bang vẫn còn nhớ được 8 giọng hát chính và 38 giọng hát lẻ của hát bát thanh; trong đó cụ hát được nhiều giọng như: trầu vắn, hát tuồng, xướng tế, xẩm, khóc... và nhiều điệu hát như: xẩm chèo, kể chuyện, nảy Kiều... đặc biệt cụ còn nhớ được gần 40 bài hát Muối và hát Nói, hơn chục bài hát thờ. Hỏi cụ tại sao trên 60 năm không hát

cụ vẫn nhớ được nhiều bài hát và điệu hát như thế, cụ Bang bảo dường như từng câu hát đã ăn vào máu thịt, không thể nào quên và tự nó cứ tuôn trào, nhất là những đêm cụ không ngủ được. Được biết Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã tặng thưởng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp dân gian Việt Nam và bằng công nhận danh hiệu Nghệ nhân dân gian cho nghệ nhân Phạm Thị Bang. Âu cũng là xứng đáng với cụ vì những đóng góp với cuộc đời này. Bởi như chúng tôi được biết hàng loạt lớp tập huấn về ca trù tổ chức tại huyện Phù Ninh, thành phố Việt Trì do ngành Văn hóa thông tin (cũ) nay là Sở Văn hóa -Thể thao và Du lịch tổ chức nhằm khôi phục lại vốn ca trù trên quê hương đất Tổ, chủ yếu cụ Phạm Thị Bang là người truyền dạy, cụ còn về tận Việt Trì truyền dạy ca trù cho các diễn viên, nhạc công của Đoàn nghệ thuật chèo Phú Thọ. Tại Hội thảo quốc tế và liên hoan ca trù toàn quốc do Bộ Văn hóa Thông tin (cũ) nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức năm 2006, cụ Phạm Thị Bang và các diễn viên, nhạc công của đoàn nghệ thuật chèo Phú Thọ đã giới thiệu với công chúng những làn điệu ca trù đặc sắc và để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong công chúng và giới nghiên cứu văn hóa dân gian.

Được biết, những năm qua, ngành Văn hóa thể thao và du lịch Phú Thọ đã vào cuộc tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về ca trù, đêm ca trù về với cội nguồn, ca trù sức sống và lan tỏa...Tuy nhiên để ca trù ngày một phát triển thì cần sự vào cuộc của các cấp, ngành và địa phương. Có như vậy thì tiếng hát ca trù mới được cất lên từ mọi làng quê■

CÔNG TY TNHH HAPACO HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 4415 Tỉnh lộ 10, Thôn Tân Hiệp,
Xã An Đông, Huyện An Đông, Tỉnh Kiên Giang



SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH KIÊN GIANG TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Địa chỉ: 1228 Nguyễn Trung Trực, Rạch Giá, Kiên Giang

THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN LOÀI – SINH CẢNH PHÚ MỸ, GIẢI PHÁP KẾT HỢP GIỮA BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN

Đồng cỏ bồng Phú Mỹ là hệ sinh thái đồng cỏ bồng tự nhiên duy nhất còn sót lại của đồng bằng sông Cửu Long, cũng là nơi cư ngụ quan trọng cho "cư dân" SẾU ĐÀU ĐỎ – một loài chim quý hiếm trong sách Đỏ Việt Nam và thế giới. Ở đây có làng nghề đan lát truyền thống của người dân tộc Khơ-me.

Từ năm 2004, được sự tài trợ của Hội Sếu quốc tế, Dự án "Khôi phục bền vững đồng cỏ bồng kết hợp bảo tồn nghề thủ công địa phương" được thực hiện từ 2004 tại xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đã được thực hiện.

Làng nghề đan lát truyền thống của đồng bào dân tộc Khơ-me Phú Mỹ hiện có hơn 500 mẫu sản phẩm đẹp, chất lượng như: các loại chiếu, giỏ, khay, thùng, đệm, nón, ... sẵn sàng cung cấp cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu.

Hiện nay, đang có rất nhiều đoàn gồm các nhà khoa học, các doanh nghiệp có quan tâm đến môi trường và sinh viên của nhiều trường đại học trên thế giới muốn đến Phú Mỹ để xem Sếu đầu đỏ và tham quan làng nghề truyền thống của người Khơ-me.

Hy vọng, với sự ra đời của Khu Bảo tồn loài – sinh cảnh Phú Mỹ sẽ là tiền đề thuận lợi để phát triển ngành du lịch sinh thái gắn phát triển cộng đồng cho Kiên Giang nói riêng và toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung.



CÔNG TY TNHH MTV THÀNH CÔNG



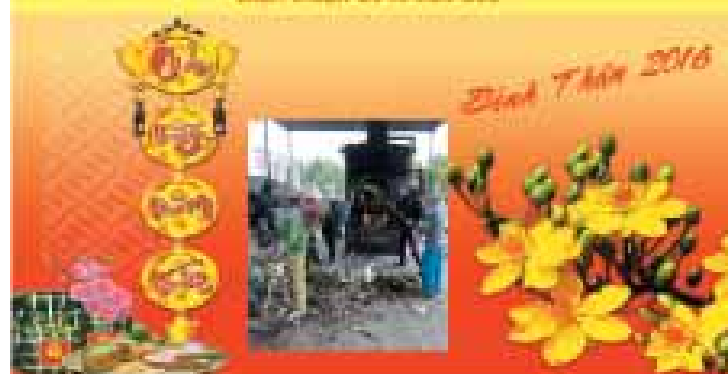
Địa chỉ: Số 05, Thôn CN Bắc Bìm Sơn, Bìm Sơn, Thành Hải,
Gầm đốc: Trình Xuân Ngự

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI TAM HƯNG

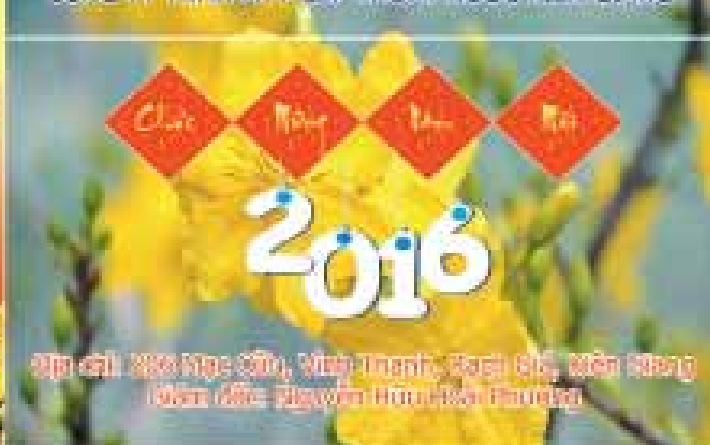


CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TRƯỜNG SƠN

Địa chỉ: Thôn Tân Sinh Tây, xã Cam Thành Bắc,
huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 0949 285 305



CÔNG TY TNHH MTV CÁP THOÁT NƯỚC KIÊN GIANG



Địa chỉ: Xã Ngọc Sơn, Vĩnh Thạnh, Rạch Giá, Kiên Giang
Liên lạc: Nguyễn Hữu Hòa Hoàng

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT CƯỜNG

Địa chỉ: Ngã 3 Khuôn Ngàn, Xã Phú Xuyên, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên



Chúc mừng
năm mới
Vạn sự - Như ý
2016

* Lĩnh vực hoạt động:

- Chuyên sản xuất bê tông thương phẩm và vật liệu xây dựng các loại
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi

Nhân dịp Xuân Bình Thân 2016, DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VIỆT CƯỜNG xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các khách hàng, các đối tác đã hợp tác và ủng hộ Chúng tôi trong những năm qua và mong muốn sẽ tiếp tục được hợp tác với quý vị trong thời gian tới. Kính chúc quý khách hàng, đối tác năm mới An khang thịnh vượng – Vạn sự như ý !

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG QUỐC VIỆT

Chúc Mừng Năm Mới
Xuân Bình Thân 2016



CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TÂN ĐỒNG THÁP

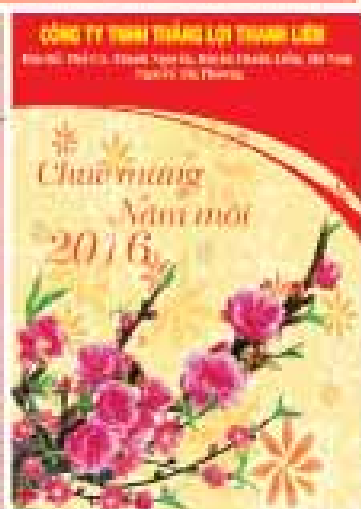
Địa chỉ: Số 54/1 – QL 80 – Khóm Hòa An
Phường 2 – TP Sa Đéc – Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh:

- Xử lý chất thải nguy hại, tái chế nhớt phế thải
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Mua bán và vận chuyển chất thải (dầu, nhớt) đường bộ bằng xe bồn

Nhân dịp Xuân Bình Thân 2016, CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TÂN ĐỒNG THÁP xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý !

Chúc mừng năm mới
An khang - Thịnh vượng
Xuân Bình Thân 2016



CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN XUẤT KHẨU NHƯ XUÂN

Địa chỉ: Thôn Đồng Xuân, xã Hòa Quý, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 0373 548 159



*Chúc
Mừng
Năm
Mới*

*Xuân
Bính Thân
2016*



XI MĂNG ĐIỆN BIÊN

SỰ LỰA CHỌN CỦA MỌI CÔNG TRÌNH



Chúc Mừng Năm Mới
Kuân Bình Thân

Trụ sở Công ty: Số 15, phố 12, phường Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 0230 3832145 - Fax: 0230 3832144

Địa chỉ Nhà máy: Xã Păm Lát, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Email: dienbien.jsc@gmail.com

Mọi thông tin chi tiết, quý khách hàng tìm hiểu tại website: <http://ximangdienbien.com>

VEDAN

Happy New Year

*Vedan Hương Vị
Ngày Xuân*



CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Quốc lộ 51, Ấp 14, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Website: www.vedan.com.vn / Free Hotline: 1800.599.902

Số fax: 0613.825113 / Fax: 0613.825133

2016

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Phùng, Thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm, Lâm Đồng

Điện thoại: 0633.961.682 - Fax: 0633.961.680

Email: vanphong@lda.vn - Website: www.lda.vn

Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA) được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 1/10/2010 theo Quyết định số 2350/QĐ-HĐTV ngày 30/9/2010 do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu toàn bộ vốn điều lệ.

● MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG:

Công ty sở hữu 100% vốn của Nhà nước; Vốn điều lệ 1.800 tỷ đồng; Doanh nghiệp hạng 1; Hoạt động theo mô hình 2 cấp gồm (Hội đồng thành viên, Ban Lãnh đạo điều hành, Kiểm soát viên, 12 phòng ban quản lý, 15 phân xưởng sản xuất trực thuộc Công ty và 1 Chi nhánh Xi nghiệp bao bì Đồng Nai; Tổng số CBCNV toàn công ty khoảng 1.700 người).

● CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Tiếp nhận, quản lý, vận hành, làm chủ công nghệ tổ hợp các Nhà máy tuyển quặng tinh, Nhà máy sản xuất Alumina, các công trình phục vụ dự án, khu khai thác mỏ, hoàn thổ và công tác an toàn môi trường.

- Chuẩn bị lực lượng sản xuất bao gồm vật tư, nhân công, đào tạo vận hành chuyển giao công nghệ.

- Tổ chức, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, củng cố hoàn thiện hệ thống quản lý và duy trì hoạt động sản xuất ổn định mang lại hiệu quả.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất và đóng góp ngân sách địa phương:

● **ĐỐI VỚI NHÀ MÁY TUYỂN QUẶNG TINH BAUXIT:** Nhà máy đã vận hành ổn định, làm chủ dây chuyền công nghệ, cung cấp đầy đủ và kịp thời quặng tinh cho nhà máy alumin. Các chỉ tiêu tiêu hao vật tư, nguyên liệu cho nhà máy tuyển đều đạt theo thiết kế, một số chỉ tiêu thấp hơn thiết kế (chỉ tiêu nước, điện, dầu diesel...).



▲ Toàn cảnh Nhà máy sản xuất alumina - Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA)

● **ĐỐI VỚI NHÀ MÁY ALUMIN:** Do đặc thù là công nghệ mới, phức tạp cả về kỹ thuật và thiết bị cho nên trong giai đoạn đầu đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty Nhôm Lâm Đồng - TKV gặp nhiều khó khăn trong vận hành, năng lực và kinh nghiệm còn hạn chế, chưa hiểu sâu về quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị do vậy Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty chủ động vận hành nhà máy ở mức 50 - 60% công suất thiết kế để từng bước hoàn thiện công nghệ, tích lũy kinh nghiệm và năng lực vận hành, hoàn chỉnh quy trình vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

Đến nay, cán bộ công nhân viên Công ty đã làm chủ được công nghệ và quy trình sản xuất alumin, tích lũy được nhiều kinh nghiệm, duy trì vận hành ổn định, tăng dần công suất của nhà máy với chất lượng sản phẩm ổn định và đạt tiêu chuẩn tiêu thụ trên thị trường quốc tế. Chủ động trong bảo dưỡng, sửa chữa, chăm sóc thiết bị và đưa ra nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, các giải pháp về công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế đang sản xuất hiện nay. Sản lượng sản xuất

ngày càng ổn định và tăng dần công suất, tiêu hao nguyên vật liệu cơ bản đạt theo thiết kế. Trong năm 2015, công suất bình quân đạt 83% công suất thiết kế, có những thời điểm tăng tải đạt 95% công suất thiết kế.

● NỘP NGÂN SÁCH, THAM GIA XÂY DỰNG ĐÓNG GÓP ĐỊA PHƯƠNG:

- Hàng năm, Công ty nộp ngân sách khoảng trên 200 tỷ đồng, tham gia công tác xã hội khoảng 500 triệu đồng.

- Quy hoạch khu định cư và tái định canh đáp ứng nhu cầu của người dân trong vùng dự án, xây dựng 34 căn nhà giúp bà con dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn có nơi ăn chốn ở ổn định. Xây dựng khu tái định canh 182 ha tại xã Lộc Phú tiểu khu 438 B thị trấn Lộc Thắng huyện Bảo Lâm để tạo điều kiện cho các hộ dân bị thu hồi đất canh tác phát triển kinh tế.

- Tham gia công tác Quỹ đến ơn đáp nghĩa huyện Bảo Lâm, công tác xã hội nhân đạo, Công ty... với tổng kinh phí khoảng 8 tỷ đồng, hỗ trợ cải tạo đường tỉnh lộ 725 đi qua tỉnh Lâm Đồng trị giá 180 tỷ đồng.

Chúc mừng năm mới - Xuân Bính Thân 2016



CÔNG TY TNHH CAO SU THUẬN LỢI THUAN LOI RUBBER CO., LTD

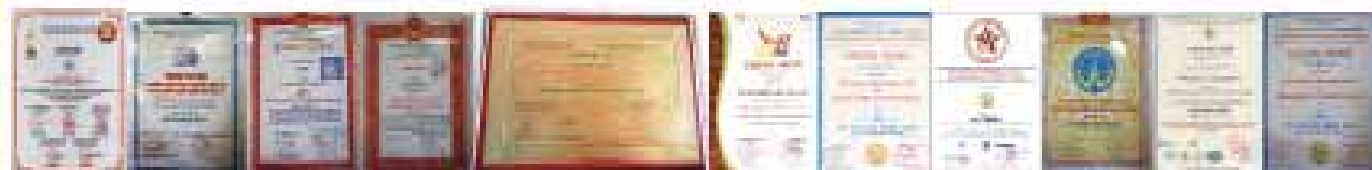
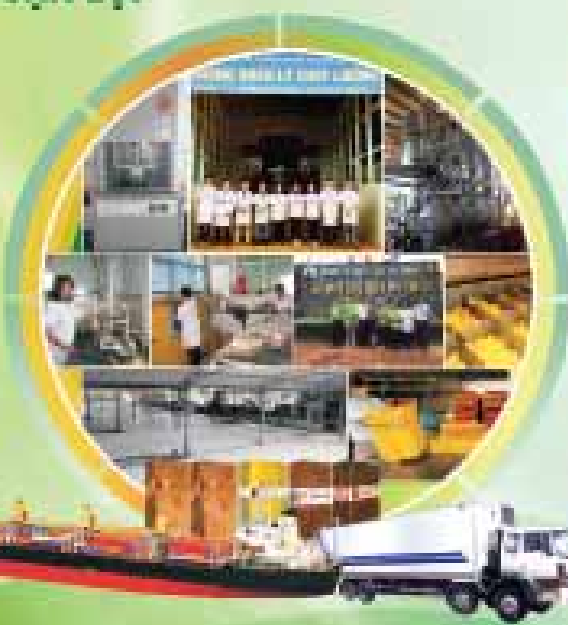
Địa chỉ: Thôn Thuận Hòa - Xã Thuận Lợi - Huyện Bình Phú - Tỉnh Đắk Lắk
Số điện thoại: (094) 8653333/093 - Fax: (094) 8671502/179
Nhà máy Kon Tum: Địa chỉ - 11 Phố Lê - Huyện Ngọc Hồi - Tỉnh Kon Tum
Số điện thoại: (094) 093.821.789 - Fax: (094) 093.821.789
Website: www.thuanloirubber.com - Email: info@thuanloirubber.com

Chính thức được thành lập vào ngày 1/2/2014, với quy mô hàng trăm ha hơn 10 năm kinh nghiệm và phát triển, đến nay Công ty TNHH Cao Su Thuận Lợi đã thành công không chỉ được vị thế của mình, trở thành một trong những thương hiệu xuất khẩu cao su hàng đầu tại Việt Nam. Thành công của Thuận Lợi bắt nguồn từ nỗ lực không ngừng của các nhà sản xuất cao su chất lượng cao, cũng như đội ngũ kỹ sư, nhân viên chuyên nghiệp, các phân xưởng và bộ phận, hàng tháng sản xuất chất lượng cao.

• Sản phẩm:

- Không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện và chất lượng sản phẩm. Với mục tiêu trở thành một trong những công ty lớn về lĩnh vực cao su và các sản phẩm của cao su giá trị cao, chúng tôi luôn nỗ lực, không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Lấy khách hàng làm trung tâm, Công ty TNHH Cao Su Thuận Lợi luôn tận tâm phục vụ tất cả các nhà sản xuất cao su và các nhà phân phối cao su hàng đầu tại Việt Nam (2008 - 2014) và các nhà phân phối cao su hàng đầu tại Việt Nam (2008 - 2014) và các nhà phân phối cao su hàng đầu tại Việt Nam (2008 - 2014).



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái
Điện thoại: 0293.862.278 - Fax: 0293.862.804
Email: yfatuf@gmail.com - Website: www.yfatuf.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 267/QĐ-UB ngày 27/8/2004 của UBND tỉnh Yên Bái. Cổ phiếu của công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tháng 01/2008. Mã giao dịch: CPA

Chúng tôi luôn coi trọng chất lượng, uy tín và hiệu quả, rất mong muốn được hợp tác trên mọi lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ và đầu tư

* Ngành nghề kinh doanh: Chế biến, gia công, kinh doanh Lâm, Nông sản thực phẩm

* Các đơn vị trực thuộc:

Nhà máy sản xuất Vân Yên

Địa chỉ: xã Đông Cường - huyện Văn Yên
- tỉnh Yên Bái
Điện thoại: (84 0293) 831.186
Fax: (84 0293) 831.185

Nhà máy Chế biến tinh dầu quế Vân Chấn

Địa chỉ: xã Lương Sơn - huyện Văn Chấn - tỉnh Yên Bái
Điện thoại: 0293.896.368



Các nhà máy sản xuất giấy để

Nhà máy giấy Yên Hợp đặt tại xã Yên Hợp - Trấn Yên - Yên Bái

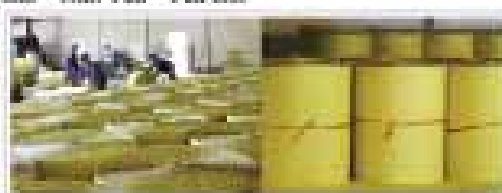
- Nhà máy giấy Yên Bình đặt tại xã Phú Thịnh - Yên Bình - Yên Bái

Điện thoại: (84 0293) 885.864

- Nhà máy giấy Vân Chấn đặt tại Xã Thượng Bằng La - Văn Chấn - Yên Bái

Điện thoại: (84 0293) 873.072

- Nhà máy giấy Minh Quân đặt tại xã Minh Quân - Trấn Yên - Yên Bái





HAPPY NEW YEAR

Chúc Mừng Năm Mới **2016** *Bình Thân*

**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
- SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LONG AN**

Địa chỉ: số 365 Quốc lộ 1 - phường 4
Thành phố Tân An - Long An

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN ỨNG HOÀ

Địa chỉ: số 3 Thanh Âm - TT. Văn Đình - H. ứng Hoà - Hà Nội

GD: : Mai Trung Hà

Trong năm 2015, Trung tâm Y tế huyện Ứng Hoà đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Sở Y tế Hà Nội giao là: Trong công tác phòng chống dịch bệnh không để dịch lớn xảy ra, không có ngộ độc thực phẩm, thực hiện tốt các mục tiêu y tế quốc gia. Khám chữa bệnh đáp ứng được yêu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết nhất trí cao để cùng ban giám đốc nâng cao chất lượng công tác tiến tới đáp ứng được sự hài lòng của người bệnh.

Trung tâm phấn đấu năm 2016 được cử thi đua xuất sắc của Bộ Y tế và hăng khen của Thủ tướng Chính phủ.



BÌNH THÂN

Chúc Mừng Năm Mới

Happy New Year